



ANNIE BESANT

Dịch giả : CAO THỊ LAN

CON ĐƯỜNG CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ

(THE PATH OF DISCIPLESHIP)

Nhóm Hội Viên Thông Thiên Học Hải Ngoại
hiệu đính và xuất bản tại Hoa Kỳ

2006

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
BÀI TỰA.....	1
I.....	3
NHỮNG BƯỚC ĐẦU TIÊN	3
<i>TAMAS</i>	17
<i>RAJAS</i>	19
<i>NĂM SỰ HY SINH HẰNG NGÀY</i>	22
1.- <i>TÁNH NÓNG GIẬN</i>	36
2.- <i>TÌNH YÊU</i>	40
3.- <i>SỰ THAM LAM</i>	42
II.....	47
NHỮNG ĐỨC TÁNH CẦN THIẾT	47
III	86
ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ	86
IV	132
SỰ TIẾN BỘ VỊ LAI CỦA NHÂN LOẠI.....	132
HỘI THÔNG THIÊN HỌC CÓ BA MỤC ĐÍCH	181
CHÂN THÀNH TRI ÂN.....	Error! Bookmark not defined.

BÀI TỰA

(Từ Anh văn ra Pháp văn của Dịch Giả.)

Trong số những bài diễn văn rất nhiều và rất hữu ích mà thế gian đã thọ lãnh của bà Annie Besant nhờ năng lực vô biên và sự tận tâm tuyệt đối của bà trong sự hoàn thành nhiệm vụ cao cả, vì đó bà đã hy sinh đời bà, có lẽ không có bài nào đáng chú ý và có ích cho người học đạo hơn là bốn bài thuyết trình tại Adyar năm 1895, nhân dịp lễ kỷ niệm năm thứ hai mươi ngày thành lập Hội Thông Thiên Học và được gom lại thành một quyển sách nhan đề là «Con Đường Của Người Đệ Tử» (The Path of Discipleship).

Những bài thuyết pháp cao siêu này đã gây cho chúng tôi một sự xúc cảm sâu xa và lành mạnh khiến chúng tôi không ngần ngại dịch ra Pháp văn, hy vọng rằng một ngày kia sẽ in được ra thành sách để những đồng bào không quen đọc Anh văn có thể hưởng thụ được những kho tàng quý báu vô giá chứa đựng trong những bài này.

Xin quý vị độc giả nhớ cho, những bài này được thuyết trình trước cử tọa Ấn Độ.

Như vậy, người ta sẽ không ngạc nhiên về quan niệm mà bà Annie Besant tự chọn cũng như

về những từ ngữ tiếng Pháp rải rác trong bài diễn văn.

H. DEMIRGIAN



(Từ Pháp văn ra Việt văn của Dịch Giả.)

Vì những lý do kể trên và để giúp cho đồng bào, chư huynh không quen thuộc với Anh văn và Pháp văn, chúng tôi cố dịch quyển này ra Việt văn. Xin đọc giả thứ lỗi cho những câu dịch không được suôn sẻ, chỉ tại Anh văn và Pháp văn có những điều và những biệt ngữ dịch ngay ra Việt văn nghe rất chướng tai. Chúng tôi cố gắng chọn từ thế nào cho câu văn:

- 1- Không mất ý nghĩa của diễn giả,
- 2- mà cũng không mất cách hành văn của người Việt.

Thật là một việc làm cực kỳ khó khăn, mong chư quý độc giả thông cảm.

CAO THỊ LAN

I

NHỮNG BƯỚC ĐẦU TIÊN

Con đường hành động – Phép tinh luyện

Thưa quý huynh,

Hai năm trước đây, cũng tại giảng đường này, tôi đã xin quý huynh chú ý đến sự tạo lập vũ trụ một cách khái quát, đến những giai đoạn tiến hóa của nó, và những phương pháp được áp dụng trong sự tiếp diễn đại qui mô của những hiện tượng. Năm rồi, tôi đã thuyết trình về sự tiến hóa của Chơn Linh, cái Chơn Linh trong con người hơn là Chơn Linh nơi vũ trụ, và tôi đã cố gắng diễn giải cho quý huynh rõ Chơn Linh đã thâm góp kinh nghiệm như thế nào xuyên qua các thể của nó để cuối cùng làm chủ hoàn toàn được những thể thấp của mình.¹ Đối với con người cũng như đối với vũ trụ, đối với cá nhân cũng như đối với càn khôn, mục đích chỉ là một: Ấy là một sự cố gắng bền bỉ để hợp nhất với Chơn Linh, tức phản bản hoàn nguyên vậy. Tuy nhiên,

¹ Những bài thuyết pháp này được gom trong một cuốn sách nhan đề «Chơn-Linh và những thể của nó» (*Le Soi et ses enveloppes*).

thỉnh thoảng người ta có nói với tôi, trong những cuộc thảo luận về những đề tài cao cả này:

«Cái đó có liên quan gì với kiếp sống của con người tại thế gian này, trong khi con người bị chi phối bởi những nhu cầu của đời sống hằng ngày, những náo động quay cuồng của hiện tượng giới làm cho con người không thể có một tư tưởng nào về Chơn Linh, vì luôn luôn bị nghiệp quả lôi cuốn vào mọi ngành hoạt động của thế gian? Có một sự liên quan nào giữa giáo lý cao siêu với đời sống của con người, và do cách nào con người của thế gian này có thể tiến lên khá cao để thực hiện được một đời sống tinh thần siêu việt?»

Năm nay tôi cố gắng giải đáp câu hỏi này.

Tôi sẽ rón giải nghĩa cho quý huynh hiểu, bằng cách nào một người ở thế gian, bị bó buộc trong những phận sự gia đình, bốn phận xã hội và vô số hoạt động của đời sống, có thể tự chuẩn bị cuộc đời tu hành và đặt những bước đầu tiên trên con đường đạo duy nhất vô thượng. Tôi sẽ rón tả cùng quý huynh những sự tiến bộ phải thực hiện trên con đường này, tôi bắt đầu bằng đời sống của bất cứ một người nào đó, tôi đi từ vị trí của đa số quý huynh hiện giờ, như thế quý huynh có thể nhận định được có một mục đích phải đạt cho được, có một con đường phải đi qua – con đường này có khởi điểm, nơi đây, trong đời sống trong gia đình, xã hội, quốc gia, và mục tiêu của nó ở một nơi xa xăm không ai tưởng tượng nổi; con đường này sau cùng sẽ dẫn người lữ

khách đến nơi trú ngụ vĩnh viễn của y. Đó là mục đích của bốn buổi thuyết pháp này, đó là những nấc thang mà tôi chắc chắn rằng quý huynh sẽ vui lòng trèo lên với tôi.

Để hiểu rõ đề tài, chúng ta hãy xem xét một cách nhanh chóng quá trình của cơ tiến hóa, ý nghĩa và mục đích của nó để có cái nhìn ngay thẳng và tổng quát khiến ta có thể thưởng thức được đề tài và hiểu được sự thích nghi của con đường thẳng tiến mà chúng ta sắp bước theo từng bước một.

Chúng ta nhận thức cái duy nhất biểu lộ ra thiên hình vạn trạng. Chúng ta hãy nhìn lại dĩ vãng và xem những cõi u minh nguyên thủy bao trùm vạn vật; chúng ta sẽ nghe như một tiếng thì thầm tự những cõi u minh ấy vọng ra: «*Ta sẽ tự sinh sôi nảy nở.*» Sự biểu lộ thành thiên hình vạn trạng ấy chính là sự tạo lập vũ trụ cùng những sinh vật sống trên đó. Trong ý chí tự sinh sôi nảy nở này, do «*Đấng độc nhất vô nhị*» biểu lộ ra, chúng ta trông thấy nguồn cội của mọi sự biểu hiện, và như thế chúng ta nhận biết được cái mầm nguyên thủy của vũ trụ còn khôn.

Khi chúng ta đã hiểu vũ trụ khởi nguyên bằng cách nào, và chúng ta nhận định được sự phức tạp và cái hằng hà sa số nảy sinh từ cái đơn thuần và duy nhất nguyên thủy, chúng ta cũng sẽ hiểu được mỗi sự biểu lộ trong hiện tượng giới đều có tánh cách bất toàn, và chỉ một việc hiện

tượng có thể phát sinh với điều kiện bị giới hạn, cũng đủ là bằng cứ hiển nhiên để chứng minh hiện tượng ấy còn thấp kém hơn Đấng duy nhất và lẽ cố nhiên nó không được hoàn hảo. Điều ấy làm cho ta hiểu lý do của biến tính và đặc tính hằng hà sa số người và vật. Lúc đó, chúng ta mới bắt đầu hiểu sự hoàn thiện của vũ trụ hữu hình là do chính sự biến dị ấy; chỗ nào không những chỉ có Đấng duy nhất mà còn có cái gì thêm nữa, thì cái hằng hà sa số ấy là cần thiết để Đấng duy nhất cũng như vùng thái dương mãnh liệt ban rải những ánh sáng huy hoàng ra mọi phía, có thể ban rải chúng khắp mọi nơi, chính sự hoàn thiện và sự quang minh của thế gian ngự trị trong sự tổng hợp của tất cả những tia sáng ấy. Những sự vật càng nhiều, càng đẹp đẽ và càng khác nhau thì phản ảnh của Đấng duy nhất trong vũ trụ của Ngài sinh ra càng rõ rệt, tuy rằng vẫn luôn luôn chưa được hoàn thiện.

Sự cố gắng đầu tiên của cơ tiến hóa là tạo ra nhiều mạng sống riêng biệt – ít ra riêng biệt về bề ngoài – để khi nhìn từ ngoại cảnh, chúng nó có vẻ đông đúc, nhưng nếu nhận xét về tinh hoa của chúng thì chúng ta thấy Chơn Linh của mọi vật chỉ là một. Khi chúng ta nhận định được điều này, chúng ta hiểu rằng khi nhập thế nhiều lần, cá nhân tự biểu lộ như là một phản ảnh chiếu yếu ớt và bất toàn của Chơn Linh. Chúng ta cũng bắt đầu hiểu vũ trụ này sẽ đi đến đâu, tại sao sự tiến

hóa của vô số cá nhân ấy lại cần thiết, tại sao sự chia rẽ khác biệt ấy lại đóng một vai trò khản yếu trong sự tiến hóa của toàn thể. Quả vậy, chúng ta biết rằng vũ trụ này có mục đích là đào tạo vị Thượng Đế cho một vũ trụ khác, những vị đại Thiên Thần, hướng dẫn mọi quyền lực của vũ trụ này, cùng các vị Thánh Sư có bốn phận giáo hóa nhân loại sơ sinh trên vũ trụ mới đó. Tất cả thế giới này, những sinh vật hiện nay đều theo một triều lưu tiến hóa vững chắc và bất biến, do đó mỗi vũ trụ mới có thể chu cấp cho mỗi vũ trụ tương lai vị Thượng Đế, các Thiên Thần, các vị Bàn Cổ đầu tiên, cùng tất cả các Đấng cao cả có oai lực cần thiết để xây dựng, cấu tạo, quản trị và giáo huấn vũ trụ chưa nảy sinh đó.

Như thế, các vũ trụ đều liên lạc với nhau, những đại kiếp (manvantara) nối tiếp nhau, những kết quả thâm thập được ở vũ trụ này sẽ dùng làm hạt giống cho vũ trụ sinh sau. Trong đám hằng hà sa số ấy có một đơn vị rộng lớn hơn đang tiến hóa và làm nòng cốt cho vũ trụ sắp nảy sinh, nó sẽ là uy lực chương quản, cai trị vũ trụ tương lai.

Đến đây, một câu hỏi được nêu lên – tôi biết câu hỏi này sẽ làm bạn trí nhiều khối óc, vì ở đông phương cũng như ở tây phương người ta đã nhiều lần hỏi tôi như thế – tại sao sự tiến hóa lại có nhiều khó khăn như vậy? Tại sao sự tạo tác lại để lại dấu vết của biết bao lần thất bại bề

ngoài? Tại sao con người lại cư xử sai cách trước khi cư xử đúng đắn? Tại sao họ lại theo điều ác, làm cho họ đê hèn thay vì tha thiết với điều thiện sẽ đưa họ lên cao? Vậy đức Thượng Đế của vũ trụ ta cùng các nhân viên của Ngài là các Thiên Thần cùng các vị Bàn Cổ cao cả đã giáng trần để dìu dắt những bước đầu tiên của nhân loại lại không có phương thế nào để tránh cho công trình tạo tác khỏi bị những thất bại bề ngoài hay sao? Các Ngài lại không có thể điều khiển thế giới cách nào để cho con đường đi được ngay hàng thẳng lối, thay vì xa xôi và cong queo như thế ư? Chúng ta đi đến một giai đoạn mà sự tiến hóa của nhân loại trở nên cực kỳ khó khăn, chỉ vì mục đích phải đạt cho được.

Thật rất dễ mà uốn nắn nhân loại hoàn toàn và hướng dẫn những năng lực khởi sinh của nó về một phía, làm cho nó đi mãi về nẻo thiện, không bao giờ để cho nó quay về phía ác. Nhưng một công nghiệp dễ dàng như vậy thì có gì đặc biệt? Chắc chắn nó biến con người thành một cái máy tự động, bị một sức mạnh bên ngoài thúc đẩy và bắt buộc con người phải tuân theo một luật lệ cưỡng áp, không sao thoát khỏi. Thế giới của khoáng chất phải chịu một định luật cũng như vậy. Những sự tương quan kết hợp những nguyên tử đều phục tùng động lực thúc bách ấy. Nhưng khi chúng ta tiến hóa dần dần, chúng ta tuần tự thấy nảy nở ra một sự tự do càng ngày

càng lớn hơn, cho đến khi chúng ta nhận thức được nơi con người một năng lực đột khởi tự nhiên, một sự tự do lựa chọn, nó chính là lúc khởi đầu sự biểu lộ của Thượng Đế hay Chơn Linh bắt đầu xuyên qua con người. Mục tiêu thật sự, mục đích phải đạt được, không phải là xây dựng những người máy để theo một cách mù quáng con đường đã vạch sẵn cho họ, nhưng là xây dựng phản ảnh của đức Thượng Đế, tạo thành một nhóm người có uy lực, sáng suốt và hoàn toàn, có thể ưa chuộng điều thiện, vì nhận định và hiểu biết được điều này, họ có thể xua đuổi điều ác, sau khi do kinh nghiệm biết được rằng điều ác bất lực và dẫn đến những mối đau khổ. Như vậy, giữa những Đấng cao cả sẽ lãnh đạo vũ trụ vị lai, cũng như giữa các Vị đang lãnh đạo vũ trụ hiện tại, có sự nhất quyết do sự qui hợp tất cả ý chí làm một, nhờ sự hiểu biết và sự tự do chỉ định các ý chí ấy phần khởi bởi một ý muốn duy nhất do ở sự thông hiểu tất cả mọi việc, các ý chí ấy đã hợp nhất với định luật, vì biết định luật chí công, các ý chí ấy muốn hòa mình với định luật không phải do một động lực bên ngoài thúc đẩy mà do một sự tự do đồng ý bên trong. Ở vũ trụ vị lai này, định luật chỉ có một, cũng giống như vũ trụ hiện tại, và sẽ được thi hành do các Đấng làm tiêu biểu cho định luật ấy, vì các Ngài có những quan niệm, những kiến thức, cùng những uy lực đồng nhất; định luật

này sẽ không mù quáng và vô tâm, nó sẽ là kết quả ý chí của một nhóm người đã vào bực Siêu Phàm nên thành hiện thân của định luật vậy.

Không có đường nào khác giúp ta có thể đạt được mục đích như thế, giúp cho tự do ý chí của đa số hợp nhất với thiên nhiên cao cả, với định luật cao cả và duy nhất; vâng, không còn con đường nào khác ngoài định luật nơi đó kinh nghiệm được thâm thập, nơi đó người ta biết được sự ác cũng như sự thiện, sự thất bại cũng như sự thành công. Chừng đó con người trở thành những vị Thiên Đế, và do những kinh nghiệm thâm hoạch được, các Ngài đều mong muốn, đều cảm xúc và đều có uy lực giống hệt nhau.

Trong khi cố gắng đạt đến mục đích này, các vị Chơn Sư và các vị lãnh đạo nhân loại chúng ta, đã đặt nền móng cho nhiều sự văn minh; tất cả đều cấu tạo để đạt mục đích đã ấn định. Tôi không đủ thời giờ để lặp lại nền văn minh cao cả của giống dân chánh thứ tư đã có, trước khi nảy sinh giống dân Aryen oai hùng. Tôi chỉ nói phớt qua một nền văn minh cao cả được đem ra thí nghiệm trong một thời gian, đã cho những kết quả tốt đẹp dưới sự lãnh đạo của những vị chấp chánh khác nhau. Rồi các vị này rút lui, không trực tiếp lãnh đạo nữa, cũng như một người mẹ không nâng đỡ đứa con khi nó bắt đầu tập đi, để xem nó có thể bước và sử dụng tứ chi của nó mà

không cần đến cánh tay của mẹ nữa chẳng. Cũng vì lý do ấy, các đấng Thánh Sư, các Vị chấp chánh thiêng liêng ẩn mình để coi nhân loại ấu trĩ khi tập đi, sẽ đi được vững hay không. Nhân loại ấu trĩ này đã vấp ngã, cái nền văn minh cao cả, oai hùng hoàn toàn trong những tổ chức xã hội của nó, nền văn minh vinh quang vì được tạo thành bởi uy quyền, sự hiểu biết, liền sụp đổ dưới sức nặng của lòng ích kỷ của con người, của những dục vọng thấp hèn mà nhân loại chưa ngự trị được. Lại phải thử thí nghiệm một lần nữa, và giống dân Aryen cao cả được tạo lập – luôn luôn với những Vị chấp chánh và những Vị lãnh đạo thiêng liêng; với một đức Bàn Cổ, Ngài ban ra luật pháp, xây nền móng văn minh, phác họa hiến pháp, với các đấng Thánh Sư tụ họp xung quanh Ngài, trông nom sự thi hành pháp luật và dìu dắt nền văn minh ấu trĩ. Như vậy, một gương sáng lại được nêu lên một lần nữa cho nhân loại, một kiểu mẫu mà nhân loại phải tiến theo lại được đưa ra. Rồi những vị đại Giáo Chủ lại rút lui một thời gian, để cho nhân loại có thể thử sức mình, xem có thể tự lực bước đi một mình không, và chỉ tự tin nơi mình, nhờ Chơn Linh bên trong điều khiển, chớ không do những sự biểu hiện bên ngoài. Như chúng ta đã biết, lần này cũng như lần trước, sự thí nghiệm cũng hoàn toàn thất bại. Chúng ta có thể tự nhận định lấy, bằng cách nhìn về dĩ vãng, lần này chúng ta cũng

trông thấy nền văn minh có nguồn gốc thiêng liêng kia dần dần trụ lạc dưới sức mạnh của những bản năng thấp hèn mà con người chưa học được cách ngự trị, nền văn minh này nhất thời sụp đổ dưới áp lực của những dục vọng bất trị của nhân loại.

Chúng ta hãy trở về với nước Ấn Độ thuở xưa, chúng ta thấy sự cấu tạo hoàn toàn của nó, tinh thần thiêng liêng kỳ diệu của nó, và chúng ta lấy mắt theo dõi sự suy đồi của nó từ thế kỷ này đến thế kỷ khác, khi bàn tay thiêng liêng dìm dặt tự rút ra khỏi tầm mắt con người. Ở mỗi trường hợp, chúng ta nhận thấy sự cố gắng thực hiện lý tưởng thiêng liêng đều đưa đến sự thất bại.

Chúng ta hãy nhìn vào thế giới hiện kim và chúng ta thấy bản năng thấp hèn của con người đã thắng lý tưởng thiêng liêng đến mức nào, lý tưởng này đã được nêu lên làm gương mẫu cho con người ngay từ khi khởi đầu của dòng giống Aryen.

Chúng ta thấy ở thời đại ấy, lý tưởng của phái Bà La Môn, một lý tưởng mà người ta có thể mô tả như là một tâm hồn sắp được giải thoát, không đòi hỏi điều gì về những của cải thế gian, không ham muốn những thú vui xác thịt, không muốn giàu có, quyền thế, uy lực cùng những lạc thú của cuộc đời; đặc điểm của người Bà La Môn là nghèo mà sáng suốt, còn bây giờ chúng ta thường thấy nhiều người mang danh từ Bà La

Môn giàu có và vô minh, thay vì thanh bạch và minh triết. Trong giai cấp này các bạn đã thấy một trong những bằng chứng của sự suy đồi của thế hệ cũ, và ở những giai cấp khác cũng thế.

Bây giờ chúng ta thử xem bằng cách nào các đấng Giáo Chủ đưa con người đến chỗ tự do, chọn lựa lý tưởng đã đưa ra cho họ - mà họ đã rời bỏ - bằng cách nào các vị đại Giáo Chủ đã cố gắng hướng dẫn sự tiến hóa chưa hoàn toàn của nhân loại đến lý tưởng hoàn toàn đã được biểu lộ lúc đầu tiên, để dùng làm gương mẫu cho giống nòi; cái lý tưởng ấy, triều lưu tiến hóa đã không đạt được là do sự yếu đuối và sự non dại của con người.

Để có thể thu thập được kết quả đó trong nhiều thế kỷ, người ta dạy con người «Con Đường Hành Động» (Karma Yoga). Đó là pháp môn tu luyện để hợp nhất với Thượng Đế bằng sự hành động. Đó là phương pháp tu thích hợp với những người sống giữa chốn phồn hoa đô hội, bị những hoạt động của đời sống vây khốn, ám ảnh, khuấy nhiễu, nhưng mà chính là nhờ những hoạt động này đào tạo và huấn luyện, mà con người có thể bước những bước đầu tiên đưa họ đến sự «hợp nhất.» Và vì đó mà «con đường hành động» được qui định để huấn luyện con người.

Xin quý huynh chú ý đến sự liên kết của những chữ «hành động» và «hợp nhất,» sự hành

động thực hiện lấy ảo tưởng làm kết quả, và sự hành động được hướng dẫn để phát sinh sự hợp nhất. Chúng ta nên nhớ chính những hoạt động của chúng ta chia rẽ, và ngăn cách chúng ta; chính sự hoạt động thiên hình vạn trạng và luôn luôn biến chuyển này lôi cuốn chúng ta và làm cho chúng ta bị cô lập. Nói về sự hợp nhất, do hành động, nhờ điều đã sinh ra sự chia rẽ hình như mâu thuẫn. Nhưng sự minh triết của các Chơn Sư xứng đáng với nhiệm vụ cao cả của các Ngài, cái nhiệm vụ dung hòa, giải lý điều mâu thuẫn bề ngoài này. Chúng ta hãy chú ý theo lời giải và xem nó như thế nào.

Dưới ảnh hưởng của ba năng lực của tạo hóa, những «gunas,» những trạng thái của sự vật,² con người không chú ý chạy khắp mọi nơi: Chơn Nhơn giam mình trong xác thịt bị những trạng thái ấy chi phối. Những năng lực này làm việc, chúng nó hoạt động và tạo thành vũ trụ hữu hình, con người tự đồng hóa với những hoạt động ấy. Ý tưởng y hành động, trong khi thật ra chính những năng lực ấy hoạt động. Ý tưởng y bận việc, thật ra chính những năng lực ấy tạo ra những kết quả. Sống giữa chúng, bị chúng làm mù quáng, phải phục tùng những ảo ảnh của

² Ba trạng thái ấy là : động (*rajas*), tĩnh (*tamas*) và thăng bằng (*quân bình*) (*sattva*) cũng có nghĩa là điều hòa.

chúng tạo ra, con người hoàn toàn mất sự tự hiểu biết và bị lôi kéo phía này, phía kia, bị thúc đẩy đi nơi này, nơi nọ, bị những triều lưu lôi cuốn, vì thế nên tất cả những điều mà con người thấy trong đời sống chỉ là những sự hoạt động của ba trạng thái của sự vật mà thôi. Lẽ cố nhiên, trong những trường hợp ấy, y không thể thực hành những giai đoạn cao siêu của phép Yoga, khi mà những ảo tưởng này chưa được tiêu tan, ít nhất là một phần, thì những mức cao nhất của đường đạo hãy còn xa vời đối với y. Y phải bắt đầu hiểu ba trạng thái của sự vật, phải tự ly khai ra khỏi những hoạt động đó của thế giới hữu hình. Những kinh sách của pháp môn Yoga này – vì chúng ta có thể dùng danh từ đó – những kinh sách của đường hành động này, đó là những điều đã được đức Krishna công bố trên chiến trường Kurukshetra, khi Ngài dạy pháp môn ấy cho hoàng tử Arjuna, một chiến sĩ, một người sống trong xã hội, chiến đấu trong trường đời, cai trị quốc gia, và dự phần vào mọi hoạt động bên ngoài; chính đó là bài học ngàn đời cho những ai sống trong thế gian này, bài học dạy họ tuần tự vượt lên cao khỏi giới hạn những trạng thái của sự vật (gunas), và như thế để đi đến sự hợp nhất với Thượng Đế.

Trước hết, «con đường hành động» này làm cho những tác động kể trên được thuần lại và có qui thức. Như các bạn đã biết, có ba trạng thái

của sự vật là: động (raja), tĩnh (tamas) và thăng bằng (sattva). Do ba trạng thái này mà mọi vật xung quanh chúng ta được xây dựng, kết hợp, và hòa hợp muôn ngàn cách. Trạng thái này tác động nơi đây, trạng thái kia làm việc ở mọi hướng. Phải ngự trị chúng, phải bắt buộc chúng giữ cho được quân bình. Chọn Nhơn nhập thể, người chủ của xác thân, phải là chủ nhân có uy quyền và phải lập một sự phân biệt giữa y và những trạng thái của sự vật, những «gunas.» Việc phải làm là tự giảng giải những nhiệm vụ của chúng, kiểm soát và hướng dẫn những hoạt động của chúng. Ta không thể đương nhiên vượt khỏi giới hạn của chúng hay làm trái ý chúng – cũng như một đứa trẻ không thể làm công việc của người lớn. Trong trạng thái tiến hóa chưa hoàn toàn này, nhân loại có thể đạt đến chỗ tuyệt đích của pháp môn Yoga được không? Không, vì nếu con người rón tập thử thì thật là không khôn ngoan chút nào. Thật vậy, nếu người ta bắt một đứa trẻ làm công việc của người lớn thì không những em nhỏ làm không nổi, trong khi thử làm, em sẽ vượt quá sức của em, điều này sẽ đưa đến sự thất bại, trong tương lai cũng như hiện tại, vì nhiệm vụ quá nặng nề đối với sức lực của em sẽ làm cho sức lực ấy kém suy và mòn mỏi. Trước khi có thể thành công, người ta phải tập rèn sức của mình, cũng như em nhỏ phải đến tuổi trưởng

thành trước khi có thể làm một công việc của người lớn.

TAMAS

Ta hãy xem xét trong chốc lát nhiệm vụ của trạng thái tĩnh (tamas) mà người ta dịch ra bằng những danh từ: tối tăm, biếng nhác, bất động, trể nải, v.v... Nếu người ta dùng trạng thái này để giúp sự tiến hóa của nhân loại, thì nó có thể làm nhiệm vụ nào? Về phương diện phát triển con người và giải thoát linh hồn thì trạng thái tĩnh này có ích lợi gì? Theo đường hành động, trạng thái này chỉ được dùng như một sức mạnh mà người ta phải đương đầu và phải thắng nó, để phát triển sức lực trong sự đấu tranh, làm nảy nở sức mạnh của ý chí trong sự cố gắng, và sự thử gắng sức này, tập tữ chủ và kèm chế bản thân. Người ta có thể nói trạng thái này có ích cho sự tiến hóa của con người, cũng như những quả tạ trong sự tập dượt của người lực sĩ. Người này sẽ không thể làm tăng sức bắp thịt của mình nếu không có dụng cụ để luyện tập. Y sẽ không có những bắp thịt mạnh mẽ nếu chúng không cứng rắn lại trong khi cố gắng để nhắc bổng những quả tạ. Sự quan hệ không phải là sức nặng của những quả tạ, mà là việc sử dụng những quả tạ ấy, nếu một người muốn cho những bắp thịt của thân thể y, như những bắp thịt của cánh tay

chẳng hạn, trở nên thật mạnh, điều tốt nhất y có thể làm, là lấy một quả tạ và luyện tập hàng ngày để chống lại sức mạnh kháng cự. Do cách đó, trạng thái tĩnh, nghĩa là sự trể nải hay sự tối tăm, có nhiệm vụ trong sự tiến hóa của con người. Y phải thắng trạng thái này và phát triển sức lực của mình trong khi chiến đấu, những bắp thịt của tâm hồn sẽ mạnh khi y làm chủ được tánh trể nải, tánh lười biếng, tánh lãnh đạm, nghĩa là những tánh của trạng thái tĩnh có sẵn trong bản chất y.

Quý huynh nhận thấy những lễ bái nghi thức của tôn giáo được đặt ra là để ngự trị những tính chất của trạng thái tĩnh đó, ít nhất một phần nào, mục đích của chúng là giúp cho con người thắng sự chậm chạp, sự lười biếng và sự uể oải thuộc bản thể thấp hèn của y, để cho y phải làm một vài bốn phận trong một lúc nhất định, dù lúc đó y muốn làm hay không, dù lúc đó y hoạt động hay lười biếng – tôi nói để cho y đứng trước những bốn phận phải làm trong một lúc nhất định, nghĩa là luyện tập cho y chế ngự sự chậm chạp, sự khinh suất hay sự bướng bỉnh của bản thể thấp hèn của y và bắt y theo con đường mà người ta đã vạch sẵn cho y.

RAJAS

Nếu chúng ta xét trạng thái động (rajas) cũng thế. Quý huynh sẽ thấy trong đường hành động (karma yoga), những hoạt động của con người được hướng theo một vài nẻo nhất định mà chúng ta sắp theo dõi để quý huynh có thể hiểu bằng cách nào những hoạt động ấy, luôn luôn tác dụng trong thế giới hiện kim, nó tự biểu lộ trong mọi phương hướng, đưa đến sự vội vàng, sự chuyển động và luôn cố gắng, để được thành công trong đời sống thấp hèn và để có kết quả, những hiện tượng vật chất; bằng cách nào những hoạt động ấy được dần dần hướng dẫn, luyện tập, tinh luyện, cho đến khi chúng không thể ngăn cản sự biểu lộ của Chơn Linh nữa.

Mục đích của con đường hành động là lấy bốn phạm thay thế cho sự sung sướng cá nhân. Con người hành động để thỏa mãn những dục vọng thấp hèn của mình; y hành động là vì y muốn có những gì y ao ước, để được lợi, để được thưởng. Y làm việc vì muốn có tiền, để thỏa mãn những thích thú. Y làm việc là vì y ham có quyền thế để thỏa mãn bản ngã thấp hèn của y. Những hoạt động, có tánh chất «động» ấy, được vận chuyển để giúp những bản năng thấp hèn của y. Muốn khép những hoạt động ấy vào kỷ luật và điều hòa chúng nó, ngõ hầu sử dụng cho những mục tiêu của Chơn Linh cao cả, thì phải làm cho

con người biết lấy bốn phận mà thay thế cho sự sung sướng riêng tư; làm việc vì công việc là một trong những bốn phận của y, phải hoạt động giúp đời, đó là nhiệm vụ của y, và có thể làm cái mà đấng Krishna đã tuyên bố chính Ngài cũng đã làm. Ngài hành động không phải vì Ngài muốn có một thứ gì cần phải kiếm ở cõi đời này hay ở cõi khác, nhưng vì nếu Ngài không hành động thì thế giới sẽ tận diệt, và bánh xe tạo hóa sẽ ngừng quay. Những ai tu luyện theo phép Yoga đều phải hành động trong tinh thần giống như Ngài, hành động cho toàn thể chứ không phải cho phần tử, hành động để thực hiện thiên ý trong vũ trụ chứ không phải để làm vui thích một cá nhân riêng biệt nó tự cho là độc lập, thật ra nó phải làm việc dưới thiên lệnh. Người ta sẽ đạt được mục đích ấy bằng cách nâng cao dần dần phạm vi hoạt động của mình. Bốn phận phải thay thế cho sự sung sướng cá nhân, những lễ nghi tôn giáo, những sự cúng kiến được đặt ra để đưa con người lần đến đời sống thật sự mà họ phải sống. Mọi hành lễ có tính cách tôn giáo chỉ là một phương tiện để dẫn con người đến đời sống thật sự, đời sống cao siêu.

Một người bắt đầu tham thiền buổi sáng sớm và buổi chiều khi mặt trời lặn, rồi sau cùng cả cuộc đời của y chỉ là một sự tham thiền dài vô tận. Y tham thiền trong một giờ để tự chuẩn bị tham thiền mãi mãi. Mọi hoạt động sáng tác đều

là kết quả của sự tham thiền, quý huynh hãy nhớ tất cả những thế giới được tạo nên là do sự tham thiền vậy. Con người có thể đạt được cái uy lực sáng tác cao cả ấy của sự tham thiền, để y có thể sử dụng sức mạnh thiêng liêng ấy, y phải được luyện tập nhờ những lễ nghi tôn giáo, nhờ sự tham thiền từng lúc. Sự tham thiền có giờ khắc là bước đầu tiên để đi đến sự tham thiền bất tận; nó thu hút một phần đời sống hàng ngày, với mục đích cuối cùng là thấm nhuần trọn kiếp sống, và người ta tham thiền hàng ngày để sự tham thiền có thể dần dần kéo dài suốt đời.

Rồi đến một lúc, người hành giả (yogi) không còn có thì giờ nhất định để tham thiền nữa, vì đời y là một chuỗi tham thiền dài vô tận. Dù làm một việc gì ở ngoài cảnh y cũng tham thiền, và y luôn luôn quì dưới chân Sư Phụ, dù cho khối óc và xác thân y hoạt động trong thế giới loài người. Đối với những loại hoạt động khác cũng thế, con người thoát đầu học làm một việc như một sự hy sinh cho bốn phận, một sự trả nợ đối với thế gian nơi đó y sống, như đền bù lại cho mọi phần tử của tạo hóa về những điều mà chúng nó đã chu cấp cho y. Sau này, sự hy sinh vượt khỏi tính cách để trả nợ, để trở thành sự hiến dâng vui vẻ tất cả những gì mà con người có thể đem tặng. Sự hy sinh một phần, đó là món nợ được trang trải, sự hy sinh hoàn toàn, đó là sự hiến dâng tất cả. Một người tự hiến dâng với tất

cả những hoạt động, những khả năng của y, không những chỉ bằng lòng bỏ ra một phần cái gì thuộc về quyền sở hữu của mình, như người ta trả một món nợ, nhưng y nộp tất cả như người tiêu pha rộng rãi. Khi người ta đi đến mức này, phép tu Yoga đã hoàn tất và bài học của pháp môn hành động (karma yoga) đã thuộc lòng.

NĂM SỰ HY SINH HẰNG NGÀY

Quý huynh hãy coi «năm sự hy sinh hằng ngày» như là một bước đưa đến mục đích nói trên; ít ra danh từ của năm sự hy sinh này đã quen thuộc đối với quý huynh và quý huynh đã nhận định được lý do của mỗi sự hy sinh, là một cách trả nợ, ấy là sự biết ơn của con người, với tư cách cá nhân, vì con người còn mắc nợ của toàn thể trong hoàn cảnh mà y đang sống. Và nếu quý huynh phân tách riêng những sự hy sinh này, dù có phân tách rất nhanh chóng, quý huynh cũng sẽ thấy rõ ràng mỗi sự hy sinh là một sự trả nợ thật sự.

➤ 1.- Sự cúng tế các đấng Thần-Minh.

Chúng ta hãy nói về sự hy sinh đầu tiên: «sự cúng tế các đấng thần minh». Tại sao có sự cúng tế này? Vì con người biết y đang mắc nợ thế gian và những vị thần linh chỉ huy những tác động trong thiên nhiên nhờ đó quả địa cầu mới có cây

trái và con người có thực phẩm. Con người đã lấy được để ăn, để nuôi sống xác thân, nếu muốn trả nợ, con người phải hoàn lại cho tạo hóa một cái gì tương đương với thứ đã được chu cấp cho y, nhờ sự hợp tác của những thần linh trong vũ trụ, những vị thiên thần điều dắt những động lực của hạ giới. Người ta đã dạy con người phải rải rác những thứ hy sinh của y trong lửa. Tại sao? Câu trả lời để giải đáp là: «Agni, hỏa đức tinh quân, là miệng của những thần linh», và mọi người lặp lại câu nói đó mà không tìm hiểu nghĩa của nó, không tìm cách vượt khỏi danh từ thiên thần để có thể hiểu nhiệm vụ của Ngài trong thế gian. Nghĩa đen của câu này là chung quanh ta, khắp mọi nơi, đều có những cộng sự viên có ý thức và tiềm thức của tạo hóa, sắp lại thành những hệ thống, với một vị đại thiên thần của vũ trụ cầm đầu mỗi hệ thống ấy. Như thế, dưới quyền của vị thiên thần cai trị lửa, không khí, nước và đất (bốn chất địa, thủy, hỏa, phong) có vô số những vị thần nhỏ có những nhiệm vụ hoạt-động khác nhau để phát động những mãnh lực thiên nhiên của vũ trụ, như mưa gió, những khả năng sinh sản ra cây trái của đất và các thứ ảnh hưởng làm cho đất đai phì nhiêu. Vậy sự hy sinh mà chúng ta nói đây có mục đích nuôi những nhân viên thấp thời ấy, cung cấp đồ ăn cho họ qua ngọn lửa và lửa được gọi là «miệng của những thần linh,» vì nó làm tan rã, biến đổi

những chất đặc và lỏng, ném vào đó thành chất hơi và những chất nhẹ hơn, cuối cùng, những chất này thành ra dĩ thái, và dưới hình thức ấy, để dùng làm thực phẩm cho những tinh linh thấp thỏi (âm binh)³ chúng nó thi hành mệnh lệnh của những thiên thần. Con người trả nợ thần linh như thế đó, và để đền đáp lại mưa rơi xuống những miền ở dưới lớp không khí bao bọc trái đất, trái đất mới sinh cây trái và con người mới có đồ ăn. Đó là điều mà đức Krishna muốn nói, khi Ngài dạy con người rằng: «Người hãy nuôi những thần linh thì những thần linh sẽ nuôi lại người.» Đó là sự tuần hoàn hạ cấp của sự nuôi dưỡng mà con người phải học cho biết. Thoạt đầu, y coi điều đó như là một giáo lý, rồi đến một lúc y coi đó như là một sự mê tín dị đoan, khi y chưa hiểu những nguyên do thật sự, vì y chỉ mới thấy bề ngoài. Về sau mới hiểu một cách sâu xa hơn, khi khoa học trước kia hướng về phần duy vật rồi dần dần, nhờ sự nghiên cứu thâm sâu hơn, đi đến sự hiểu biết về địa hạt tinh thần. Khoa học khởi sự giải nghĩa bằng những danh từ khoa học để diễn tả những điều mà các Thánh Sư đã thuyết trình bằng những danh từ thần bí, điều đó có nghĩa là con người có thể hướng dẫn và điều hòa sự tác động của những mãnh lực hạ cấp thiên nhiên bằng những hành vi của y. Như vậy

³ Cũng gọi là ngũ hành.

khoa học tân tiến đang cho những giáo lý cổ truyền là hữu lý và chứng minh cho trí khôn thấy điều mà người phi phạm trông thấy bằng trực giác, bằng nhãn quang siêu linh.

➤ 2.- Sự thờ phụng tổ tiên.

Đến sự thờ phụng tổ tiên, là biết ơn những bậc tiền bối trên thế gian; là trả nợ cho những ai đã làm việc trên thế gian trước khi con người sinh ra; là lòng biết ơn, sự tôn kính dành cho những bậc tiền bối đã góp phần tạo nên thế giới hiện kim cho chúng ta và đã đem vào đó những sự cải thiện mà chúng ta thừa hưởng. Công ấy là một món nợ ân nghĩa mà ta phải mang, đối với những vị đã đến trước chúng ta trong trường tiến hóa của nhân loại; các Ngài đã dự một phần vào sự tiến hóa này trong lúc các Ngài còn sống trên thế gian, và đã để lại cho chúng ta kết quả những công việc của các Ngài đã thi hành. Vì chúng ta gặt hái được kết quả của những việc các Ngài đã làm, nên chúng ta trả nợ bằng cách bày tỏ lòng biết ơn đối với các Ngài. Vì vậy mà một trong những sự hiến dâng hằng ngày là sự nhận biết món nợ ân nghĩa của chúng ta còn thiếu của những người đã khuất.

➤ 3.- Sự hiến dâng kiến thức.

Dĩ nhiên, kể đó là «sự hiến dâng kiến thức,» «hiến dâng sự học hỏi,» nhờ sự nghiên cứu những thánh kinh mà con người có thể: một là,

giúp đỡ và huấn luyện những kẻ ngu dốt hơn mình, hai là, làm cho họ phát triển sự hiểu biết cần thiết cho sự biểu lộ của phàm nhơn.

➤ 4.- Sự hy-sinh cho nhân-loại.

Thứ tư là «sự hy sinh cho nhân loại,» làm tròn nhiệm vụ của mình đối với nhân loại, sự nuôi sống một người nào đó để tuyên bố rằng mọi người phải giúp đỡ lẫn nhau, thân thiện cùng nhau về đủ mọi mặt ở cõi đời vật chất, phải cứu mang nhau như anh em ruột thịt. Sự hy sinh cho nhân loại là sự nhận biết hẳn hoi về nhiệm vụ này, khi nuôi những kẻ đói, thết đãi những kẻ cần được nuôi nấng, dẫu rằng quý huynh chỉ nuôi có một người, thật ra, về phương diện lý tưởng, và do theo ý tốt của quý huynh, chính quý huynh đã nuôi tất cả nhân loại vậy. Khi huynh cho một người đi qua cửa thức ăn và chỗ ở, thì huynh mở lòng bác ái của huynh cho tất cả nhân loại như là một đại thể; khi huynh giúp đỡ, cho một người trú ngụ thì huynh đã giúp đỡ và cho tất cả nhân loại trú ngụ vậy.

➤ 5.- Sự nuôi dưỡng loài vật.

Đối với sự hiển dăng cuối cùng, sự nuôi dưỡng loài vật thì cũng thế. Người chủ gia đình phải để đồ ăn dưới đất, để cho bất cứ con vật nào đi qua cũng có thể ăn được. Đó là bốn phận của huynh đối với loài vật thấp kém, vì huynh phải giúp đỡ, nuôi nấng và dạy dỗ chúng. Sự nuôi

dưỡng loài vật có mục đích in vào trí nhớ của chúng ta rằng chúng ta xuống thế gian này để dạy bảo, hướng dẫn và giúp đỡ những sinh vật thấp kém, nghĩa là tất cả những loài nào còn thấp kém hơn mình trên nấc thang tiến hóa. Mỗi khi chúng ta phạm lỗi, hung bạo, cộc cằn, ác độc, với loài vật, thật ra chúng ta có lỗi đối với Đấng ngự trong mình chúng, vì chúng là những sự biểu lộ thấp thỏi của Ngài. Con người phải nuôi dưỡng loài vật, không phải nuôi dưỡng cái hình thể bề ngoài, mà cho Thượng Đế ẩn tàng bên trong, để tập phân biệt được cái gì tốt lành ở nơi loài vật, để y có thể hiểu rằng đức Krishna ngự nơi súc vật thấp thỏi, mặc dầu Ngài ngự nơi đó dưới một hình thức được che kín hơn là con người. Cách duy nhất để chúng ta nuôi dưỡng loài vật là cư xử với chúng cho tử tế, dịu dàng và từ ái, dạy dỗ chúng, giúp chúng tiến hóa thay vì xô đuổi chúng một cách tàn bạo, ác độc như chúng ta thường thấy hiện nay.

Như thế, con người nhờ những lễ nghi cúng kiếng bề ngoài, mà học được những chân lý thiêng liêng để chúng nó thấm nhuần đời y. Và sau khi đã làm đầy đủ năm sự hiến dâng, con người phải đi vào xã hội loài người để hiến dâng nữa, những hành động thuộc một loại khác, để hiến dâng bằng cách làm đầy đủ bốn phận hàng ngày. Và mỗi ngày của y bắt đầu bằng năm sự hiến dâng, được thánh hóa và trôi qua trong đời

sống ngoại cảnh của xã hội. Trong đời sống ngoại cảnh này, sự cầu thả không lo tròn nhiệm vụ, đã tăng lên cùng một lúc với sự hững hờ đối với năm sự hiến dâng này. Không phải chính sự hiến dâng đó là cần thiết, vì tới một lúc kia, con người sẽ vượt khỏi chúng nó; nhưng quý huynh hãy nhớ điều này: Con người chỉ vượt khỏi năm sự hiến dâng này khi nào tất cả cuộc đời y đã biến thành một sự hiến dâng trường kỳ. Từ đây cho đến lúc đó, sự nhận thức rõ về những bốn phận của y là cần thiết để y có thể làm cho đời sống của mình cao thượng hơn. Nhưng đáng thương thay, tại Ấn Độ hiện nay, người ta rất ít quan tâm đến những sự hiến dâng này, không phải vì người ta đã vượt khỏi chúng nó, cũng không phải vì đời sống của họ đã khá trong sạch, thiêng liêng và cao thượng để họ không còn cần đến sự giáo dục sơ cấp và sự nhắc nhở luôn luôn, nhưng bởi vì người ta đã bơ thờ, duy vật và đã xuống thấp hơn lý tưởng của đức Bàn Cổ đã dạy họ. Họ từ chối, không công nhận những món nợ mà họ còn thiếu đối với những thần lực cao hơn, vì vậy, họ không làm những bốn phận của họ đối với những người xung quanh.

Bây giờ, chúng ta hãy xem xét đời sống ngoại cảnh hằng ngày hay là bốn phận của con người trong xã hội. Dù y là người thế nào, y cũng sinh trưởng trong một gia đình riêng biệt; điều này tạo nên những bốn phận của y đối với gia

đình. Y thuộc về một nhóm trong xã hội; do đó y có bốn phận đối với xã hội. Y là phần tử của một quốc gia: Điều này buộc y có bốn phận đối với quốc gia. Giới hạn những bốn phận của mỗi người được ấn định bởi hoàn cảnh nơi đó y đã chào đời, hoàn cảnh này do định luật, do sự thúc đẩy của nghiệp quả đối với mỗi người mà thành một trường hoạt động, một cái sân để luyện tập, trong đó y phải học hỏi. Vì vậy người ta nói: Mỗi người phải làm đầy đủ bốn phận của chính mình, dù một cách chưa hoàn toàn đi nữa, còn hơn là kiếm cách làm một nhiệm vụ cao cả của kẻ khác, vì nhiệm vụ do giai cấp của huynh ấn định chính là điều mà huynh cần đến, và đó là trường hoạt động tốt nhất của huynh.

Huynh hãy làm bốn phận mình mà không âu lo đến kết quả, huynh sẽ học được bài học của đời sống, và đi vào đường đạo. Lúc đầu, mỗi hành động dĩ nhiên thực hiện để có kết quả. Con người hành động vì muốn hưởng một sự ban thưởng. Điều này làm cho huynh hiểu những lời giáo huấn đầu tiên mà con người đã nhận được, khi người ta dạy y hành động với mục đích thu những kết quả ở cõi thiên đàng. Sự phát triển của con người ấu trĩ được thực hiện bằng sự hứa hẹn ban thưởng xứng đáng. Người ta chỉ cho y biết thiên đàng là cõi phải đạt được do việc làm; khi làm đầy đủ bốn phận về tôn giáo, con người sẽ được ban thưởng ở cõi thiên đàng. Theo cách đó,

y dần dần thực hành đạo đức, giống hệt như huynh dìu dắt một đứa trẻ học bài bằng cách hứa cho em một sự ban thưởng. Nhưng nếu ta muốn lấy đạo (yoga) làm mục đích, chứ không phải một phần thưởng nào cả, thì ta phải hành động như khi ta thực hiện một bổn phận.

Quý huynh hãy thử xét qua bốn giai cấp lớn⁴ và nhận định mục đích mà người ta đã nhắm khi lập ra những giai cấp ấy.

Người Bà La Môn.

Người Bà La Môn có bốn phận dạy dỗ, làm những bậc thầy sáng suốt để dìu dắt sự tiến hóa của nòi giống. Y không được học hỏi để kiếm tiền, để có quyền thế, để thâm thập bất cứ một cái gì cho bản thân y; y phải học hỏi để làm đầy đủ nhiệm vụ mình, y phải có sự hiểu biết để có thể truyền nó lại cho kẻ khác. Như vậy, một quốc gia được thành lập một cách hoàn hảo, luôn luôn phải có những bậc thầy để dạy bảo, để có thể hướng dẫn, khuyên răn và không bao giờ theo mục đích ích kỷ. Theo cách đó, ông thầy không được tìm lợi cho riêng mình, nhưng phải làm điều lợi cho toàn dân, và hành động như vậy,

⁴ Xã hội Ấn Độ chia 4 giai cấp lớn: Bà La Môn, là những người chuyên học kinh, sách; chiến sĩ; thương gia; tôi tớ (Lời của Dịch Giả).

ông làm đầy đủ thiên chức của mình và linh hồn được giải-thoát.

Người chiến sĩ (kshatriya: sai đế li).

Rồi đến đường đạo dành cho con người đầy hoạt động, có bốn phận cai trị và gìn giữ trật tự, đường đạo dành cho giai cấp thống trị, giai cấp các chiến sĩ (sai đế li). Người chiến sĩ phải cai trị. Tại sao vậy? Không phải để làm thỏa mãn lòng khao khát uy quyền của mình, nhưng để thực hiện sự công bằng, để cho kẻ nghèo được an toàn, kẻ giàu không quyền áp chế, bạo ngược, để làm nổi bật sự chơn chánh và công bình trong thế gian đầy những sự tranh đấu không ngừng. Và như vậy, là vì ở chính giữa cõi đời đầy những sự chiến đấu, những sự căm hờn, những tranh chấp, nơi đó con người tìm cách thỏa mãn lòng ích kỷ của họ thay vì theo đuổi quyền lợi công, phải dạy cho họ biết sự công bình phải được thực hiện; nếu người khỏe mạnh lạm dụng sức mạnh của mình, thì chánh quyền vô tư sẽ đàn áp sự lạm dụng bất chánh ấy, và kẻ yếu đuối không thể bị chà đạp, đè nén. Và bốn phận của nhà vua là ban rải sự công bình cho mọi người để họ có thể coi ngôi báu như là nguồn cội của sự công bình thiêng liêng. Đó là lý tưởng của vị thánh đế, của vị đế vương thay trời trị dân. Đức Rama cũng như đức Krishna đã giảng trần để dạy lý tưởng này, nhưng con người còn mê muội tối tăm đến

đôi không muốn học bài học đó. Người chiến sĩ lại dùng uy quyền mình để tự làm thỏa mãn dục vọng và đàn áp kẻ khác. Y chiếm đoạt của cải của người ta và bắt người ta phải làm việc cho y. Y quên mất lý tưởng của vị vua thay trời trị dân, lý tưởng này là hiện thân của sự công bình trên thế gian đầy những sự tranh đấu giữa loài người. Nhưng lý do duy nhất của đời sống là thực hiện lý tưởng này làm mục đích trọn kiếp của mình, vì vậy bốn phận của y là cai trị đất nước làm sao cho được lợi cả xứ sở, chớ không phải chỉ để có lợi riêng cho mình. Khi y được gọi đi làm nhiệm vụ một quân nhân, cũng thế. Dân chúng có thể làm ăn trong cảnh thái bình. Những người nghèo khổ và hiền lương có thể sống trong sự an ninh, giữa gia đình sung sướng và đông đúc của họ. Người thương gia có thể yên tâm lo việc buôn bán. Mọi công việc của thế gian này phải được thực hiện mà không phải lo sợ về những sự tấn công, cướp bóc. Vì vậy, người ta dạy người chiến sĩ rằng khi y phải chiến đấu vì đó là nhân danh người bảo vệ cho những kẻ yếu đuối; nếu y tự do hy sinh đời sống của mình thì đó là để cho những kẻ yếu đuối có thể sống an ổn. Y không được chiến đấu vì muốn có tiền, cũng không được chiến đấu để chiếm đoạt đất đai, vì ham quyền tước hay ngôi báu. Nhiệm vụ của y là làm một bức tường thành cứng như thép xung quanh quốc gia để cho mọi sự tấn công đều tan vỡ khi

chạm phải thân thể y, và để cho phía trong cái vòng tròn mà y đã vẽ, người ta có thể sống sung sướng trong cảnh thái bình và an lạc. Muốn đi đường đạo, khi làm nhiệm vụ chiến sĩ, y phải tự coi mình như là nhân viên của Thượng Đế, vì thế mà đức Krishna đã dạy Ngài đã làm tất cả những điều đó và Arjuna chỉ lặp lại hành động ấy trong thế giới loài người mà thôi. Mỗi khi người ta tìm thấy Thượng Đế trong mỗi hành động của con người, thì con người có thể hành động như làm bốn phận thôi, không mong mõi cái gì khác, và những hành động của y không thể ràng buộc y được nữa.

Người thương gia (vaishya: tỉ xá).

Đối với người thương gia có nhiệm vụ thu góp, chất chứa những của cải cũng thế. Y làm việc này không phải để làm thỏa mãn cho riêng mình, mà để nuôi dưỡng quốc gia. Y phải giàu có để mọi ngành hoạt động cần đến của cải là có liền, và để có thể phát triển đủ mọi phương diện, để khắp mọi nơi có chỗ ở cho kẻ nghèo nàn, nhà nghỉ chân cho khách lữ hành, bệnh viện cho con người cũng như cho loài vật, những đền miếu để thờ phụng và sau cùng, để khắp nơi có tiền khi cần thiết tiêu dùng về những hoạt động của một quốc gia hoàn hảo. Cái nghiệp của y là thu góp của cải trong sự ích lợi chung, chớ không phải để thỏa lòng riêng tư của mình. Theo cách đó, y

cũng có thể đi trên đường đạo, và do đường hành động, y tự chuẩn bị sống một cuộc đời cao siêu.

Người tôi tớ (shudra: su tra).

Đối với người tôi tớ phải làm đầy đủ nhiệm vụ mình cho sự ích lợi công cộng cũng thế. Y có thể ví như bàn tay của quốc gia, mang đến cho xứ sở điều gì cần thiết và làm những công việc gia sự. Đạo của y, nếu y thực hành nó, là phải vui vẻ làm bốn phận mình, bốn phận mà y phải làm, chớ không phải để được ban thưởng xứng đáng với công việc đã làm.

Thoạt đầu, con người chỉ hành động để tự thỏa mãn ý thích riêng tư, và kinh nghiệm của y chỉ đem đến sự tiến bộ; về sau y tập hành động vì bốn phận, và bắt đầu hành đạo trong đời sống hằng ngày; sau cùng y hành động vì tinh thần hy sinh vui vẻ, không đòi hỏi một thứ gì để bù đắp lại, mà trái lại còn đem hết sức lực của mình để làm đầy đủ nhiệm vụ. Sự hợp nhất với Thượng Đế được thực hiện theo cách đó.

Chúng ta hiểu nghĩa chữ «tinh luyện»; khi chúng ta xem xét những giai đoạn nối tiếp của sự sung sướng cá nhân, của việc làm bốn phận vì bốn phận, sau cùng sự hiến dâng trọn vẹn tất cả những gì ta có, dưới hình thức của sự tự ý hy sinh. Đó là những giai đoạn mà người ta phải trải qua trên con đường tinh luyện. Nhưng bằng cách nào để đạt được thứ tinh luyện đó nó dắt ta đến

mức độ cao siêu, nó ban cho ta địa vị đệ tử mà tất cả những hoạt động của thế gian này phải dùng để đào luyện. Con người phải được tinh luyện toàn diện, về thể chất cũng như về trí thức. Tôi không có thời giờ nhấn mạnh về sự tinh luyện xác thân, nhưng tôi cần nhắc quý huynh nhớ lại những giáo lý của kinh «Thánh Sư Ca» (Bhagavad Gita). Những giáo lý đó nói rằng người ta đi đến sự tinh luyện ấy bằng sự điều độ ở mọi lãnh vực, chớ không phải bởi một sự khổ hạnh nó hành hạ xác thân và hành hạ cả Thượng Đế ngự nơi đó, như đức Krishna đã nói. Đường đạo được thực hiện bằng cách kiểm soát bản thân một cách điều hòa, chế ngự những dục vọng thấp hèn của mình, bằng sự lựa chọn một cách điềm tĩnh thức ăn tinh khiết, sự luyện tập có chừng mực tất cả những hoạt động về thể xác để có thể huấn luyện một cách điều hòa và giữ cho có chừng mực những cơ năng của cả thân thể, cho đến khi người ta có thể đặt xác thân dưới sự kiểm soát của ý chí và Chơn Linh. Nên đời sống gia đình phải được ấn định, trừ một vài trường hợp hiếm có, con người chưa có thể theo con đường độc thân khó khăn. Sự độc thân của người Bà La Môn Giáo (Brahmacharya), không phải dành cho tất cả mọi người. Do đời sống gia đình, con người tập cho lòng dục của mình có điều độ, chớ không phải là tuyệt dục – đa số người ta không thể thực hành được, và nếu người ta cứ thử cố gắng trừ

tuyệt nó bằng một sự quyết chí khinh suất, thì việc ấy sẽ gây ra một phản động lực xô đẩy kẻ đại dột vào hố trụy lạc và sống một đời cuồng loạn – Vậy không phải cố gắng nhổ tận gốc rễ hay trừ tuyệt sự ái ân một lần một, mà cố gắng tập luyện dần dần cho có điều độ bằng cách từ bỏ những thú vui trong lòng, nơi đó những dục vọng thấp hèn phải được tiết chế cho có thói quen để những bản năng cao siêu điều khiển. Chúng nó phải từ bỏ các hoạt động cuồng loạn để rồi hoàn toàn phục tùng Đấng duy nhất. Con đường hành động này khởi đầu như sau: Người chủ gia đình phải dần dần học cách tự kiểm soát, giữ cho có chừng mực trong mọi việc, y đem những dục vọng thấp hèn của mình dưới quyền sai khiến của những bản năng cao siêu, và tự rèn luyện như vậy hằng ngày cho đến khi những bản năng ấy hoàn toàn tuân theo mạng lệnh của ý chí. Vậy y tự tinh luyện xác thân và có thể tiến lên tới mức cao siêu của đường đạo. Rồi y lại phải hoàn toàn tinh luyện những dục vọng thấp hèn của y.

1.- TÁNH NÓNG GIẬN

Chúng ta hãy lấy vài thí dụ. – Tôi cho quý huynh ba thí dụ để quý huynh có thể áp dụng chúng trong đời sống hằng ngày. Chúng ta hãy xem tật hay giận dữ và thử xét tính này có thể biến đổi cách nào trên đường hành động để trở

thành một tính tốt. Sự giận dữ là một sức mạnh tuôn ra từ con người, sinh ra những ảnh hưởng xung quanh nó. Ở người kém mở mang ít luyện tập, sự tức giận này là cuồng tính. Nó có nhiều hình thức khác nhau làm đổ vỡ những gì chống đối nó, và nghĩ rất ít đến những phương tiện mà nó sử dụng, nó chỉ làm sao xua đuổi tất cả những gì chống đối, chỉ làm thỏa mãn ý muốn của nó mà thôi. Ở trạng thái này, sức mạnh thiên nhiên đó có tính cách vô trật tự và tàn phá, ai muốn theo đường hành động chắc chắn là phải chinh phục nó. Vậy y phải chinh phục và huấn luyện sự giận dữ này bằng cách nào? Đầu tiên y phải loại ra mọi yếu tố cá nhân, khi bị nhục mạ, hay phải chịu một sự thiệt hại cá nhân, y tập không cảm thấy bị nhục mạ hay thiệt hại ấy, đó là điều mà đa số quý huynh phải làm. Nếu một người nào cư xử không phải hay bất công với huynh, thì huynh sẽ làm gì? Có thể huynh tự để cho sự tức giận lôi cuốn mình và đánh người ấy. Một người đã lòng gạt huynh ư? Để trả thù, huynh tìm cách làm cho y bị thiệt hại và sẽ lợi dụng y. Y phản bội huynh ư? Huynh cũng sẽ tấn công y ở phía sau và tìm cách làm hại y. Theo cách ấy, sự giận dữ sinh ra những sự tai hại, ở mọi phía, người ta chỉ trông thấy sự tàn phá trong xã hội loài người, chớ đáng lẽ xã hội phải tốt đẹp nhiều hơn. Phải tinh luyện tật xấu này bằng cách nào? Tất cả các vị Đại Sư đã trả lời câu hỏi này khi các

Ngài dạy chúng ta về con đường hành động; các Ngài đã chỉ bảo bằng cách nào những hành động thực hiện trong thế giới loài người có thể phụng sự thiên ý. Huynh hãy nhớ sự tha thứ khi bị nhục mạ là một trong 10 đức tính mà luật của đức Bàn Cổ bắt buộc chúng ta phải theo.⁵ Huynh hãy nhớ đến lời nói của đức Phật khi Ngài dạy: «Lấy ân đáp oán, oán mới tiêu. Lấy oán đáp oán, oán không dứt.» Huynh cũng nhớ đức Gia Tô lấy cảm hứng ở tư tưởng ấy khi Ngài nói: «Các con đừng để cho điều ác làm chủ mình, hãy lấy điều thiện mà thắng phục điều ác.» Đó là con đường hành động. Huynh hãy tha thứ khi bị nhục mạ, hãy mang tình thương yêu mà đáp lại oán thù, hãy ngự trị điều ác bằng điều thiện. Bằng cách đó, huynh sẽ loại bỏ ra ngoài yếu tố cá nhân; huynh sẽ không giận dữ nữa khi người ta làm thiệt hại mình; khi huynh đã loại trừ yếu tố cá nhân rồi, thì trong lòng huynh, sự giận dữ không còn mang hình thức thấp hèn ấy. Nhưng một thứ giận dữ khác, có tính cách cao thượng hơn có thể còn sót lại. Huynh thấy người ta hành hạ một con vật, huynh bực tức đối với ai đã độc ác như vậy; huynh thấy người ta hà hiếp một kẻ đáng

⁵ 1) An phận. 2) Tha thứ. 3) Tự chủ. 4) Không chiếm hữu vật gì một cách bất hợp pháp. 5) Tinh luyện. 6) Kiên chế những cơ quan của thân thể. 7) Minh triết. 8) Thông hiểu về Đại Hôn của vũ trụ. 9) Chân thật. 10) Kiên tránh sự giận dữ.

thương, huynh tức giận kẻ hà hiếp. Đó là sự tức giận vô tư kỷ, sự tức giận này cao thượng hơn sự tức giận vì yếu tố cá nhân, đó là giai đoạn cần thiết trong sự tiến hóa của nhân loại. Cảm thấy tức giận đối với người làm ác, như vậy còn cao thượng hơn, tốt đẹp hơn một ngàn lần sự thản nhiên lạnh lùng viện cớ rằng sự đau khổ mà người ta phải chịu đựng không gọi lòng thiện cảm của mình. Sự tức giận vô tư kỷ này, với tính cách cao thượng, thật là thanh cao hơn sự lãnh đạm thờ ơ, nhưng đây chưa phải là hình thức cao cả nhất của nó. Đến lượt nó phải được biến đổi thành một tâm tánh tự nhiên khiến cho huynh xử sự công bình đối với kẻ mạnh cũng như đối với kẻ yếu, khiến cho huynh phàn nàn giùm kẻ cường bạo, cũng như kẻ bị hà hiếp, làm huynh hiểu kẻ cường bạo đã tự làm hại mình, nhiều hơn là làm hại kẻ bị hà hiếp, huynh thương giùm y cũng như thương giùm nạn nhân của y, nó làm cho huynh thương xót và đối xử công bình với kẻ áp chế lẫn kẻ bị áp chế.

Người tinh luyện tật giận dữ đến mức đó là đã diệt trừ được sự ác, làm chấm dứt sự ác là bản phận của y, nhưng y còn phải từ bi đối với kẻ làm ác vì kẻ này cũng cần được giúp đỡ và dạy dỗ. Như vậy một tức giận muốn trả thù sự nhục mạ cá nhân trở thành một sự công bình, nó chấm dứt mọi điều ác, nó che chở cả kẻ mạnh lẫn kẻ yếu. Đó là sự tinh luyện trong thế giới, của

những hành vi, những sự cố gắng hằng ngày nhờ đó mà bản tính thấp hèn được tinh luyện để cho sự hợp nhất có thể thực hiện được.

2.- TÌNH YÊU

Chúng ta hãy lấy tình yêu làm thí dụ. Thoạt đầu, ta thấy tình yêu này được biểu hiện trong hình thức thấp kém và thô kệch nhất, đó là dục vọng tầm thường theo thú tánh giữa hai phái, nam và nữ. Lòng dục này không chú ý gì đến tính nết của người được thương yêu, không nghĩ gì đến vẻ đẹp trí thức và đức hạnh, nhưng chỉ trùu mến vẻ đẹp của thể xác, chỉ nhớ tới sự hấp dẫn và thú vui xác thịt. Đó là lòng dục dưới hình thức thấp kém nhất của nó. Người ta nghĩ đến mình, và chỉ nghĩ đến mình mà thôi.

Người đi theo con đường hành động tinh luyện lòng dục này. Y biến đổi nó thành thứ tình yêu thanh cao hơn, thúc đẩy y tự hy sinh cho người yêu. Y làm đầy đủ bốn phận gia đình, coi sóc vợ con, và làm mọi việc mà y có thể làm, bằng cách hy sinh sự vui thích riêng, hy sinh cả những lúc nhàn rỗi cùng sự thỏa mãn riêng tư của mình. Y làm việc để nâng cao tình trạng gia đình để có thể tự y chu cấp cho gia đình những thứ cần thiết. Ở lòng y tình thương yêu không phải chỉ hạn định trong sự tìm kiếm thú vui riêng tư, mà là sự cố gắng giúp đỡ những người y yêu mến, hứng chịu lấy những sự không may hãm

dọa họ, để họ được che chở, dung thứ và cứu rỗi. Khi theo con đường hành động, con người tinh luyện tình thương yêu của mình, lọc sạch hết mọi yếu tố ích kỷ, mà trước kia chỉ là lòng dục có thú tính đối với người khác giống, nay thành tình yêu của người chồng, người cha, người anh cả, người họ hàng, làm bốn phận mình bằng cách làm việc cho những kẻ mà mình thương yêu, để đời sống của họ có thể trở nên êm ấm, và sung sướng hơn.

Đến đây mới bắt đầu giai đoạn cuối cùng, mà tình yêu được gột bỏ hết tính cách vị kỷ, và ban rải cho tất cả mọi người. Nó không còn chỉ ban rải trong vòng gia đình chật hẹp, nhưng ở mỗi người mà nó gặp, nó trông thấy một kẻ phải giúp đỡ; ở mỗi người đói khát nó trông thấy một huynh đệ phải nuôi dưỡng; ở mỗi người phụ nữ bị ruồng bỏ, nó trông thấy một người em gái phải được cứu vớt. Con người được tinh luyện như vậy trở thành người cha, người anh, người bạn của tất cả những kẻ cô độc, không phải vì y thương yêu họ một cách vị kỷ, nhưng vì yêu thương họ trong lý tưởng, và y chỉ tìm cách ban rải tình yêu vì tình yêu, chớ không phải vì sự vui được người ta thương yêu lại. Tình yêu trong sự biểu lộ cao thượng nhất của nó, tình yêu phát sinh ra trong con đường hành động không đòi hỏi một sự gì để đổi chác lại điều nó đã cho ra. Nó không tìm kiếm sự biết ơn, nó không mong

muốn được người ta nhận biết, nó muốn tự giấu mình; khi từ trong bóng tối ban rải ra để người ta không nhận thấy, thì nó sung sướng hơn là khi hành động để người ta chú ý đến và khen ngợi.

Sau cùng, tình yêu được tinh luyện hoàn toàn khi nó trở thành một thứ tình thiêng liêng, khi nó cho ra vì bản chất nó là ban rải hạnh phúc, nó không còn đòi hỏi điều gì cho chính mình nữa, nhưng chỉ tìm cách làm cho kẻ khác được sung sướng.

3.- SỰ THAM LAM

Về sự ham muốn và tham lam cũng thế. Con người làm ra tiền để tìm cho mình sự sung sướng, để trở nên có thế lực, để tiến lên địa vị cao trong xã hội. Thoạt đầu, họ tinh luyện hình thức thứ nhất của tật ham muốn là mong mỏi có tiền để gia đình được hạnh phúc hơn, địa vị gia đình được tốt đẹp hơn, để gia đình khỏi bị đau khổ và thiếu thốn, như vậy họ bớt ích kỷ hơn trước. Họ còn đi xa hơn nữa và tham vọng tăng thêm phương tiện của mình để có thể dùng vào việc thiện, để có thể làm điều ích lợi trong phạm vi rộng lớn hơn gia đình, và sau cùng, cũng như trường hợp tình yêu, họ tập cho ra mà không thu nhận cái gì để bù lại. Họ tập muốn có trí thức và của cải, không phải là để giữ lấy, mà để ban rải, không phải để hưởng thụ, mà để phát ra khắp nơi. Bằng cách ấy, tánh ích kỷ được diệt trừ.

Có bao giờ quý huynh tự hỏi: Tại sao Đấng mà người ta gọi là «Mahadeva» (Đại Thiên Thần)⁶ lại ở một xứ nóng như lửa. Người ta phải nghĩ thật lạ kỳ Đấng tối cao là tượng trưng sự tinh khiết lại ở một nơi như thế ! Câu nói bóng gió: «miền viêm địa» có ẩn ý về: «đời sống con người» và tại miền viêm địa này là nơi đức Thượng Đế Shiva ngự trị; tất cả những gì thấp hèn trong đời sống con người đều bị lửa đốt cháy rụi. Nếu Thượng Đế Shiva không ngự nơi này, mọi căn bã của đời sống thế gian còn lại sẽ sinh lên, thối nát để thành nguyên nhân của mọi sự nguy hại, lan tràn khắp mọi nơi, sinh ra bệnh tật và sự thối tha. Nhưng trên miền viêm địa nơi Ngài ngự trị, những ngọn lửa của Ngài xuyên qua từ đâu này đến đâu kia, tất cả những gì ích kỷ, tư riêng, có bản chất thấp hèn đều bị cháy rụi. Người hành giả được tinh luyện do những ngọn lửa hồi sinh ấy, không còn mang dấu vết yếu tố cá nhân, vì những ngọn lửa thiêng liêng đã đốt tiêu những dục vọng thấp hèn, không còn để lại một vết tích gì có thể nhiễm độc hay là làm cho đau ốm. Vì vậy, người ta gọi Ngài là Đấng phá hoại, phá hoại mọi sự gì ti tiện, để sự phục sinh có thể thực hiện được, vì lúc nguyên thủy, linh hồn sinh ra từ những ngọn lửa của Ngài, và

⁶ Theo nghĩa từ là Đại Thiên Thần, nhưng chính nghĩa đây là đức Thượng Đế.

chính tại nơi «miền viêm địa» ấy mà Chơn Linh được tinh luyện.

Theo cách đó, những bước đầu tiên này dẫn huynh đến địa vị thiết thọ của người đệ tử, huynh đã tìm Sư Phụ trong linh điện, nơi linh thiêng nhất trong mọi nơi linh thiêng, đức Sư Phụ của nhân loại ngự tại nơi đó. Ấy là những nấc thang đầu mà huynh phải trèo, ấy là con đường mà huynh phải theo. Quý huynh là những người sống trong xã hội, bị những dây chướng ngại ràng buộc, bị chi phối bởi những nhu cầu của đời sống xã hội, chính trị, tuy vậy, tự nơi đáy lòng, quý huynh vẫn mong ước đến con đường chơn chánh, đến sự hiểu biết thuộc về đời sống vĩnh viễn trường tồn chớ không phải về đời sống phù du giả tạm. Nếu mỗi người tự do xét kỹ nơi thâm sâu của lòng mình, ta sẽ tìm thấy ở đây sự nồng nhiệt muốn học hỏi thêm mãi, muốn sống cao thượng hơn là nếp sống từ trước đến giờ. Huynh có thể hình như quyến luyến sự vật ở thế gian và trù mến chúng thật sự, do bản ngã thấp hèn của huynh, nhưng trong lòng của mỗi người Ấn Độ chơn chánh chưa hoàn toàn từ bỏ tôn giáo và xứ sở của mình, luôn luôn có một hoài vọng về một lý tưởng cao thượng hơn là cõi đời này, một ý muốn dù yếu đuối đến đâu mặc dầu, dù đó chỉ do những tục lệ cổ truyền của dĩ vãng, một ý muốn trông thấy xứ Ấn Độ trở nên cao quý hơn hiện giờ, và dân tộc Ấn xứng đáng hơn với

dĩ vãng của họ. Đó là con đường mà quý huynh phải bắt đầu noi theo. Một quốc gia chỉ có thể cao cả nếu con dân của quốc gia ấy cao cả, một dân tộc không thể nào hùng cường nếu những cá nhân trong dân tộc nghèo hèn và sống một đời ích kỷ. Quý huynh phải khởi hành từ điểm quý huynh đứng hiện giờ, từ cuộc đời mà quý huynh đang sống hiện tại, và quý huynh sẽ tiến đến gần đường đạo bằng cách tuân theo lối sống mà tôi vừa tả sơ cho quý huynh thấy.

Xin quý huynh cho tôi chấm dứt, và nhắc quý huynh rõ đường đạo sẽ dẫn ta đến đâu, tuy rằng trong những bài diễn văn sau này đọc trước quý huynh, tôi phải cùng quý huynh tiến đến gần nó.

Đường đạo dẫn đến sự hợp nhất. Con đường hành động mà chúng ta vừa học dẫn đến sự hợp nhất do những sự hành động. Còn các nấc thang khác phải vượt qua. Nhưng trước hết, hợp nhất nghĩa là gì? Quý huynh còn nhớ đức Krishna miêu tả con người đã thoát khỏi những đặc tánh của vật chất, (gunas), đã xứng đáng uống nước cam lồ, trường sinh bất tử, và sẵn sàng hiểu Đấng tối cao, sẵn sàng hợp nhất với Ngài. Y chỉ biết có một yếu tố duy nhất là những gu na, nhưng y biết trên cao kia còn có cái gì nữa. Y trông thấy những gu na tác động, nhưng lúc không có chúng, y cũng không muốn có chúng làm gì, khi có chúng, y cũng không xua đuổi chúng. Y vẫn hoàn toàn thăng bằng giữa bạn và

thù, trước sự khen ngợi hay chê bai; tự tín, y coi mọi vật như nhau, y nhìn một cục đất cũng như một đồng vàng, nhìn bạn cũng như nhìn thù. Y cư xử với mọi người cùng một cách, vì y đã vượt khỏi những gu na và không thể còn mắc vào những ảo ảnh của chúng nữa. Đó là mục đích mà chúng ta đang tìm kiếm. Đó là những nấc thang đầu tiên phải trèo để đến đường đạo nó dẫn chúng ta lên cao nữa. Khi chưa vượt qua những mức này thì không thể có một sự tiến bộ nào cả, nhưng khi người ta vượt khỏi rồi, thì sự nhập đạo thiết thọ càng ngày càng rõ rệt.



II

NHỮNG ĐỨC TÁNH CẦN THIẾT

Kiểm soát tư tưởng Tham thiền – Lập hạnh

Thưa quý huynh,

Khía cạnh đặc biệt của vấn đề mà chúng ta phải giải quyết hôm nay có liên quan đến những đức tánh cần thiết để thành một người đệ tử. Tôi sẽ bắt đầu diễn giải cho quý huynh rõ luật luân hồi và những phương tiện khiến cho mỗi người nhận định được cái gì là đức tính của người đệ tử và chọn lấy mục đích ấy cho đời sống vị lai của mình. Quý huynh nhớ những điều tôi đã nói hôm qua, về những giai đoạn khác nhau của hành động: Một người bắt đầu hành động với mục đích làm thỏa mãn những dục vọng thấp hèn của y và để mưu hoạch được những lợi lộc thế gian, rồi thế nào, sự thực hành con đường hành động dần dần dạy y hoạt động không phải với mục đích được lợi cho bản thân, nhưng chỉ để làm bổn phận mình, như vậy là hợp nhất với định luật, và như thế tham dự một cách có ý thức vào công trình vĩ đại của thế gian. Sau đó tôi đã nói với quý huynh có một giai đoạn cao hơn những giai đoạn này, một giai đoạn trong đó sự hy sinh

được thực hiện, không phải như một bồn phận, mà là một sự hiến dâng vui vẻ tất cả mọi cái gì mà con người đang có. Dĩ nhiên khi nào con người tìm cách đi đến giai đoạn này, khi y làm một việc không phải chỉ vì đó là bồn phận của y phải làm, nhưng vì y muốn hiến dâng tất cả thân thể và tài sản để phụng sự Đấng tối cao; chỉ lúc ấy y mới có thể dứt khoát với những sự ràng buộc của dục vọng và được giải thoát, khỏi vòng luân hồi. Điều lôi kéo con người và bắt con người phải luân hồi xuống thế gian, đó là ý muốn; ý muốn thụ hưởng những của cải mà người ta có thể tìm thấy ở thế gian, ý muốn làm được mọi việc mà người ta có thể làm ở nơi đó. Bất cứ ai có những tham vọng hồng trần, và đặt một mục đích hồng trần cho đời mình, thì bị những ý muốn ấy buộc chặt. Khi những dục vọng con người còn nhắm vào những điều mà cõi hồng trần có thể cung cấp cho y thì y còn phải xuống thế gian để thỏa mãn những dục vọng ấy. Khi y còn chỉ một nỗi vui hay một vật thuộc về đời sống phù du, đời sống vật chất ở thế gian còn có quyền lực lôi cuốn y, và cũng có quyền lực trói buộc y. Nói một cách khác, mọi dục vọng đều trói buộc linh hồn và dẫn linh hồn đến nơi nào mà nó muốn được thỏa mãn.

Bản chất của con người vốn thiêng liêng và con người giống như một vị Thượng Đế, cho đến đổi sức mạnh tự ý phát ra mà chúng ta gọi là dục

vọng, có quyền lực tự thỏa mãn. Nó muốn điều gì là được điều nấy, nó muốn cái gì thì tạo hóa cho nó cái nấy, đúng lúc thích nghi, khi đến giờ, đến lúc. Vì thế, nên người ta thường nói, con người làm chủ số kiếp của mình, và tất cả những gì y đòi hỏi nơi vũ trụ, vũ trụ sẽ cho y. Lẽ đương nhiên, y sẽ hái được kết quả của những điều y muốn tại cảnh giới của vũ trụ nơi đó chúng nó đã nảy sinh. Vậy, nếu những dục vọng của y thuộc về cõi hồng trần, thì y phải trở lại cõi hồng trần để dục vọng y có thể được thỏa mãn. Con người cũng bị trói buộc vào vòng luân hồi bởi những dục vọng chỉ có thể được thỏa mãn trong những cảnh giới phù du thoáng qua ở bên kia cửa tử. Những cảnh giới phù du ở bên kia cửa tử, như chúng ta biết, đều đưa chúng ta đến sự luân hồi tại thế gian này, cho nên nếu những ước vọng của con người nhắm vào nỗi vui của thiên đàng, nếu y mong mỏi hái, tại một cảnh giới cũng phù du, những kết quả của đời sống tại thế gian này, và nếu y khước từ những thú vui hồng trần với mục đích nhất định là đạt được những sự vui ở thiên đàng, thì những sự vui này sẽ là phần thưởng do những cố gắng ấy mà có, và phần thưởng này sẽ ban cho y, vào lúc thích hợp đúng kỳ. Nhưng vì thiên đàng cũng là cõi giả tạm phù du, cho nên kết cuộc y cũng chỉ chọn con đường gọi là con đường ảo mộng (con đường của mặt trăng) dẫn đến sự luân hồi. Quý huynh cũng nhớ

câu: «Mặt trăng là cửa dẫn đến thiên đàng» – Như vậy, khi từ già thiên đàng, linh hồn con người lại trở lại cõi hồng trần của thế nhân. Do đó mà dục vọng – dù có phải được thỏa mãn ở cõi này hay cõi khác cũng phù du, giả tạm như nhau – trói buộc linh hồn vào bánh xe luân hồi, vì lý do ấy mà kinh sách đã viết linh hồn chỉ có thể giải thoát khi «những dây trói buộc của lòng được cắt đứt.»

Sự giải thoát, hoàn toàn trong một thời gian, có thể đạt được do sự tuyệt trừ những dục vọng ấy. Không cần làm một việc gì có tính cách thật cao thượng, không cần phải đạt đến một mức rất cao trong sự tiến hóa của linh hồn, không cần phải phát triển mọi năng khiếu thiêng liêng ẩn tàng trong lương tri con người, không cần phải lên đến chót đỉnh cao cả nơi đó có các đấng Giáo Chủ và các vị Hộ Trì của nhân loại ngự trị; nếu muốn, con người có thể được hưởng một sự giải thoát thật ích kỷ, nó đem y lên cao hơn cõi thế gian đau khổ này, nó cắt đứt mọi dây trói buộc y vào cảnh giới sinh tử này, nhưng y không giúp đỡ người khác, không cắt đứt dây trói buộc cho họ, không giải thoát họ. Đó là một cách giải thoát có lợi cho cá nhân chứ không phải cho toàn thể, một sự giải thoát do đó cá nhân từ bỏ nhân loại, để mặc nhân loại tự vạch lấy con đường mà đi. Tôi biết rất nhiều người không có ước vọng nào cao hơn thế, rất đông là những người chỉ tìm sự

giải thoát cho mình, không nghĩ đến người khác. Như tôi đã nói, mục đích ấy rất dễ đạt được. Muốn như vậy, chỉ cần nhận định được tính chất phù du giả tạm của sự vật tại thế gian, tính cách mộng ảo của những tham vọng mà thế gian vượt ve hằng ngày, nhưng rốt cuộc sự giải thoát ấy chỉ dài được một thời, có lẽ một đại kiếp⁷ rồi sau đó con người vẫn bị bắt buộc phải trở lại. Như thế, tuy đã lìa bỏ cõi thế gian này, nhưng linh hồn vẫn còn phải trở lại trong một cuộc tuần hoàn vị lai, để tiến lên một bước nữa cho đúng với kiếp số thiêng liêng, thật sự của con người. Ấy là sự tiến hóa của lương tri nhân loại trong cái đại lương tri của vũ trụ mà nhiệm vụ là giáo huấn, phù trợ và điều khiển những thế giới vị lai.

Tôi xin nói đến những linh hồn khôn ngoan và đại lượng hơn, tuy họ muốn cắt đứt những dây trói buộc của dục vọng, nhưng không phải để chính mình thoát khỏi những khó khăn của đời sống hồng trần, mà để có thể theo đuổi con đường cao siêu, cao thượng, gọi là con đường của kẻ chí nguyện muốn làm đệ tử, để theo những Đấng cao cả, các Ngài đã đặt ra con đường ấy vừa tầm sức của nhân loại. Những linh hồn này tìm những vị Chơn Sư sẵn sàng thấu nhận những ai đủ tư cách để theo con đường ấy, không phải với mục đích duy nhất là tự giải

⁷ *Manvantara*.

thoát, không phải để thoát khỏi mọi lo âu, mà với mục đích một ngày kia trở thành những Vị phù trợ, những Chon Sư và những Đấng cứu thế. Những linh hồn này hoàn lại cho toàn thể thế giới những gì mà con người đã nhận được của các Chon Sư tiên phong. Địa vị đệ tử này được ghi trong những đại thánh kinh của thế giới. Sự tìm một Sư Phụ giáo huấn loài người, là một lý tưởng của những linh hồn cao thượng và tiến hóa nhất; họ đã tìm cách thực hiện thiên ý ở thế giới ngoại cảnh này. Quý huynh hãy lấy bất cứ thánh kinh nào và hãy xem cách giải bày về vấn đề này ra sao. Quý huynh hãy coi hết kinh Upanishads này cho đến kinh Upanishads khác, và hãy coi ở đây người ta nói về Sư Phụ ra sao, người chí nguyện muốn làm đệ tử được khuyến khích để kiếm và tìm thấy Ngài bằng cách nào. Đó là điều mà hôm nay tôi muốn nói với quý huynh, nói về các đức hạnh cần phải có để trở thành một người đệ tử, nói về những gì phải làm trước khi được thu nhận làm đệ tử, về những điều gì phải hoàn tất trước để cho việc đi tìm Chon Sư có thể may ra thành công; về những gì phải làm ở thế gian, trong đời sống tầm thường của mọi người, bằng cách xem cuộc đời như một trường học, như là một nơi ở đó người ta học những bài yếu lược, như là một nơi để cho con người học những đức tính cần thiết để xứng đáng đi đến chân các vị Đại Sư. Các Ngài sẽ ban

cho y sự phục sinh thật sự, sự phục sinh này được tượng trưng trong mọi tôn giáo công truyền bởi một nghi lễ nào đấy, tự nó chẳng có gì thiêng liêng, nhưng rất thiêng liêng ở điều mà nó tượng trưng vậy. Huynh sẽ thấy trong Ấn Độ ngữ danh từ «**được sinh ra hai lần**» có hàm nghĩa là người ta không phải chỉ được sinh ra do người cha và người mẹ xác thịt, mà còn được sinh ra lần thứ hai nữa, lần này do Chơn Sư ban cho linh hồn. Điều này được tượng trưng bởi sự điếm đạo cho người con, do vị Thầy của gia đình hay do người cha; điều này khiến cho thế gian người ta gọi y là người sinh hai lần, nhưng ở những thời xưa – cũng như ở thời nay – đã có và hiện đang có một sự điếm đạo thật sự nó sinh ra mọi nghi lễ bề ngoài. Có một sự điếm đạo thiết thọ nó không phải chỉ là sự thu nhận vào một giai cấp bề ngoài, nhưng nó cho ta một sự phục sinh thiêng liêng thật sự, sự điếm đạo do một vị Đại Sư thay mặt cho Đấng tối cao, Đấng duy nhất được phép điếm đạo cho nhân loại. Chúng ta thấy những kinh sách cổ truyền có thuật lại những cuộc điếm đạo ấy, chúng ta biết rằng những sự điếm đạo ấy hiện giờ vẫn còn. Toàn thể lịch sử chứng minh sự ấy có thật.

Ở Ấn Độ có những đền đài phía dưới đất lại có những thánh điện để dùng cho những cuộc điếm đạo cổ thời mà hiện nay dân chúng không biết đến; chỗ này được giấu kín, để tránh những

cặp mắt tò mò của người trần. Những thánh điện ấy hiện giờ vẫn còn và những kẻ xứng đáng vẫn còn có thể bước qua ngưỡng cửa các nơi đó. Mà không phải chỉ ở Ấn Độ mới có những thánh điện kiểu ấy; nước Ai Cập cổ thời cũng có những hầm kín dùng để điếm đạo và những kim tự tháp hùng vĩ, trong một vài trường hợp, bao phủ thánh điện cổ thời, nay được che kín, không cho mắt của người đời thấy được. Những cuộc điếm đạo cuối cùng mà quý huynh thấy ghi ở lịch sử Hy Lạp và lịch sử Ai Cập, như là sự điếm đạo của các nhà hiền triết đều diễn ra tại những đền đài phía ngoài mà dân chúng biết; những đền đài này bao phủ những thánh điện chánh thức của sự điếm đạo. Không phải nhờ khoa học bề ngoài mà được quyền bước qua ngưỡng cửa những thánh điện thiết thọ này. Thí sinh bắt buộc phải có đủ những điều kiện nêu ra từ ngàn xưa và bây giờ cũng còn y như ở thời trước vậy; và nếu toàn thể lịch sử chứng minh sự điếm đạo có thật, thì cũng chứng minh rằng người được điếm đạo có thật. Đứng đầu bất cứ tôn giáo lớn nào cũng có những Vị siêu phàm cao hơn người trần tục, những Vị đã viết ra những thánh kinh cho các dân tộc mà lịch sử đã miêu tả như vượt khỏi những kẻ đồng thời bởi sự hiểu biết sâu xa về những vấn đề tinh thần – sự hiểu biết này đã bao quanh các Ngài một vòng hào quang; nhờ huệ nhãn các Ngài thấy được và chứng minh được

những điều các Ngài đã thấy. Quả vậy, có một điều mà chúng ta thường thấy ở những đại Chơn Sư là các Ngài không chủ trương, mà các Ngài quả quyết, các Ngài không thảo luận mà các Ngài tuyên bố, các Ngài không đi đến kết quả bằng những phương pháp lý luận mà bằng trực giác thiêng liêng. Các Ngài hiện đến và nói ra một cách có uy tín, một uy tín được chứng minh bằng chính những lời nói của các Ngài, và con người nhận biết được chân lý những điều các Ngài giáo hóa, dù các Ngài có vượt lên đến những cảnh giới cao siêu mà trí thông minh của con người không hiểu nổi. Ở trong lòng mỗi người luôn luôn có một động lực thiêng liêng mà các Thánh Sư không ngớt gọi đến, nó tiếp đón sự dạy dỗ về tinh thần, mặc dầu trí thông minh không đủ sức có thể phân biệt chân lý mà tinh thần nhận thấy. Những vị Thánh Sư này đã được ghi trong lịch sử như là những bậc Thầy cao cả, cùng với những Vị mà lịch sử nói đến như là những nhà đại hiền triết. Các Ngài toàn là những Vị đã được điểm đạo, đã vượt lên cao hơn những người thường; các Vị này bây giờ hiện còn sống cũng như các Ngài đã sống từ ngàn xưa. Thật vậy, sự chết làm sao có thể xâm phạm đến các Vị đã thắng được cả sự sanh lẫn sự tử, đã làm chủ được cả bản năng thấp hèn. Sự tiến hóa của các Ngài đã đưa các Ngài lên mức cao tột trong những thế kỷ đã qua, có những Vị thuộc về nhân

loại chúng ta, có những Vị thuộc về những nhân loại sinh trước chúng ta. Vài Vị trong số các Ngài, từ những thế giới hay là những hành tinh khác mà đến cõi trần, trong thuở nhân loại chúng ta hãy còn ở vào thời kỳ ấu trĩ. Những Vị khác đã trưởng thành khi nhân loại này đã đi được một đoạn khá dài trên con đường tiến hóa để có thể tự sản xuất cho mình những Vị được điễm đạo, những vị Thánh Sư của nòi giống chúng ta, để giúp cho nhân loại tiến tới mà chính các Ngài là những phần tử trong đó. Khi một người đã đi hết đường đạo và đã tới mục đích này, thì sự chết không còn có một quyền năng gì đối với Ngài, vì Ngài đã đạt đến cõi trường sinh bất tử vậy. Chỉ một việc lịch sử nói đến các Ngài là một sự bảo đảm về đời sống hiện tại của các Ngài rồi, điều này đủ để chứng minh rằng các Ngài vẫn còn, không cần đến sự làm chứng càng ngày càng nhiều của những ai đã tìm thấy và đã biết các Ngài, đã được các Ngài dạy bảo, và đã học hỏi dưới chân các Ngài. Thật vậy, trong thời đại của chúng ta hiện giờ, người học đạo vẫn tìm thấy, hết người này đến người khác, đường đạo cổ thời; đến bây giờ họ vẫn còn tìm thấy, kẻ trước người sau, đường đạo gay go, mỏng như lưỡi dao cạo, nó nâng cao con người lên và khiến y có thể đi vào con đường của người chí nguyện muốn làm đệ tử. Khi một người trong bọn họ khám phá ra con đường này, y thành một nhân

chúng có thể tuyên bố sự xác thực của những kinh sách ngày xưa, và sau khi y đã đi vào con đường này rồi, y có thể vượt qua tất cả mọi giai đoạn của nó.

Bây giờ chúng ta hãy xác định đức tính cần thiết để có quyền bước vào đường đạo. Trong những đức tánh này, đức tính thứ nhất phải được phát triển ít nhất cũng đến mức thật cao trước khi con người có thể khởi sự ước ao được thu nhận làm đệ tử. Đức tính đầu tiên ấy người ta gọi nó là sự kiểm soát cái trí, và nhiệm vụ đầu tiên của tôi là giải nghĩa cho quý huynh một cách rất rõ ràng sự kiểm soát cái trí là gì, cái trí (mà ta phải kiểm soát) là gì, và lấy cái gì mà kiểm soát nó. Chúng ta đừng quên đối với đa số quần chúng, cái trí tức là con người. Khi người ta nói đến mình thì chính người ta nói đến cái trí của người ta vậy. Khi người ta nói: Tôi, thì người ta đồng hóa cái «tôi» ấy với cái trí, sự thông minh hiểu biết. Khi con người nói: «Tôi nghĩ, tôi cảm xúc, tôi biết», nếu huynh tìm kiếm một cách cẩn thận ý nghĩa mà y gán cho những chữ đó, thì huynh sẽ thấy ý nghĩa này không vượt qua giới hạn của trạng thái tâm thức, khi y còn thức đây. Đó là điều mà y thường hiểu về chữ: «tôi». Thật vậy, những ai học hỏi chín chắn đều biết cái «tôi» ấy là ảo tưởng cho đến mức nào, nhưng tuy biết như vậy, dưới hình thức một định lý trí thức, họ không lấy đó làm một trong những chân lý thực

tế của đời sống. Với tư cách nhà triết học, họ thừa nhận định lý này, nhưng họ không lấy đó làm căn bản đời sống của họ ở thế gian. Để chúng ta có thể hiểu một cách rõ ràng sự kiểm soát cái trí là gì, và chúng ta có thể kiểm soát nó bằng cách nào, chúng ta hãy thử xét việc mà người ta gọi là sự tự chủ, khi ta nói về một người ở trong thiên hạ; chúng ta sẽ thấy sự tự chủ này còn thiếu sót đến đâu, khi ta so sánh nó với đức tính cần phải có của người chí nguyện muốn làm đệ tử. Khi ta nói một người tự chủ được, ta muốn nói cái trí của y mạnh hơn những dục vọng của y; nếu ta lấy bản thể thấp kém, những dục vọng và những cảm xúc của y, rồi ta đem bản chất trí thức, sự thông minh, ý chí và quyền năng lý luận của y mà chống lại, thì những năng khiếu sau này sẽ thắng những dục vọng nói trên: nói tóm lại, trong lúc bị quyến rũ hay đứng trước một sự khêu gọi dục vọng mình, y có thể nói: «không, tôi không muốn nhượng bước; tôi sẽ không để cho những dục vọng của tôi lôi cuốn tôi, tôi sẽ không để cho những giác quan của tôi ngự trị; những giác quan này chỉ là những con ngựa kéo cái xe cho tôi, trong khi đó tôi là người đánh xe và tôi sẽ không để cho chúng phóng nước đại trên đường lộ mà chúng nó lựa chọn.» Như thế, chúng ta nói rằng người này tự chủ. Đó là ý nghĩa thông thường của những chữ này, và chúng ta hãy ghi nhớ, sự tự chủ này là một đức tánh rất đáng

khen. Nó tượng trưng một giai đoạn mà mọi người phải trải qua. Con người phóng đảng, không kỷ cương, hoàn toàn dưới sự chế ngự của giác quan, dĩ nhiên là phải cố gắng nhiều lắm trước khi có thể đạt được tính tự chủ này, nhưng còn phải cố gắng nhiều, nhiều hơn thế nữa. Khi ta nói đến một người có ý chí cương quyết và một người có ý chí yếu đuối, ta thường muốn nói: Người cương quyết là người đứng trước những sự quyến rũ và những nỗi khó khăn thường tình của cõi đời này, sẽ dùng đến lẽ phải và sự suy luận trước khi chọn con đường của mình và sẽ để cho ký ức của dĩ vãng nó đi dạt cùng với những lời kết luận do ký ức đó sinh ra. Như vậy, chúng ta nói y có một ý chí cương quyết, vì không để cho những trường hợp đẩy đưa, vì y không tuân theo những sự đột phát của cảm xúc, và không giống như một con thuyền bị dòng sông lôi cuốn, bị đưa trôi đến nơi này nơi khác, tùy theo chiều gió thổi. Y giống như một chiếc thuyền do một người thủy thủ rành nghề điều khiển, y biết lợi dụng những ngọn gió và những dòng nước để lái con thuyền về phía của y muốn, biết dùng ý chí như một bánh lái để giữ con thuyền trên con đường mà chính y đã lựa chọn. Có được một ý chí cương quyết thay vì một ý chí yếu đuối, đó là dấu hiệu sáng tỏ nhất về sự phát triển tuần tự của con người và của sự tăng trưởng của cá tính y. Tôi nhớ bà H.P. Blavatsky

có nói trong một bài về cá tính rằng người ta có thể nhận biết sự hiện hữu của cá tính ở con người và sự khiếm diện của nó ở loài vật bằng lối chiêm nghiệm cách cư xử của người và vật trong một vài trường hợp. Quý huynh hãy lấy một số thú rừng và hãy đặt chúng trước những trường hợp giống nhau, quý huynh sẽ thấy tất cả chúng đều theo một cách cư xử in như nhau. Cách hành động của chúng do hoàn cảnh của chúng định đoạt, mỗi con vật không tìm cách hành động để thay đổi tình thế, không đem những trường hợp này đối chọi với những trường hợp kia để tìm lấy một đường lựa chọn. Tất cả chúng nó đều hành động giống nhau. Nếu huynh biết bản tính của con vật, cũng như biết tánh cách những hoàn cảnh của chúng, khi mà huynh biết cách hành động của một hai con vật cùng loại, thì huynh có thể suy luận ra cách hành động cả bầy của nó. Đó là bằng cứ tuyệt đối của sự thật không có cá tính trong loài vật. Nhưng nếu huynh lấy một số người, huynh không thể kết luận trước rằng họ sẽ hành động tất cả cùng một lối, vì cách họ hành động khác nhau trước những trường hợp giống nhau sẽ tùy theo trình độ tiến hóa của mỗi người. Những cá nhân đều khác nhau, và do đó mà họ hành động khác nhau; mỗi người có ý chí riêng biệt, vì vậy y có thể lựa chọn tùy theo ý muốn. Người mà ý chí yếu đuối thì cá tính không được

mạnh, kém phát triển và chưa đi xa trên đường tiến hóa.

Nhưng con người có thể làm nhiều hơn nữa, thay vì chỉ lo cho bản tính cao thượng của mình kiểm soát bản tính thấp hèn, y có thể bắt đầu nhận thức về sức mạnh sáng tạo của tư tưởng. Muốn làm được điều này con người cần có một phạm vi tư tưởng rộng hơn phạm vi của người thường, con người cần phải có một số kiến thức về triết học. Thí dụ nếu y đã học những kinh sách chánh đại của Ấn Độ, y sẽ có một quan niệm trí thức rất sáng suốt về sức mạnh sáng tạo của tư tưởng; nhưng khi y nhận biết được điều này, y sẽ kết luận còn có một cái gì cao hơn cái trí của y, vì nếu có một sức mạnh phát sinh ra tư tưởng, nếu do sự trung gian của cái trí mình mà con người có thể tạo ra tư tưởng, những tư tưởng này phải được phát sinh ra do một cái gì ẩn tàng phía sau cái trí đã sinh ra chúng nó. Sự hiện hữu của sức mạnh sáng tạo của tư tưởng và việc con người có thể dùng nó để rèn luyện cái trí của mình cũng như cái trí của người khác, cũng đủ chứng minh còn có một cái gì cao hơn cái trí; có thể nói được đó là một cái gì không tùy thuộc cái trí mà lại có thể sử dụng cái trí này như một dụng cụ. Người học đạo tìm cách tự hiểu mình, bắt đầu nhận thấy y có một cái trí rất khó điều khiển, những tư tưởng vẫn đến, mặc dầu y không tìm kiếm; có thể nói chúng tủa ra, mà không cần có sự tác

dụng của ý chí. Khi y bắt đầu xem xét những sự hoạt động của cái trí, y nhận thấy những tư tưởng ào tới, tuy y không kêu gọi chúng; y nhận thấy rằng y bị những ý kiến không tốt khuấy rối y ngoài mong muốn của y. Cái trí của y bị mọi sự công cuồng xâm chiếm, y muốn đuổi chúng đi, nhưng y như bị tước khí giới và không thể diệt trừ chúng được ... Y tự thấy mình bị bắt buộc phải nghiền ngẫm những tư tưởng ngự trị trong trí, chúng không tuân theo lời kêu gọi hay uy quyền của y chút nào. Lúc đó y bắt đầu nghiên cứu những tư tưởng ấy. Y tự hỏi: Chúng ở đâu đến? Chúng tác động như thế nào? Người ta có thể làm chủ chúng bằng cách nào? Và dần dần y hiểu được nhiều tư tưởng xâm chiếm trí y bắt nguồn từ trí của người khác, và tùy theo đường lối tư tưởng đặc biệt của y, y thu hút những tư tưởng của người khác, ở thế giới tư tưởng bên ngoài. Đến lượt y, y lại ảnh hưởng đến tư tưởng của kẻ khác bằng những tư tưởng của mình phát ra, và y bắt đầu hiểu trách nhiệm này quan trọng hơn là việc xưa kia y chưa từng nghĩ tới. Từ trước đến giờ y vẫn tưởng chỉ khi nào y nói thì y mới có thể gây ảnh hưởng đến cái trí của kẻ khác, cùng là chỉ có những hành động của y mới có thể được coi như một gương mẫu và làm thay đổi cách hành động của kẻ đồng loại; nhưng sự hiểu biết của y tăng trưởng dần dần, y bắt đầu cảm thấy một mãnh lực huyền bí tỏa ra từ con người

đang tư tưởng và cảm đến cái trí của người khác. Khoa học có đề cập đến vấn đề này và đã đi đến những kết luận cũng giống như vậy. Nhiều cuộc thí nghiệm đã chứng minh rằng một tư tưởng có thể chuyển đi được từ khối óc này đến cái khối óc kia, không cần nói một lời, không cần viết một chữ, và trong tư tưởng có một vật gì cụ thể có thể nhận xét được, giống như một luồng rung động làm rung động những vật khác, không cần phải nói lên một lời, không cần phải phát ra một âm thanh. Khoa học đã khám phá tư tưởng có thể truyền từ người này qua người khác, trong sự im lặng thâm sâu nhất, không cần một phương tiện giao thông nào ở bên ngoài – như giáo sư Lodge đã nói, không cần có những phương tiện vật chất để giao thông – vật chất đây có nghĩa là vật chất hữu hình hồng trần – một cái trí có thể ảnh hưởng đến một cái trí khác.

Như vậy, chúng ta đều ảnh hưởng lẫn nhau bằng tư tưởng, không cần đến lời nói hay hành động, vì một phía, những tư tưởng mà chúng ta phát ra rải rác khắp thế gian và tác động vào trí của những người khác, và một phía, những tư tưởng của người khác phát ra sáp nhập vào trí óc ta, và cảm đến cách suy nghĩ của ta. Như vậy, chúng ta nhận thấy sự suy nghĩ thường chiếm một chỗ rất nhỏ trong đời sống chúng ta; cái ta gọi là sự suy nghĩ thật ra chỉ là phản ảnh của những tư tưởng kẻ khác. Thật vậy, trí của con

người rất giống như một quán trọ nơi đó khách lữ hành dừng chân nghỉ ban đêm; ít ra cái trí của một số người chỉ là thế mà thôi. Một tư tưởng đi vô rồi đi ra, con người thêm rất ít vào tư tưởng nó tới với y. Y nhận nó, cho nó trú ngụ rồi nó ra đi. Nhưng điều mà chúng ta có bốn phận phải làm là tự mình suy nghĩ một cách có ý thức với ý định thực hành cái điều mà ta nhất quyết làm.

Tại sao phải kiểm soát cái trí, phải kiểm soát tư tưởng, phải bắt tư tưởng ngừng nghỉ, và phải từ khước không cho tư tưởng của kẻ khác trú ngụ trong trí ta? Tại sao những việc này lại quan hệ như thế? Tại sao tất cả những điều này làm thành một điều kiện tất yếu phải hoàn thành xong xuôi trước khi được thâm nhận làm đệ tử. Vì những tư tưởng của một người được thâm nhận làm đệ tử sẽ vô cùng mãnh liệt, vì cá tính của người đã thành đệ tử đều phát triển, tăng trưởng mạnh mẽ hơn trước, và vì mỗi tư tưởng của y có một sinh lực và một năng lực lớn hơn, cảm hóa một cách mạnh mẽ hơn đến xã hội loài người. Tư tưởng của con người có thể giết chết, có thể chữa bệnh; nó có thể cảm hóa quần chúng, có thể tạo ra một ảo tưởng mắt trông thấy được để có thể gạt gẫm kẻ khác và làm cho họ đi lạc đường. Vì tư tưởng trở nên mãnh liệt như thế khi cá tính càng phát triển và tăng trưởng, bởi vì địa vị đệ tử bắt buộc cá tính phải phát triển nhanh chóng và phải tăng trưởng cấp bách để chỉ nội trong vài

kiếp có thể sở đắc được những gì, còn người thường thì hoàn thành hàng chục ngàn năm; cho nên trước khi tặng gia quyền lực này được giao phó cho y, y cần phải học kiểm soát tư tưởng, trừ bỏ tất cả những gì xấu xa trong tư tưởng, và chỉ thu những tư tưởng tinh khiết, từ thiện và hữu ích. Việc Chơn Linh kiểm soát tư tưởng được nêu ra như là điều kiện đối với người chí nguyện làm đệ tử, vì trước khi con người nhờ những lời dạy dỗ của Chơn Sư mở thêm được quyền năng, thì y phải làm chủ cái dụng cụ phát sinh ra tư tưởng, để cho dụng cụ này chỉ làm điều mà y đã quyết định, và không phát sinh ra cái gì mà y không ưng thuận.

Tôi biết quý huynh khó mà hiểu được điều này. Quý huynh sẽ hỏi: «Cá tính luôn luôn tăng trưởng ấy là cái gì? Cá tính nó phát triển quyền năng của ý chí và quyền năng kiểm soát cái trí ấy là cái gì? Mà bà nói cá tính ấy không phải là cái trí, mà còn cao hơn cái trí nữa? Tôi xin dùng một hình ảnh mượn đời sống tại cõi trần này để giúp quý huynh có thể hiểu cái cá tính này sinh và phát triển cách nào. Thí dụ quý huynh đi vào trong bầu không khí đầy hơi nước, khá nóng để cho hơi nước ở được lưng chừng nơi đó mắt không thấy được, và nơi đó đối với quý huynh như trống rỗng. Quý huynh sẽ nói: «Ở đây chẳng có gì cả, chỉ có không khí thôi.» Tuy nhiên, quý huynh biết nếu một nhà hóa học lấy một chút không khí

đầy hơi nước này, nhốt nó trong một cái lọ và làm cho nó dần dần lạnh đi, thì quý huynh sẽ trông thấy một chút sương mù nhẹ, một vết mây hiện ra ở chính giữa khoảng mà thoát đầu ta tưởng là trống không ấy. Quý huynh sẽ thấy đám sương này càng ngày càng dày đặc cho đến lúc sự lạnh càng tăng và quý huynh sẽ thấy hiện ra một giọt nước ở chỗ mà trước kia quý huynh không trông thấy gì cả. Chúng ta có thể coi thí dụ này như là một hình ảnh vật chất thô sơ, có thể dùng để giải nghĩa sự cấu tạo cá tính. Từ trung tâm Đấng vô hình, tức là Đấng duy nhất sinh ra vạn vật, có một đám mây mỏng bay bốc lên, thấy rõ ràng; ấy là một đám sương mù nhẹ đặc lại, tự rời xa đám mây vô hình bao bọc xung quanh nó, và dần dần đặc lại, cho đến khi thành giọt nước cá nhân mà chúng ta coi như một đơn vị. Từ trung tâm đại thể, bỗng xẹt ra cái mảnh riêng biệt mà bản chất giống hệt bản chất đại thể, tinh hoa của nó cũng giống như tinh hoa của đại thể, nhưng mảnh nhỏ này khác đại thể bởi những đặc tính của nó và thành một cá nhân riêng biệt. Theo cách đó, linh hồn riêng biệt của con người phát sinh từ Đại Hồn duy nhất và mỗi ngày đều thêm nhiều kinh nghiệm. Nó lớn lên và phát triển dần dần trải qua hàng trăm kiếp luân hồi tại thế gian, từ kiếp này sang kiếp khác, từ thời đại này qua thời đại kia, cái mà chúng ta gọi là cái trí chỉ là một trong những mầm nhỏ của nó trong thế giới

hữu hình. Cũng giống như con trùng a-míp (amibe)⁸ khi cần đồ ăn thì đẩy một phần tử của thân hình nó nhô ra phía ngoài, chiếm lấy một miếng nhỏ chất bổ, rồi lại thu vào phía trong phần tử đã cho nhô ra, tự nuôi thân bằng chất đã lấy được; cũng theo cách ấy, cá tính ném ra ngoài cõi đời, cõi hồng trần, một bàn tay của Chơn Linh, có nhiệm vụ thu thập kinh nghiệm cũng như một thứ đồ ăn, rồi lại thu cái bàn tay ấy vào lúc mà ta gọi là bỏ xác, Chơn Linh tiêu hóa kinh nghiệm ấy để nuôi dưỡng sự phát triển của mình. Cái trí chính là cái bàn tay ấy trong cảnh giới hồng trần, đó là một phần của cá tính, một phần của linh hồn. Cái tâm thức ấy là cái quý huynh có cao hơn cái trí, cao hơn cái mà quý huynh gọi là trí tuệ. Tất cả dĩ vãng, tất cả kinh nghiệm mà quý huynh thu thập được đều ẩn tàng nơi tâm thức. Tất cả kiến thức mà quý huynh đã đồng hóa được với mình đều gom trong tâm thức, nó chính là quý huynh đó. Khi ra đời, quý huynh ném ra ngoài một phần nhỏ của mình, nó có nhiệm vụ thu thập một số kinh nghiệm mới để làm cho tâm thức được phong phú hơn; linh hồn đồng hóa kinh nghiệm ấy để tự phát triển và ở mỗi kiếp mới nó gắng sức dùng cái tâm thức đã mở mang để hướng dẫn cái bàn tay. Cái mà chúng ta gọi: «tiếng nói của lương tâm.» Chính là

⁸ *Amibe: Giống trùng, giống sinh vật đơn giản nhất.*

tiếng nói của Chơn Linh cao cả nói với bản ngã thấp hèn để tìm cách dìu dắt sự vô minh của bản ngã này nhờ kiến thức mà Chơn Linh đã thu thập được trong những kiếp sống liên tiếp. Chúng ta biết rằng cái trí, cái bản thể thấp hèn mang đến cho ta những sự khó khăn. Quý huynh có nhớ lời Arjuna nói với đức Krishna, khi bàn về sự kiểm soát hạ trí mà ta xét luận đây không? Quý huynh có nhớ Arjuna nói với đức Thượng Đế Sư Phụ của Ngài rằng hạ trí của Ngài cuồng loạn đến mức nào chẳng? Arjuna nói: «Hỡi Krishna, cái trí thật là loạn động, buông lung, mãnh liệt và khó mà uốn nắn, tôi tưởng khó mà kèm hãm nó cũng như khó kèm hãm gió vậy.» Thật vậy, kẻ nào muốn kèm chế cái trí đều biết điều này. Ai rán kiểm soát cái trí đều biết nó buông lung, mãnh liệt, hung hăng, khó trị là dường nào. Nhưng quý huynh có nhớ câu trả lời của đức Thượng Đế Krishna khi Arjuna thưa với Ngài rằng cái trí khó trị như gió chẳng. Ngài nói: «Lẽ cố nhiên là cái trí nghịch ngợm và khó trị, hỡi người chiến sĩ võ trang đầy đủ, nhưng người ta có thể thắng phục nó nhờ sự luyện tập không ngừng và nhờ tính lãnh đạm!» Không còn có cách nào khác nữa. Một sự luyện tập không ngừng, không một ai có thể làm việc này thay thế cho quý huynh, không một Chơn Sư nào có thể luyện tập giùm cho quý huynh. **Quý huynh phải chính tự mình làm công việc này, và khi nào quý huynh chưa thực hành**

điều đó thì chưa có thể gặp Chơn Sư. Tuyên bố rằng quý huynh muốn tìm thấy Ngài, rất là vô ích nếu quý huynh không chịu uốn mình theo những điều kiện mà tất cả các vị Đại Sư bắt buộc phải tuân theo để dẫn quý huynh đi đến dưới chân các Ngài. Đây, một vị Đại Sư, một vị Thượng Đế giáng trần⁹ chỉ bảo điều cần phải làm và tuyên bố rằng điều đó có thể thực hiện được. Khi một vị Thượng Đế giáng trần nói như vậy thì điều đó chứng tỏ ai có ý chí cương quyết đều có thể đạt được kết quả này, vì Ngài biết rõ quyền lực của những người mà Ngài đã thấy, và với tư cách là Đấng tối cao, Ngài đã đặt đề họ trong thế gian này. Khi lời nói thiêng liêng của Ngài quả quyết với chúng ta rằng có thể thành công thì chúng ta chẳng dám nói nghịch lại, nghĩa là phủ nhận lời của đấng Thượng Đế đã nói hay sao?

Chúng ta sẽ đạt được kết quả này bằng cách nào? «Bằng sự luyện tập không ngừng.» Đấng cao cả đã nói như thế, nghĩa là trong đời sống hàng ngày, trong đời sống hoạt động của quý huynh, quý huynh phải bắt đầu rèn luyện cho thuần thục cái trí lung lảng của mình và bắt đầu tuân theo ý chí mình. Quý huynh hãy thử suy nghĩ an tĩnh một lúc. Quý huynh sẽ nhận thấy những tư tưởng của mình bay nhảy lung tung. Vậy quý huynh sẽ làm gì? Quý huynh hãy dẫn dắt

⁹ *Avatur*

chúng về vấn đề mà quý huynh muốn chúng phải tập trung vào đó. Quý huynh hãy chọn một đề tài và chú ý vào đó một cách hoàn toàn, không gián đoạn. Quý huynh nên nhớ quý huynh có một ưu điểm rất lớn về sự huấn luyện cái trí này, quý huynh có những tập tục cổ truyền Ấn Độ; truyền thống về thể xác đã được uốn nắn theo những tập tục đó, và nền giáo dục trong thời thanh niên của quý huynh đã làm cho quý huynh quen thuộc với sự luyện tập cái trí. Đối với một người tây phương, làm chủ được sự hỗn loạn của cái trí thì khó hơn là đối với quý huynh, vì ở tây phương, sự kiểm soát cái trí không được truyền dạy trong khuôn khổ đạo giáo như tại đây. Ở tây phương con người có xu hướng đi từ vấn đề này sang vấn đề khác một cách không mạch lạc. Thói quen luôn luôn đọc nhật báo – tôi chỉ lấy một thí dụ tầm thường – mỗi ngày đọc đến ba bốn tờ, là một trong những điều khiến cho sự kiểm soát cái trí rất khó khăn. Quý huynh nhảy từ vấn đề này đến vấn đề khác; thoát tiên một vài điện tín nó làm đảo lộn cái trí, từ nước Anh đến nước Pháp, từ nước Ý Pha Nho đến mũi «Kam tchatka,» từ Tân Tây Lan đến Mỹ Châu. Khi quý huynh đã đọc một cột báo hay nửa cột báo, quý huynh sẽ thấy một thứ tin tức khác. Đó là những tài liệu về cách sinh hoạt của một dân tộc quen biết, những bài tường thuật về những buổi hát ban đêm, hay những phiên xử ở tòa án. Nhìn xuống nữa, một

cuộc đua thuyền hay một cuộc chạy bộ, những chi tiết về thể thao hay điền kinh v.v... Tất cả quý huynh đều biết phần nội dung rất khác nhau của các nhật báo. Người ta không hiểu cái tổn hại gây cho họ bằng cách phung phí năng lực của trí não, như họ vẫn thường làm, về những vấn đề tầm thường và ít quan hệ như thế. Tôi biết rõ ở tây phương có người, tôi dám chắc, mỗi ngày đọc năm sáu tờ nhật báo, trong lúc họ đọc như vậy, họ phung phí bao nhiêu năng lực của cái trí, vì khi họ hoang phí não lực như thế hằng ngày, và khi điều đó trở thành thói quen họ không thể tập trung tư tưởng một cách dễ dàng vào một ý nghĩ nữa, ngoài ra còn mất thời gian quý báu có thể dành cho những vấn đề cao thượng hơn nhiều. Tôi không nói sống trong xã hội, quý huynh không nên biết đến những điều xảy ra chung quanh mình, nhưng chỉ đọc một cách yên tĩnh trong vài phút một tờ nhật báo nói đến những vấn đề quan trọng nhất, như vậy là đủ lắm rồi. Nếu quý huynh biết cách đọc, thế là vừa đối với những việc xảy ra cõi đời này.

Để quý huynh có thể chống lại với xu hướng phung phí tư tưởng ở thời đại này, quý huynh phải tập thói quen hằng ngày suy nghĩ một cách liên tiếp, và tập trung sự chú ý của mình, trong một thời gian vào một vấn đề. Để rèn luyện cái trí của mình, quý huynh hãy tập mỗi ngày đọc một vài trang của một cuốn sách bàn về những

điều quan trọng của đời sống, về những điều vĩnh cửu trường tồn hơn là về những điều phù du mộng ảo, và quý huynh hãy tập trung cái trí của mình vào điều mình đang đọc. Quý huynh đừng cho nó đi vơ vẩn, tự tiêu hao sức lực vào những điều hoàn toàn vô ích. Nếu nó đi xa, quý huynh hãy kéo nó trở về, hãy bắt nó suy nghĩ lại vào ý tưởng lúc đầu. Như vậy, quý huynh sẽ làm cho nó mạnh mẽ và bắt đầu làm chủ nó; nhờ sự luyện tập liên tiếp, quý huynh sẽ học cách kèm chế, và bắt nó phải theo con đường mà quý huynh đã chọn. Dù đối với những việc thế gian, khả năng này cũng cho ta những lợi ích lớn lao. Không những chuẩn bị cho quý huynh sống một đời sống cao siêu mở rộng ra trước mặt quý huynh, mà người nào có thể tập trung tư tưởng vào một mục đích còn là người thành công nhất trong những việc của đời sống hằng ngày. Người có thể tư tưởng một cách liên tiếp, sáng suốt và rõ ràng, là người biết cách tự vạch con đường đi của mình, dù trong đời sống hồng trần. Sự rèn luyện liên tiếp cái trí sẽ hữu ích cho quý huynh trong những việc nhỏ nhất cũng như trong những vấn đề cao thượng, quý huynh sẽ dần dần phát triển quyền năng kiểm soát, nó là một trong những đức tính của người chí nguyện làm đệ tử.

Nhờ sự tập rèn cái trí của mình như vậy, quý huynh có thể đi đến một kết quả khác – đó là sự tham thiên. Sự tham thiên là cách luyện tập cho

cái trí quen định lại, trụ lại trên một tư tưởng, tùy ý mình và không bao giờ gián đoạn. Quý huynh phải luyện tập như vậy hằng ngày, vì làm như thế ngày qua ngày, huynh sẽ nhờ thói quen của xác thân và cái trí giúp sức. Điều mà quý huynh làm hằng ngày sẽ trở thành một thói quen, chẳng bao lâu quý huynh sẽ làm được nó mà không phải khó nhọc gì; điều mà thoát đầu ta thấy khó khăn sau trở nên dễ dàng nhờ sự thực hành. Người ta phân biệt hai cách tham thiền: Tham thiền có tính cách sùng bái và tham thiền có tính cách mở mang trí thức, con người đạo hạnh có ước vọng làm đệ tử sẽ tập tham thiền cả hai cách. Y tập định trí và để tư tưởng mình trụ trên lý tưởng thiêng liêng, trụ vào Sư Phụ, mà y chưa biết nhưng y hy vọng một ngày kia sẽ gặp. Luôn luôn có lý tưởng ấy hoàn toàn trước mắt, y sẽ lấy đó làm mục tiêu của cái trí, trong những giờ tham thiền, làm mục đích của những ước vọng kiên cố bất biến và không hề lay chuyển của mình. Khi cái trí càng phát triển, thì điều vừa nói trên lại càng dễ dàng: Lấy lý tưởng đó làm đối tượng cho sự tham thiền liên tiếp của mình, sau cùng ta sẽ là phản ảnh của lý tưởng ấy và sẽ lần lần giống in nó. Đó là một trong những khả năng sáng tạo của cái trí – con người sẽ tiến tới lý tưởng mà y luôn luôn nghĩ đến, và nếu ngày nào y cũng nghĩ đến cái lý tưởng hoàn toàn của nhân loại thì sau này chính y cũng đạt được nó. Dần

dần khi quả quyết định trí mình vào lý tưởng ấy, khi ước vọng đạt được nó, khi muốn tiếp xúc với nó, thì con người sẽ nhận thấy trong những giờ tham thiền này, hạ trí lắng yên và chìm đắm trong một trạng thái an tĩnh; y không còn có những cảm giác của thế giới bên ngoài, và trạng thái cao cả của lương tri sáng chói rực rỡ như ánh lửa bên trong, trạng thái cao cả của lương tri cá nhân đã nhận định được mình là thế nào. Khi hạ trí lắng yên như thế, khi sự cuồng loạn của nó đã được kềm chế, thì nó trở thành một cái hồ êm ả, không một ngọn gió nào có thể làm xao động, không một dòng nước nào có thể làm rung chuyển được. Cái hồ này giống như một tấm gương, mặt trời phản chiếu vẻ huy hoàng của những tia sáng trên diện tích trong sáng và êm tĩnh của cái gương này và soi hình trên những dòng nước êm ả của nó. Cũng thế, trạng thái cao cả của lương tri soi mình trên gương của hạ trí yên tĩnh. Lúc đó con người hiểu biết do sự kinh nghiệm riêng biệt của mình, chớ không phải do lời ai thuật lại, rằng chính y là một cái gì cao hơn cái trí mà y đã khảo cứu để biết rõ như là trí thức, và trạng thái lương tri của y cao hơn trạng thái ý thức phù du của cái trí. Lúc đó y có thể bắt đầu hợp nhất với cái gì cao cả ở nơi y và y trông thấy thoáng qua, dù chỉ trong chốc lát, sự huy hoàng của Chơn Linh. Thật vậy, quý huynh đừng nên quên thánh kinh luôn luôn dạy chính quý huynh

là cái tinh hoa cao cả chứ không phải là cái thấp hèn. Lời tuyên bố mà chúng ta đọc được trong kinh Chhandogyapanishad và trong nhiều sách khác nữa: «Người là Brahma», «Người là Thượng Đế» và điều mà những người Phật tử đều nhắc lại: «Người là Phật» có ý nghĩa gì? Điều này sẽ không bao giờ là sự thật đối với tâm thức quý huynh, dù về phương diện trí thức, quý huynh nhận định được nó một cách hoàn toàn đến đâu mặc dầu, cho đến khi quý huynh có thể do sự tham thiền mà biến đổi được cái hạ trí thành một tấm gương để phản chiếu thượng trí. Rồi một giai đoạn mới của sự tham thiền sẽ làm cho quý huynh đi đến sự hợp nhất với thượng trí một cách có ý thức, lúc đó quý huynh sẽ biết điều mà tất cả các vị Đại Sư đã muốn diễn tả bằng cái câu bất hủ nói trên, nó nhận định yếu tố thiêng liêng có sẵn trong con người.

Khi người ta áp dụng hằng ngày những nguyên tắc này, trong nhiều tháng, nhiều năm không ngừng, sau cùng chúng nó sẽ thấm nhuần cả đời sống và trở thành vĩnh viễn, chứ không phải chỉ có từng lúc, từng hồi mà thôi. Thoạt đầu, chỉ hạn chế trong những giờ tham thiền, sau chúng sẽ lan rộng đến đời sống của con người trong xã hội. Quý huynh có thể nói: «Tôi làm sao nhận biết được điều này trong khi tôi phải bận rộn trong đời sống vật chất? Tôi làm sao luôn luôn nhận thức được thượng trí, trong khi hạ trí

đang hoạt động mạnh? Vậy chớ quý huynh không biết rằng khi quý huynh đến nghiêng mình trước bàn thờ, xác thân huynh có thể bận dăng hoa, trong khi mà trí của quý huynh vẫn tập trung vào Đấng thiêng liêng. Hình hài vật chất của quý huynh thật đang hoạt động, trong khi tư tưởng của quý huynh không trụ vào những bông hoa của quý huynh hiến dâng, mà lại trụ vào Đấng mà quý huynh kính dâng bông hoa. Bàn tay hoàn toàn làm phận sự dâng hoa, trong lúc đó tư tưởng của cái trí tập trung vào Đấng thiêng liêng. Ở xã hội vật chất loài người cũng vậy, quý huynh cũng có thể dâng những bông hoa của bốn phận bằng cách sống một cuộc đời luôn luôn hoạt động, một đời sống khó nhọc hằng ngày. Quý huynh có thể hiến dâng những bông hoa này một cách cụ thể và thành tâm bằng cách hết lòng làm đầy đủ nhiệm vụ của mình, ở cõi đời vật chất, trong khi quý huynh luôn luôn đắm đuối trong sự tham thiên và sự tôn sùng. Quý huynh hãy học phân tách lương tri cao cả với lương tri thấp kém của mình, hãy học tự tách mình ra khỏi trí mình, và sau cùng, quý huynh sẽ có được cái năng khiếu hoạt động về trí não mà không lãng quên «Chơn Ngã» thiệt thọ; cái trí làm đầy đủ những nhiệm vụ của mình, trong khi Chơn Linh ngự trên một cảnh cao hơn.

Quý huynh sẽ không bao giờ rời bỏ thánh điện nội tâm, dù ở trong xã hội loài người, quý

huynh hoạt động cách nào trong đời sống vật chất. Chính theo cách ấy mà một người tự chuẩn bị để thành đệ tử.

Chúng ta còn phải xét một cách mau lẹ qua giai đoạn khác nữa; đó là giai đoạn mà tôi gọi là khía cạnh trí thức của sự tham thiền, có liên quan đến sự lần lần xây dựng tính nết. Chúng ta hãy trở lại với cuốn đại luận «Con Đường Hành Động,» với những giáo lý của đức Krishna trong thánh kinh Bhagavad Gita. Khi đọc chương 16, ta thấy bảng danh sách dài kể những đức tính mà một người phải mở mang để một kiếp sau có sẵn chúng nó trong bản thể mình. Người ta gọi chúng là những «năng khiếu thiêng liêng» và Su Phụ nói với Arjuna: «Người sinh ra với những năng khiếu thiêng liêng, hỡi Pândava....» Vậy muốn có được những năng khiếu thiêng liêng đó trong những kiếp vị lai, quý huynh phải phát triển chúng trong kiếp hiện tại. Để có thể mang chúng theo khi quý huynh ra đời, quý huynh phải dần dần đào tạo chúng trong những kiếp liên tiếp, và con người ở thế giới này muốn biết mình có thể xây dựng tính tình cách nào thì không có gì hơn là coi bảng danh sách kể những đức tính cần phải có ấy, những «năng khiếu thiêng liêng» cần thiết cho người đệ tử, và mở mang từng đức tính một trong đời sống hằng ngày của mình theo phương pháp song đôi, vừa tham thiền vừa hành động.

Tính Trong Sạch.— Một trong những đức tính ấy là sự trong sạch. Sự tinh khiết bằng cách nào con người có thể phát triển tính tinh khiết nơi mình? Bằng cách đem đức tính đó vào trong số những đề tài mà y phải tham thiền mỗi buổi sáng và bằng cách nhận định rõ ràng «tinh khiết» nghĩa là gì? Không một tư tưởng ô trọc nào được chạm phớt qua nơi y; không một hành động đê tiện nào được làm như bản y; y phải tinh khiết theo ba khía cạnh: tư tưởng, lời nói và việc làm. Đó là ba bốn phận mà một ngày trước đây tôi đã nhắc nhở quý huynh, ba sợi dây mà người Bà La Môn luôn luôn mang theo mình là biểu hiệu của chúng nó. Buổi sáng, con người phải nghĩ đến tính tinh khiết như là một sự đáng ước ao phải đạt được, rồi giữ cảm giác lúc tham thiền buổi sáng ấy khi đi làm công kia, việc nọ. Y phải coi chừng những hành động của y, y sẽ không để cho một hành động quấy quá nào làm như bản thể xác của y, suốt ngày y sẽ không phạm tới một việc hèn mạt nào, vì y dò xét mỗi hành động của mình để không có một sự tiếp xúc xấu xa nào có thể nhiễm vào trí óc y. Y phải coi chừng lời nói và không thốt ra một lời thô tục nào; trong khi nói chuyện y không nói xa gần đến một đề tài bản thủ nào, không bao giờ y tự làm dư miệng mình vì một câu nói có ẩn ý khiếm nhã. Tất cả những lời nói của y sẽ phải trong sạch để nếu cần, y có thể kính cẩn thốt ra khi trực diện với Sư Phụ; mắt

Ngài thấy rõ dấu vết như nhóp mà mắt người thường không nhận ra. Y phải làm thế nào để mỗi lời nói của y sẽ là lời trong sạch nhất mà y có thể thốt ra được, và y sẽ không bao giờ tự làm hoen ố mình hay làm hoen ố kẻ khác bởi một tiếng hay một câu có ẩn ý ô trọc. Tư tưởng của y sẽ luôn luôn tinh khiết. Không bao giờ y dung thứ cho một tư tưởng như nhóp chiếm giữ trí mình, và nếu tư tưởng ấy có đến, y sẽ xua đuổi nó ngay tức khắc. Ngoài ra, biết rằng tư tưởng đó không thể đến được nếu trí mình không chứa đựng một cái gì để thu hút nó, y sẽ ân cần tinh luyện cái trí để không một tư tưởng ô trọc nào, dù từ đâu đến, cũng không thể dùng áp lực mà vào được. Sự kiểm soát sẽ tác động như vậy, ở điểm đặc biệt ấy, suốt cả ngày.

Tính Chân Thật.- Rồi y sẽ lấy tính chân thật làm đề tài tham thiền buổi sáng. Y nghĩ đến sự chân thật, y tưởng tới sự quan hệ của nó trong xã hội, trong tính tình, và khi y đi đến chỗ đông người, không bao giờ y phạm vào một hành động nào có thể lòng gạt, không bao giờ y nói một tiếng diễn tả một tư tưởng sai lầm. Không những y không nói dối mà thôi, y còn không nói một điều gì không đúng, vì làm như vậy cũng là phô diễn một sự sai lầm. Thuật lại một cách không đúng điều mà mình đã trông thấy, thế cũng là nói dối. Người muốn làm đệ tử thì mọi

sự nói quá đáng, thêm nhân thêm nhị trong một câu chuyện, tất cả những gì không hoàn toàn đúng với những sự xảy ra, như y biết, điều phải gạt bỏ một bên. Những tư tưởng của y cũng phải phù hợp với sự thật. Y phải coi chừng cho mỗi tư tưởng đều được đúng với sự thật, nhiều chừng nào tốt chừng nấy, để cái trí y không bị nhiễm bóng tối của sự sai lầm.

Tính Từ Bi.- Về đức tính từ bi cũng thế; buổi sáng y sẽ tham thiền về đức tính này và rán thực hành nó suốt ngày. Y sẽ tỏ ra hết sức từ ái đối với những người chung quanh, y sẽ giúp đỡ tất cả mọi việc mà y có thể làm, đối với gia đình, bằng hữu và xóm giềng. Y sẽ rán nâng đỡ những ai túng thiếu; y sẽ rán an ủi những người mà y biết đang ở trong cảnh buồn rầu; y sẽ làm thế nào cho những nỗi đau khổ mà y gặp sẽ được nhẹ nhàng. Không những y nghĩ đến đức từ ái, mà y còn sống một cuộc đời hoàn toàn từ ái, để khiến đức hạnh này thành một thành phần của tính tình y.

Sức mạnh của linh hồn.- Về sức mạnh của linh hồn cũng vậy; y sẽ tham thiền về sự cao thượng của con người có chí khí mà không một sự gì xảy ra có thể làm cho nản lòng hay khiến cho kiêu hãnh. Thành công cũng chẳng vui mừng, thất bại cũng chẳng khổ sở; người có chí khí không để cho hoàn cảnh lôi cuốn; ngày hôm nay không buồn rầu vì tình thế khó khăn, và

ngày hôm sau không vui vẻ vì mọi việc đều tốt đẹp. Y sẽ tìm cách luôn luôn giữ vững thăng bằng và có nghị lực, sẽ thực hành nguyên tắc này trong mọi trường hợp ở đời. Nếu y đứng trước những sự lo lắng, y sẽ nghĩ đến những việc trường tồn trong đó không có những sự bận tâm; nếu y bị hao tài tổn của, y sẽ nghĩ đến những kho tàng kiến thức của y mà không một sự gì làm cho mất được; nếu tử thần cướp mất của y một người bạn, y sẽ nhớ rằng không một linh hồn nào có thể chết được; cái hình hài đã thác chỉ là một thứ y phục mà người ta cởi bỏ ra khi nó hư nát, để mặc một cái khác vào, và một ngày kia, y sẽ gặp lại bạn y.

Đối với tất cả những đức tính khác cũng vậy, như sự tự chủ, sự điềm tĩnh, lòng can đảm, y sẽ tham thiền về những đức tính đó và cố gắng thực hành. Không phải tham thiền và thực hành một lượt tất cả những đức tính ấy. Không một ai sống ở đời này có đủ thời giờ để ngày nào cũng tham thiền về mỗi đức tính ấy, nhưng y sẽ tập dần dần từng đức tính một, và sẽ hợp nhất tính tình mình với nó. Quý huynh hãy làm việc không ngừng, đừng nản chí trước thời gian dành cho công việc này; chớ sợ hãi sự khó khăn mà việc này có thể đem lại cho mình. Điều mà quý huynh xây dựng, quý huynh xây dựng cho thời gian trường tồn bất diệt và quý huynh có thể tỏ ra kiên nhẫn khi thời gian trường cửu ấy mở ra trước mặt mình. Tất cả

những gì mà quý huynh thâm hoạch được, thì quý huynh thâm hoạch được mãi mãi. Nhưng nếu chỉ tham thiền không thôi, hay chỉ thực hành không thôi, thì không đủ để xây dựng tính tình. Cả hai phương pháp đều phải đi đôi với nhau, cả hai đều phải dự phần vào đời sống hằng ngày, và khi đó, kết quả là sự tạo tác nên một tính tình cao thượng.

Con người đã tự huấn luyện như thế, con người đã hết sức cố gắng như vậy, đã dành thời giờ, tư tưởng và công lao của mình để tự làm cho mình xứng đáng gặp được Chơn Sư, thì chắc chắn thế nào cũng tìm được Ngài, hay nói đúng hơn thế nào Ngài cũng tìm y và tự hiện ra cho linh hồn y biết. Trong sự mù quáng và vô minh của mình, dễ thường quý huynh tưởng rằng các vị Chơn Sư muốn ẩn mình ư? Quý huynh nhầm lẫn đến nỗi nghĩ rằng các Ngài tự ý trốn tránh cặp mắt loài người để cho nhân loại vấp ngã mà không ai cứu trợ, và các Ngài không muốn giúp đỡ và dìu dắt nhân loại chẳng? Tôi nói với quý huynh rằng, thật sự, **ý nguyện tìm Chơn Sư của quý huynh có thể mạnh mẽ đến đâu, thì việc Ngài quyết ý muốn tìm quý huynh để giúp đỡ quý huynh còn gấp ngàn lần mãnh liệt hơn nữa.** Nhìn xuống cõi trần này, các Chơn Sư nhận thấy các Ngài cần phải có nhiều người giúp việc, và hiện giờ các Ngài có rất ít người như thế. Một số lượng đông đảo quần chúng thác vì vô minh, họ

cần có những người dạy dỗ, và họ chết hằng hà sa số không ai giúp đỡ họ. Các vị Đại Sư cần có những đệ tử sống trong cõi trần này, và sau khi được các Ngài huấn luyện đi cứu giúp những ai đau khổ, dạy dỗ những ai trí tuệ còn u ám. Các Ngài luôn luôn tìm kiếm trong đời một linh hồn muốn được giúp đỡ và sẵn sàng để các Ngài giúp đỡ. Các Ngài luôn luôn nhìn xuống thế gian để có thể trả lời ngay với tiếng gọi của những linh hồn sẵn sàng tiếp rước các Ngài và không xua đuổi các Ngài, vì tấm lòng của chúng ta đã bị khóa chặt trong ba lớp cửa ngăn các Ngài vào, và các Ngài không thể dùng cường lực để tổng cửa mà vô. Nếu một người khóa cửa lại sau khi đã chọn đường đi xong xuôi, thì chỉ có y mới vặn khóa mở cửa được mà thôi. Chúng ta bị giam trong vòng những dục vọng thế tục, trong vòng thèm khát những vật hồng trần, chúng ta bị giam hãm dưới ba lớp cửa của tội lỗi, của sự lãnh đạm và của sự lười biếng. Và Sư Phụ đợi cửa mở ra, để Ngài có thể bước qua ngưỡng cửa và soi sáng trí ta.

Quý huynh sẽ hỏi tôi rằng: «Các Ngài làm thế nào mà phân biệt giữa bao nhiêu người, linh hồn nào làm việc cho các Ngài và tự sửa soạn để đón tiếp các Ngài? Câu trả lời đã được đưa ra dưới hình thức bóng dáng: Thí dụ như một người ở đỉnh núi nhìn xuống những thung lũng xung quanh. Người ấy nhận thấy một ánh sáng lấp

lánh trong một ngôi nhà, vì ánh lửa ấy nổi bật lên giữa những chốn tối tăm bao phủ nó. Cũng giống như thế, linh hồn tự chuẩn bị cũng chói sáng ở giữa những cảnh hắc ám trần gian, làm cho Ngài đứng trên đỉnh núi canh chừng chú ý đến. Quý huynh phải soi sáng linh hồn mình, để Chơn Sư có thể nhận thấy được nó. Ngài canh chừng luôn luôn, nhưng quý huynh phải ra dấu hiệu để Ngài có thể thành Sư Phụ của quý huynh và dìu dắt những bước của quý huynh trên đường đạo. Quý huynh có lẽ sẽ hiểu điều này cần thiết đến mức nào, sau khi sự học hỏi của chúng ta chấm dứt, sau khi tôi tả xong với quý huynh công việc của người đệ tử và giải nghĩa cho quý huynh biết những điều mà y có thể làm được; nhưng sáng hôm nay tôi xin từ giả quý huynh với tư tưởng sau này mà tôi muốn ghi khắc vào trí của quý huynh: «Sư Phụ canh chừng và chờ đợi. Ngài muốn tìm đến và huấn luyện quý huynh. Quý huynh có quyền lực hấp dẫn Ngài tới mình, và chỉ có quý huynh mới có quyền cho phép Ngài giúp đỡ quý huynh. Ngài có thể gõ cửa lòng của quý huynh, nhưng chính quý huynh phải thốt ra những lời mời Ngài vào. Nếu quý huynh theo con đường mà tôi đã vạch rõ sáng hôm nay, nếu quý huynh dần dần kiểm soát cái trí, học tham thiền và xây dựng tính tình, đó là quý huynh đã thốt ra ba tiếng khiến cho Sư Phụ nhận lời cầu khẩn của quý huynh. Khi quý huynh van vái lâm thâm

trong sự yên lặng của tâm hồn, thì Sư Phụ sẽ hiện ra. Linh hồn sẽ quì dưới chân Chơn Sư mà nó đã tìm từ lâu.»



III

ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ

Con Đường Nhập Môn – Bốn Bực Điểm Đạo

Thưa quý huynh, công việc của chúng ta sáng hôm nay rất khó khăn. Trong hai bài thuyết trình trước, tôi đã nói đến đời sống thường ngày của những người trong trần thế này và tôi đã chỉ cho quý huynh thấy bằng cách nào họ có thể vừa sống cuộc đời của họ theo thói quen, vừa tự chuẩn bị để tuần tự đi đến những giai đoạn cao cả của sự tiến hóa, bằng cách nào họ có thể tự luyện tập lần lần để tiến triển một cách nhanh chóng hơn. Hôm nay trái lại, chúng ta phải tự vượt lên cao hơn đời sống tầm thường ấy. Nói như thế không phải chỉ đứng về phương diện bên ngoài, nhưng có nghĩa là chúng ta sẽ học hỏi về chân tính của đời sống nội tâm.

Những giai đoạn tiến bộ của nhân loại sắp nói đến là những giai đoạn rõ ràng và xác định, nó dẫn con người vượt khỏi đời sống thế gian để nâng y lên đến đời sống trên những cảnh giới cao siêu, nó làm cho y tách ra khỏi nhân loại tầm thường để nhập vào nhân loại hoàn toàn siêu phàm nhập thánh.

Chính vì sự học hỏi về những giai đoạn này bắt buộc chúng ta phải vượt qua giới hạn của những sự hiểu biết thông thường, như tôi đã nói với quý huynh, công việc trở nên khó khăn hơn, khó khăn cho quý huynh đang nghe đây, cũng như khó khăn cho tôi đang dẫn giải. Thật thế, muốn bàn luận về những vấn đề cao siêu này, ta cần phải dùng đến những năng khiếu cao siêu và ai có đủ tư cách nhất để theo dõi những giáo lý cao thượng này là những người đã cố gắng tinh luyện đời sống của mình một phần nào và xây dựng tính nết mình theo như hai bài thuyết trình trước tôi đã nói.

Hôm qua tôi đã dẫn quý huynh đến mức độ của một người sau khi cố gắng cải thiện đời sống của mình và kiểm soát tư tưởng để tự chuẩn bị đi đến địa vị một người đệ tử, đã làm cho một vị Đại Sư chú ý đến và y đủ sức trải qua những giai đoạn đầu tiên của đời người đệ tử. Sáng nay, chúng ta sẽ nói về những giai đoạn đầu tiên này. Dù đề tài này có rộng lớn đến đâu, tôi cũng rón miêu tả chu tất đời sống của người đệ tử. Người ta thường gọi những giai đoạn đầu tiên là «Con Đường Nhập Môn» nghĩa là giai đoạn thử lòng để phân biệt với giai đoạn được thu nhận làm đệ tử thiệt thọ. Trong thời gian thử thách, chúng ta nhận thấy vài sự tiến bộ và sự hoạch đắc vài đức tính xác định; những sự tiến bộ này chưa được rõ rệt bằng khi đi trên đường đạo thiệt thọ, trên con

đường của người đã được Chơn Sư nhìn nhận và thân nhận làm đệ tử. Trên đường đạo thiết thọ, trên con đường mà không những người đệ tử được Sư Phụ nhìn nhận mà chính y cũng biết được Ngài, y trải qua bốn giai đoạn hoàn toàn riêng biệt, mệnh danh khác nhau và được ngăn cách nhau bởi những lần điểm đạo đặc biệt. Người ta có bàn về những giai đoạn trong quãng đường của vị tân tín đồ nhập môn, nhưng không phân biệt một cách rõ ràng như ở đây. Người ta có thể coi những giai đoạn ấy như diễn ra cùng một lúc với nhau hơn là đoạn nọ nối tiếp đoạn kia. Người đệ tử tạm thời, ta có thể gọi như vậy bất cứ người nào đi vào những đoạn đường này, không bắt buộc phải làm một cách hoàn toàn tất cả những gì mà y bắt đầu thực hành. Người ta muốn y làm thử, nhưng người ta không đòi hỏi ở y một sự thi hành hoàn hảo. Y chỉ cần thành thật và luôn luôn cố gắng, đừng thay đổi ý kiến và đừng lãng quên mục đích mà y tự vạch ra cho mình. Y sẽ được nhiều sự dễ dàng, như chúng ta thường nói về những công việc ở thế gian này, vì con người dễ lầm lỗi và yếu đuối và sự vô minh ngăn cản không cho y tiến bước. Những khó khăn mà y phải chịu đựng, những sự thử thách mà y phải trải qua là những sự khó khăn và thử thách mà người ta gặp trong đời sống hằng ngày; những sự khó khăn đủ mọi loại, đủ mọi thứ, đoạn kế tôi sẽ nói qua vài lời, nhưng chúng

không giống với những khó khăn gặp trên đường đạo thiết thọ. Những giai đoạn của «con đường nhập môn» nếu tôi nhớ đúng, đã được mô tả cách đây vài năm, theo những giáo lý rất quen thuộc đối với người Ấn Độ - do một người Bà La Môn, anh là hội viên Thông Thiên Học, tên là Mohini Mohun Chatterji, người Calcutta, lúc đó anh đang cư trú ở Anh Cát Lợi (Anh Quốc). Anh đã mô tả những điều mà người ta gọi là những tiến bộ đầu tiên con người bắt buộc phải hoàn thành; họ nhờ các Tôn Sư của họ giúp đỡ một phần nào, nhưng thường thường họ không biết được việc đó, nghĩa là khi ở trong trạng thái thức tỉnh bình thường, người đệ tử tưởng rằng y đã vượt qua quãng đường một mình, và y chỉ có thể tin cậy ở sức lực và năng lực của mình mà thôi. Tôi không cần nói đó là một ảo tưởng do sự mù quáng và vô minh của y mà ra, vì Sư Phụ y coi chừng y, tuy lúc còn thức y không biết điều đó, và một sự giúp đỡ liên tiếp ban rải cho y từ những cảnh giới cao cả của Chơn Linh; sự giúp đỡ này biểu lộ trong đời sống của y, mặc dầu trí của y không thấy việc đó rõ ràng.

Giờ đây, chúng ta thấy những đức tính cần phải có, chúng ta đã nói đến như là những đức tính chuẩn bị, theo nghĩa đại cương của nó có một hình thức rõ ràng hơn trên đường nhập môn.

Đức tính thứ nhất Viveka (Tính Phân Biệt).

Đức tính thứ nhất là kết quả của những sự thử thách mà con người đã trải qua; chúng làm nảy nở nơi y tính phân biệt (viveka) năng khiếu phân tách sự chân thật và ảo tưởng, sự trường tồn và sự phù du. Y sẽ bị ràng buộc ở cõi trần vì sự vô minh; và những sự vật ở thế gian này sẽ triệt để quyến rũ y, làm mê hoặc y cho đến khi nào y có được tính phân biệt. Y phải mở mắt ra và phải vượt qua bức màn ảo tưởng, ít nhất trong một mức độ khá đủ để nhận đúng chân giá trị những sự vật hồng trần, và do tính phân biệt phát sinh ra tính thứ hai.

Đức tính thứ nhì Vairâgya (Tính Dứt Bỏ hay là Đoạn Tuyệt). Tôi đã làm cho quý huynh chú ý rằng con người phải khởi đầu bằng cách tự luyện tập mà không còn để ý đến những nguồn lợi do hành động của y có thể mang tới cho y. Y phải tự luyện để hành động như người ta làm một bổn phận, luôn luôn và không bao giờ hoài vọng đến một mối lợi tư riêng nào. Chúng ta thí dụ một người đã luyện tập như vậy trong nhiều kiếp, trước khi người ta đòi hỏi ở y điều y phải hoạch đắc được, trong một phạm vi rất rộng, trước khi y có thể được điểm đạo, nghĩa là một sự lãnh đạm hoàn toàn đối với những sự vật hồng trần. Nói tóm lại, vairâgya, tính dứt bỏ, là đức tính thứ hai mà người chí nguyện làm đệ tử phải

có trên đường nhập môn. Y đã phát triển được tính phân biệt (viveka), như chúng ta đã thấy, đó là năng khiếu phân biệt được sự chân thật với sự ảo mộng, sự phù du với sự vĩnh cửu. Khi cảm giác chân thật và vĩnh cửu xâm nhập vào cái trí của con người thì những sự vật ở cõi thế gian này không còn quyến rũ được y nữa; đối với chúng, y chỉ còn sự lãnh đạm thôi. Khi người ta đã nhận thấy sự chân thật rồi, thì ảo tưởng không còn quan trọng nữa. Khi ta đã phân biệt được sự trường tồn, dù chỉ trong chốc lát, thì sự phù du không đáng cho ta theo đuổi. Trên đường nhập môn, tất cả những sự vật bao vây chúng ta đều mất hết mãnh lực quyến rũ của chúng, và con người không cần rón sóc để lánh xa chúng, từ nay y không cần cố ý kêu gọi đến ý chí để tự răn mình không nên hành động với mục đích được lợi lộc. Sự vật, tự chúng nó đã mất tất cả những mãnh lực quyến rũ; những cội rễ của dục vọng lần lần bị tiêu rụi, như thánh kinh Bhagavad Gita đã nói, mọi vật đều lánh xa Chơn Nhơn hoàn toàn tiết dục đang ngự trong xác thân. Không phải vì y tự ý kiêng cử, nhưng chính vì mọi sự ấy đã mất hết quyền lực làm thỏa mãn y một cách nào đó. Tất cả những gì làm cho giác quan ưa thích đều lánh xa y, do sự luyện tập mà chúng ta đã nói trên và y đã trải qua.

Từ nay, khi nhìn thấy sự vật dưới khía cạnh phù du của nó, lẽ dĩ nhiên sự lãnh đạm của y đối

với sự vật sẽ phát sinh ra đức tính mà y đã cố gắng hoạch đắc từ lâu, tức là sự lãnh đạm đối với những kết quả, bởi vì chính những kết quả ấy cũng chỉ là những sự vật mà thôi. Những kết quả đều gồm trong những sự vật mà y thấy rõ bản tính phù du và ảo tưởng, từ khi y nhận biết được sự chân thật và sự trường cửu.

Đức tánh thứ ba Shatsampatti (Sáu đức tính thuộc về nhóm năng lực trí thức). Phải thấm nhuần đức tánh thứ ba cần phải có trên đường nhập môn, shatsampatti, nhóm này gồm sáu năng khiếu thuộc về cái trí, hay những phẩm tính của cái trí, chúng biểu lộ trong đời sống của những kẻ mà chúng ta gọi là thí sinh đệ tử. Y đã chiến đấu từ lâu để có thể làm chủ tư tưởng của y. Y đã thực hành tất cả những phương pháp mà chúng ta đã nói hôm qua, để có thể tự chủ, để quen tham thiền và để xây dựng tính tình. Từ nay, sự thực hành này giúp y bộc lộ được con người thiệt thọ – vì chúng ta bàn luận nơi đây về con người thiệt thọ, chớ không về cái vẻ bề ngoài, ảo mộng, đức tánh đầu tiên của shatsampatti là :

a) **Shâma**. Shâma tức là kiểm soát cái trí, kỷ luật nghiêm nhặt của những tư tưởng, sự hiểu biết minh bạch về những hậu quả của tư tưởng và những mối liên quan mà chúng thiết lập giữa y và xã hội xung quanh, tùy theo chúng hướng về điều thiện hay điều ác, bởi sự kiện chắc chắn

là y có quyền lực giúp đỡ hay phá rối đời sống kẻ khác do những tư tưởng của y; y có quyền lực làm cản trở hay làm cho dễ dàng sự tiến hóa của nòi giống, y trở thành một người hữu tâm cộng tác với sự tiến bộ của nhân loại và tất cả những sinh linh đang tiến hóa trong giới hạn của cõi đời mà y đang sống. Kỷ luật của những tư tưởng – nó từ nay là trạng thái bình thường của cái trí – chuẩn bị cho y trở thành một người đệ tử thiết thọ, như các bạn sẽ thấy; tất cả những tư tưởng của người đệ tử này được sử dụng cho công việc của Chơn Sư; cái trí của người đệ tử này phải theo dõi một cách tự nhiên những con đường mà ý chí đã vạch sẵn cho y.

b) Đức tánh thứ nhì là **Dâma**. Do kỷ luật của tư tưởng bây giờ đã được xây dựng chắc chắn, tự nhiên sẽ nảy sinh ra dâma, sự kiểm soát giác quan và xác thân hay là kỷ luật của hạnh kiểm. Quý huynh có để ý, khi người ta bàn luận những vấn đề theo quan điểm huyền bí, thì chúng nó bị hiểu ngược lại đối với cái quan điểm hồng trần. Mọi người ở thế gian này chú trọng đến hạnh kiểm hơn là chú trọng đến tư tưởng. Trái lại, những nhà huyền bí học để tư tưởng lên trên hạnh kiểm. Nếu tư tưởng chơn chánh thì tự nhiên phẩm hạnh sẽ được thanh cao. Nếu tư tưởng có kỷ luật thì chắc chắn hạnh kiểm sẽ được kiểm soát kỹ lưỡng và được hướng dẫn đúng cách. Trạng thái hữu hình, tức là hành động chỉ

là sự phô diễn của tư tưởng thầm kín nó khoác lớp áo bề ngoài mà chúng ta gọi là sự hành động trong thế giới hữu hình này; nhưng bản chất của nó là sản phẩm của đời sống nội tâm, và hình hài của nó được đóng trong cái khuôn do tinh lực làm ra, mà tinh lực mới là kẻ thiết tạo hình hài đó. Thế giới vô hình, cõi thượng thiên, là thế giới của những nguyên nhân, còn thế giới hữu hình, cõi hạ thiên, chỉ là thế giới của những hậu quả. Vì vậy sự giữ gìn tư tưởng cố nhiên phải phát sinh ra hiệu quả là kỷ luật của hành động, hành động chỉ là sự biểu hiện tự nhiên và không tránh khỏi của tư tưởng.

c) Đức tính thứ ba là **Uparati** (Khoan Dung). Phẩm tính thứ ba biểu thị trạng thái con người nội tâm là «uparati» nếu dịch một cách thật đúng là sự khoan dung rộng rãi, cao thượng và bền bỉ – tôi dùng chữ khoan dung với ý nghĩa rộng rãi nhất mà quý huynh có thể cho nó được – sự khoan dung với tất cả mọi vật xung quanh, một tính kiên nhẫn cao cả có thể đợi chờ và thông cảm, do đó nó không đòi hỏi điều gì quá sức họ. Điều này cũng là chuẩn bị cho một giai đoạn rất đặc biệt trên con đường của người đệ tử thiết thọ. Thái độ đầy khoan dung này khiến y có thể tạo ra những sự dễ dàng cho mỗi người và mỗi vật; khiến y nhìn mọi người không theo vẻ bề ngoài, mà theo vẻ bên trong; khiến y có thể phân biệt được những hoài vọng, những ý muốn và những

nguyên do của họ, chớ không phải chỉ nhắm vào những vẻ thô tục, thường thường mâu thuẫn mà họ đã khoác lên con người trong thế giới hữu hình này. Con người học tập khoan dung về tín ngưỡng đối với tất cả những tôn giáo, học chịu đựng đủ thứ tập quán cùng những phong tục khác nhau của người đời. Y hiểu đó chỉ là những giai đoạn nhất thời mà con người sẽ vượt qua, và y không vô lý đến nỗi trông đợi ở nhân loại, hãy còn ấu trĩ, tầm mắt rộng rãi và cao xa, tính kiên nhẫn đầy vẻ uy nghi là nét đặc biệt của nhân loại trong giai đoạn trưởng thành chớ không phải trong những giai đoạn phát triển đầu tiên. Người sắp được điếm đạo luôn luôn giữ gìn thái độ của tư tưởng như thế, và y phải có tính khoan dung nhờ sự hiểu biết sâu xa về chân lý; y còn phải phân biệt chân lý đó ở tận dưới lớp màn phỉnh phờ của những hình thức bề ngoài. Quý huynh có để ý trên đường nhập môn, sự thay đổi lớn lao được thực hiện nơi con người chỉ là buổi bình minh của ý niệm về sự thật hay không? Y không bị vẻ bề ngoài gạt gẫm như xưa nữa. Dần dần với sự phát triển, y nhận thấy sự thật rõ ràng hơn và lần lần cởi bỏ được ảo tưởng. Y tự giải thoát ra mọi sự lệ thuộc của hình dáng bên ngoài và nhìn nhận được chân lý dù nó ẩn trong một hình thức ảo mộng.

d) Đức tính thứ tư là **Titiksha**, tính Chịu Đựng (Kiên Nhẫn) tức là khả năng chịu đựng một cách kiên nhẫn tất cả những gì xảy ra mà hoàn toàn không hề thù oán. Quý huynh hãy nhớ lại: Tôi đã khiến quý huynh chú ý đến khả năng này như là một năng khiếu mà người ta phải cố gắng mở mang, tôi đã giảng giải với quý huynh rằng con người phải tự giải thoát ra khỏi mọi khuynh hướng tự cảm thấy mình bị sỉ nhục; y phải phát triển nơi y lòng bác ái, sự xót thương và sự tha thứ, và sự phát triển này sẽ có kết quả: Đó là một trạng thái vững chắc và nhất định của cái trí. Như vậy con người nội tâm tự giải thoát khỏi mọi sự oán thù, bất cứ là oán thù sự gì, đối với người, đối với thời cuộc, đối với mọi vật xung quanh y trong đời sống. Tại sao? Vì y đã thấy chân lý và biết định luật; bởi vì y trông thấy hậu quả của định luật chí thiện; trong những hoàn cảnh bao quanh y, mặc dầu những hoàn cảnh ấy thế nào; y biết rằng thế nhân, mặc dầu họ đối đãi với y cách nào, cũng chỉ là những nhân viên vô tâm của luật quả báo. Y biết tất cả những gì xảy đến cho y kiếp này là do y tạo ra trong dĩ vãng. Cho nên thái độ đặc biệt của y là không hề oán ghét thù hận. Y có được quan niệm của sự công bằng và không một điều gì còn có thể cho làm y nổi giận, vì không một sự gì đến với y nếu y không xứng đáng thọ lãnh; không một chướng ngại nào có thể hiện ra trên đường y đi, nếu ở

những tiền kiếp, chính y không tự tay tạo ra nó. Như vậy, chúng ta thấy không còn một sự vui hay buồn nào còn có thể làm cho y ra khỏi đường của y đi, không một sự cản trở nào trên đường của y có thể làm cho y đổi hướng. Y trông thấy con đường mà y phải theo. Y trông thấy mục đích và cố đạt cho được. Y không còn theo một phương hướng mờ mịt, không nhất định, lúc đi phía này, khi đi phía kia, nhưng với những bước chân vững vàng và quả quyết, y theo con đường mà y đã chọn. Sự vui thích không thể làm cho y xa con đường ấy; sự đau khổ cũng không thể làm y bỏ con đường ấy được. Y sẽ không để cho mình thối chí, hoặc buồn rầu, hay trống rỗng vì hư vô; không một tiếng gọi nào khiến y lìa con đường ấy, trừ tiếng gọi của Chơn Sư mà y tìm cách đến quì dưới chân Ngài. Không thể nào tự để cho mình bị lôi kéo, có sức mạnh để chịu đựng tất cả; ôi, thật đó là những đức tính mà y cần phải có trên đường nhập môn. Quả nhiên tôi đã nói đến những sự thử lòng rải rác trên đường y đi, và tôi cần cho quý huynh hiểu lý do của những sự khó khăn ấy. Người tự dẫn mình vào con đường nhập môn, định thực hiện trong một số ít kiếp sống, công việc mà người thường ở thế gian phải mất hàng trăm kiếp mới xong. Y hành động như người muốn lên đỉnh núi mà không lần theo con đường khu ốc và tự nhủ: «Tôi sẽ đi thẳng lên sườn núi. Tôi không muốn mất thời giờ đi trên

đường vạch sẵn nhưng ngoằn ngoèo và dài dòng như thế này, trên đại lộ rộng rãi bằng phẳng, thuận tiện mà gần hết lộ trường đã mang dấu vết của muôn ức bàn chân dẫm lên. Tôi sẽ theo con đường ngắn nhất, đi mau nhất, thẳng trên sườn núi. Bất cần những sự khó khăn, tôi sẽ leo núi. Dù những sự cản trở có là thế nào đi nữa, tôi cũng sẽ tiến đến trước; nếu tôi thấy những hố sâu, những tường thành bằng đá tảng, tôi sẽ vượt qua; nếu có trở ngại hay những khối đá trên đường, tôi sẽ thu xếp để vượt qua chúng hay đi vòng quanh; nhưng tôi nhất định leo lên sườn núi này.» Kết quả điều này sẽ ra sao? Y sẽ bị cả ngàn khó khăn nổi lên bao vây. Thời gian mà y muốn rút ngắn, y phải trả bằng cách chịu nhiều đau khổ để thắng những khó khăn của nhiệm vụ. Ai tự dẫn thân vào đường nhập môn giống như người đã chọn con đường ngắn nhất để lên đỉnh núi, và y lôi kéo vào bản thân tất cả nghiệp quả mà y đã tích trữ xưa nay, mà y cần phải trả một phần lớn, trước khi xứng đáng được điểm đạo. Những vị Nam Tào Bắc Đẩu, cầm cán cân luật nhân quả, có khi người ta gọi là những vị Bảo Thủ Văn Khố của nghiệp quả, hay những vị Trông Coi Văn Khố của chất tiên thiên khí (akasha) trong đó có ghi chép tất cả những tư tưởng và những hành động quá khứ của con người; những vị Đại Thiên Tôn, những Đấng thiêng liêng ấy, cao siêu hơn chúng ta tột bực; oai

lực cao cả của các Ngài vượt khỏi tầm hiểu biết của chúng ta xa không biết bao nhiêu, đến nỗi lý trí của chúng ta không sao hiểu nổi những Đấng cao cả, thế mà những Đấng thiêng liêng ấy như có một cuốn sổ cho mỗi người. Dưới những con mắt vạn năng của các Ngài, các Ngài thấy công và tội của mỗi đời sống, và số công và tội này cần phải được thanh toán một phần lớn trước khi vượt qua ngưỡng cửa của sự điếm đạo. Khi người chí nguyện thành thật muốn dẫn mình vào đường nhập môn, khi y tự động đặt chân lên đó, thì chính việc ấy là một lời cầu khẩn các vị Nam Tào Bắc Đẩu, để xin các Ngài thanh toán những món nợ của y và đưa ra cho y số lượng nghiệp quả mà y phải trả. Trong những điều kiện đó, có gì là lạ nếu con đường này đầy đầy những khó khăn. Món nợ nghiệp quả phải trả trong hàng trăm kiếp nay phải thanh toán trong vài kiếp, có khi chỉ trong một kiếp thôi, lẽ cố nhiên là con đường phải đi sẽ khó khăn vậy. Con người sẽ bị những buồn rầu về gia đình khuấy rối, những nỗi khó khăn trong công việc làm ăn dồn dập tới, bị những đau đớn về tinh thần hay thể xác vày vò. Vậy quý huynh có ngạc nhiên không, khi tôi nói y phải quả quyết để tiếp tục tiến trên đường nhập môn, thay vì đi lùi lại, và đừng nản lòng. Tất cả hình như âm mưu chống lại với y, hình như Sư Phụ đã bỏ rơi y. Trong khi y cố gắng để làm cho mọi việc được tốt đẹp nhất, thì sao y

phải chịu đựng tất cả những gì nặng nhọc đau khổ nhất? Tại sao y lại bị tất cả những nỗi khó khăn và đau khổ quấy nhiễu nhiều khi y sống một cuộc đời tốt đẹp hơn những kiếp trước của y? – Điều này có vẻ bất công, tàn ác, khi tự thấy mình bị số phận bạc đãi hơn bao giờ hết, đúng vào lúc mình đang sống một cách cao thượng nhất từ xưa tới nay. Y phải chiến thắng mọi sự thử lòng và không cho rằng: Thế là bất công: Y phải tự nhủ: «Đó là kết quả của điều mà tôi đã làm. Tôi đã xin trả quả. Nay tôi đã được trả quả, thì không có gì là lạ cả.» Ngoài ra y còn có thể tự an ủi bằng cách nghĩ rằng món nợ mà y đang trả đây, nay được thanh toán vĩnh viễn, và một khi đã thanh toán rồi thì nó không bao giờ còn đến quấy rầy y nữa. Mỗi món nợ nghiệp quả mà y trả đều được xóa bỏ vĩnh viễn trên cuốn sổ bộ đời của y. Ít nhất y cũng đã trả sạch món nợ đó. Như thế, nếu bệnh tật vật ngã y thì y nghĩ rằng nên thoát khỏi sự lo lắng lớn lao đó; nếu y bị sự đau khổ và sự lo âu quấy rầy, y nhận những cách thử lòng đó và tự nhủ: «Điều này thuộc về dĩ vãng của tôi, ở sau lưng tôi, chẳng phải ở tương lai của tôi, trước mặt tôi đâu.» Vì vậy y tràn ngập sự vui vẻ giữa những nỗi lo buồn, tràn ngập hy vọng giữa những sự nản lòng, y thờ thối giữa những sự đau khổ, vì con người nội tâm hài lòng với nghiệp quả, sung sướng vì lời cầu xin của mình đã được chấp thuận. Nếu không có sự đáp lời, như vậy có

nghĩa là tiếng nói của y không lên đến tai các Đấng cao cả, nghĩa là lời y cầu nguyện đã rơi xuống đất, vì những nỗi lo lắng này là sự trả lời những điều mà y đã xin. Theo cách đó, giữa những sự tranh đấu, những nỗi khó khăn, những sự cố gắng, y có thể đạt được cái đức tính thứ năm của thể trí, đó là: shraddha.

e) Đức tính thứ năm **Shraddha** là Đức Tin (Ta cũng có thể gọi là lòng tin cậy; tin cậy nơi Sư Phụ và tin cậy nơi chính mình nữa). Quý huynh hiểu dễ dàng tại sao đức tin là kết quả của sự tranh đấu như thế. Quý huynh sẽ tự giải thích một cách dễ dàng rằng sau con chiến đấu, lòng tin cậy phải nảy sinh, giống như một cái hoa được nở dưới ảnh hưởng hỗn hợp của ánh sáng mặt trời và trận mưa. Con người đã tập tin cậy nơi Sư Phụ y vì Ngài đã giúp y vượt được quãng đường chông gai và đã dẫn y đến phía bên kia, nơi đó những cửa điếm đạo hé mở trước mặt y. Y cũng đã tập được tự tin nơi mình, không phải tin nơi bản ngã thấp hèn, mà y đã chế ngự được tính yếu đuối, nhưng tin cậy nơi Chơn Thần thiêng liêng của y, y bắt đầu nhận thấy uy lực. Từ nay, y hiểu rằng mỗi người đều thiêng liêng và ngày nay Sư Phụ y thế nào thì một ngày kia, trong những kiếp lai sinh y sẽ giống in như Ngài vậy. Y tin cậy nơi quyền lực của Sư Phụ, Ngài dạy bảo và hướng dẫn y; tin cậy nơi kiến thức của Ngài, Ngài có thể dìu dắt và dạy dỗ y; tự nơi y, y cũng

có một tấm lòng tự tín, rất khiêm nhượng, nhưng rất mạnh mẽ, nó làm cho y tin chắc rằng mình có một quyền năng tự cải thiện, vì chính y là bản chất thiêng liêng; và uy lực ở nơi y là uy lực của Thượng đế; lòng tin này đủ sức khiến y có thể vượt qua mọi nỗi khó khăn, để y có thể chịu đựng mọi sự thử lòng và đắc thắng, dầu sức mạnh phải dùng đến là thế nào, và những khó khăn phải chiến thắng lớn như thế nào.

f) Đức tính thứ sáu là **Samâdhânâ** (sự Điềm Tĩnh). Đức tính thứ sáu thuộc về trí là «samâdhânâ», sự điềm tĩnh, điềm đạm, sự an tĩnh của cái trí; sự thăng bằng và lòng quả cảm này là kết quả của những đức tính đã đạt được ở trên kia. Sau khi đã thực hiện được đức tính cuối cùng này, con đường nhập môn đã được vượt khỏi, người thí sinh đệ tử thấy mình đứng trước cửa ngõ, và không cần phải cố gắng thêm nữa, đức tính thứ tư mumuksha đương nhiên sẽ hiện ra.

Đức tánh thứ tư Mumuksha. «Mumuksha» ý muốn được giải thoát, ta có thể coi nó như là hoàn tất của những sự cố gắng lâu dài của thí sinh, khiến y thành một vị Adhikari¹⁰ sẵn sàng để được điếm đạo. Y đã bị thử thách và được coi như là xứng đáng; sự phân biện của y thật tế nhị;

¹⁰ Người đệ tử đã vượt qua giai đoạn thử lòng.

sự lãnh đạm của y không phải là một sự chán nản nhất thời do một sự bất đắc chí mà ra; trạng thái đạo đức và trí thức của y vốn cao thượng; y đã đúng bực, sẵn sàng để được điếm đạo. Người ta không đòi hỏi ở y một điều gì nữa, từ nay y xứng đáng được đối diện với Sư Phụ y, xứng đáng đương đầu với đời sống mà y đã tìm kiếm bấy lâu.

Quý huynh hãy lưu ý trước khi chúng ta chạm được vào cánh cửa điếm đạo, mỗi năng khiếu phát triển trên đường nhập môn chỉ là một sự chuẩn bị để sau này phải được hoàn thiện. Chính những năng khiếu đạo đức và trí huệ là điều bắt buộc phải có, không phải là tài phép, chẳng phải một sự phát triển linh năng bất thường, gọi là những phép thần thông đâu. Những phép thần thông này không bao giờ bắt buộc phải có, hay là phải trình bày. Một người có thể đã phát triển một vài phép thần thông, nhưng vẫn chưa sẵn sàng để được điếm đạo. Y phải có những phẩm hạnh đạo đức. Những phẩm hạnh này bắt buộc phải có một cách gắt gao, không có chi làm lay chuyển quyết định đó được. Xin phép quý huynh cho tôi nói phớt qua sự gắt gao này; đó chính là kết quả của sự kinh nghiệm vậy. Những vị Đại Sư, từ những ức triệu năm rồi, không ngớt huấn luyện dần dần nhân loại. Với những kinh nghiệm sâu xa của các Ngài. Các Ngài biết rằng những đức tính cần thiết để trở

thành một người đệ tử thiết thọ phải căn cứ trên sự mở trí và trên những điều kiện đạo đức, chớ chẳng phải trên sự phát triển năng khiếu thần thông; sự phát triển thần thông này sẽ được thực hiện vào lúc thích nghi. Muốn thành một đệ tử được thấu nhận thì thể trí và trạng thái đạo đức phải sẵn sàng trình bày dưới mắt của Chơn Sư. Những đức tính mà Ngài bắt buộc phải có là những đức tính mà chúng ta vừa mô tả, những đệ tử của Ngài phải mang những đức tính đó đến trình diện với Ngài trước khi nhận được sự phục sinh mà chỉ có Ngài mới ban cho họ được mà thôi. Những đức tính này bao gồm sự hiểu biết và lòng sùng đạo – Sự phát triển kiến thức nó giúp cho con người thấy được, và nếu không có sự phát triển của lòng sùng đạo thì con người không sao vượt nổi quãng đường. Vì thế chúng ta đọc trong thánh kinh «Upanishads» rằng sự hiểu biết mà không có lòng sùng đạo thì không đủ, và chỉ một lòng sùng đạo không thôi, thì hãy còn thiếu. Cả hai đức tính này đều cần thiết, vì chúng là cặp cánh giúp cho người đệ tử lấy đà mà bay lên.

Bây giờ chúng ta đi đến đường đạo chính thức. Thỉnh thoảng trong cõi hồng trần có một vài tiếng, tự miệng các vị Chơn Sư thốt ra, về những sự đại điểm đạo nó đánh dấu những giai đoạn của đường đạo, sau khi người đệ tử đã được Sư Phụ nhận, và sau khi Ngài đảm nhiệm

việc hướng dẫn, dạy bảo và coi chừng đệ tử Ngài.

Chúng ta có thể tìm thấy ở nơi này hay ở nơi khác những câu nói bóng gió gián tiếp, sau này được chứng minh bởi sự kinh nghiệm của những ai đã bước vào cửa đạo; những lời bóng gió này được phép loan truyền trong một phạm vi nhỏ hẹp, không phải để làm thỏa mãn một sự tò mò tọc mạch vô ích, mà để dạy cho những ai muốn tự mình chuẩn bị tiến đến trình độ cao siêu ấy. Tất cả những gì mà người ta có thể nói về những cuộc điếm đạo này, lẽ cố nhiên là còn thiếu sót; những điều được phép tiết lộ ra với thế giới loài người về những sự huyền bí cao siêu ấy, chỉ là những tài liệu không đầy đủ. Nhiều câu hỏi phát sinh ra nơi trí óc quý huynh, khi tôi dần dần gom góp những khái niệm ấy để làm thành một đại thể tuy mỏng manh nhưng đồng nhất; nhiều câu hỏi sẽ làm bận trí quý huynh mà sự cần mật không cho phép trả lời. Như tôi đã nói với quý huynh, những tài liệu này được trưng bày không phải là để làm thỏa mãn sự tò mò tọc mạch, hoặc để cho quý huynh có dịp đặt một loạt câu hỏi và nhận được một câu trả lời cho mỗi câu hỏi ấy. Những khái niệm này chỉ dành riêng cho những người chí nguyện chân thành; cho những người muốn biết để có thể tự mình chuẩn bị; cho những ai muốn hiểu để có thể thi hành. Vì vậy thỉnh thoảng những lời bóng gió gián tiếp được nói ra,

thổ lộ một phần tài liệu vừa đủ để chỉ dẫn nhưng không có tính cách làm thỏa mãn tính hiếu kỳ vô ích thuộc về thế tục.

Hai vị Đại Sư có tên trong lịch sử đã cho những lời chỉ giáo về vấn đề này nhiều hơn là những vị khác. Mỗi vị là Giáo chủ của một tôn giáo rộng lớn trên thế gian. Tôi dùng những tiếng «rộng lớn trên thế gian» không phải với ý nghĩa của diện tích rộng rãi, mà với ý nghĩa ảnh hưởng của tôn giáo ấy đối với những linh hồn sẵn sàng thụ lãnh nó. Một trong những vị Đại Sư ấy là vị sáng lập ra Phật Giáo, tức là đức Phật; vị Chon Sư thứ hai là đức Shri Shankarâchârya, Ngài đã cống hiến cho Ấn Độ Giáo việc mà đức Phật đã làm cho những xứ ngoài phạm vi của Ngài, bằng cách sáng lập giáo lý công truyền.¹¹ Về đường đạo phải đi theo. Giáo lý của hai Ngài giống hệt nhau, cũng như giáo lý của những vị đã được điểm đạo bậc cao. Mỗi Ngài đều ấn định những giai đoạn giống nhau: Mỗi Ngài đều phân chia những giai đoạn này bằng những cuộc điểm đạo đặc biệt ngăn cách những giai đoạn đã qua cũng như những giai đoạn sắp tới. Giáo lý của hai Ngài cũng hoàn toàn in nhau; nếu có khác thì chỉ khác nhau cách hành văn thích nghi cho mỗi tôn giáo. Đó cũng là trường hợp để cho con người tập phân biệt chân lý dưới mọi hình thức và mọi

¹¹ *Exotérique.*

phương diện của nó; thay vì cãi nhau về những hình thức bề ngoài, con người nhận định được dưới những danh từ khác nhau, những nhãn hiệu bên ngoài đều có ẩn tàng những chân lý giống nhau.

Tôi nói có 4 giai đoạn khác nhau, và mỗi giai đoạn đều có một sự điếm đạo đặc biệt. Vậy sự điếm đạo nghĩa là gì. Điếm đạo nghĩa là sự nản nỡ kiến thức thâm thập được do sự can thiệp nhất định của Chơn Sư; Ngài hành động với tư cách đại diện cho Đấng duy nhất chí tôn cầm quyền điếm đạo cho nhân loại và nhân danh Đấng cao cả này Ngài cho ta phục sinh. Có thể nói sự nản nỡ kiến thức là đặc điếm của sự điếm đạo, vì nó cho ta «chìa khóa của sự hiểu biết,» mở ra cho người được điếm đạo thấy những chân trời mới mẻ về kiến thức và quyền năng. Nó đặt trong tay y cái chìa khóa mở những cửa của thiên nhiên. Như thế để làm gì? Nói một cách tổng quát để người được điếm đạo có ích cho đời hơn trước; để cho quyền năng phụng sự nhân loại của y được tăng thêm; để y có thể hợp với một nhóm ít người đã hiến thân cho nhân loại và đã từ bỏ bản ngã thấp hèn của mình; họ chẳng ước mong điều gì hơn là việc phụng sự Chơn Sư và nhân loại; họ biết việc phụng sự Chơn Sư và việc phụng sự nhân loại chỉ là một; họ đã dứt khoát với thế gian và với tất cả những gì mà thế gian có thể mang đến cho họ; sau cùng họ đã vĩnh viễn tự hiến

dâng để phụng sự những Đấng cao cả, để làm những dụng cụ cho các Ngài, làm những đường vận hà cho các Ngài ban rải xuống hồng trần ân huệ và sự cứu giúp.

Giữa hai cuộc đại điểm đạo, vài kết quả đã ấn định phải xuất hiện – những sự thay đổi con người bên trong – nhưng rất khác hẳn với những sự thay đổi mà chúng ta đã học từ trước đến giờ, khi một người đã qua được một lần điểm đạo, mỗi việc mà y làm, phải được thực hiện trong sự toàn mỹ; mỗi công trình phải hoàn toàn thành tựu, mỗi dây xiềng xích phải nhất quyết chặt đứt. Không còn công việc nào là bất toàn; người đệ tử không thể tiến lên hơn nữa trước khi thực hành, trong sự toàn mỹ, công việc trong giai đoạn mà y phải trải qua. Trạng thái này có đặc điểm nhất định – mà người ta không tìm thấy ở nơi nào khác trong đời sống – ấy là sự hoàn tất mỗi giai đoạn trước khi bước sang giai đoạn kế tiếp. Một việc làm nửa chừng, một công trình còn khuyết điểm sẽ không được chấp thuận. Mặc dầu phải mất bao nhiêu thời giờ, công việc phải hoàn tất xong xuôi, trước khi người ta có thể tiến thêm một bước nữa. Nói theo lối chuyên môn, điều này được gọi là «phá tan xiềng xích,» do đó vài sự vật còn làm trở ngại cho linh hồn. Ở đoạn chót của đường đạo là giai đoạn Jivanmukti» (giai đoạn của người thành đạo). Đã trải qua đường đạo tức là đã tiến đến giai đoạn mà nơi đó đời

sống được tự do; như vậy phải phá vỡ hoàn toàn những xiềng xích để không còn sự gì có thể cản trở người hành giả được phục sinh.

Điểm Đạo lần thứ Nhất.

Theo đức Shri Shankarâchârya thì sự đại điểm đạo lần thứ nhất làm cho con người thành một vị «Parivra Jaka», còn đức Phật gọi là «Shrotapatti», (Tu Đà Huòn). Danh từ Phật Giáo này thường dùng dưới hình thức Pâli của nó, có nghĩa là «kẻ đã nhập lưu» nó ngăn cách y với thế gian. Y không còn thuộc về cõi hồng trần này nữa, tuy y còn có thể sống trong đó; ở đó y không còn giữ một địa vị nào; không còn cái gì có thể cầm y lại được nữa. Đồng nghĩa đó là chữ «parivra jaka», «người đi ta bà, vô trú» tức là người không có chỗ ở nhất định. Không phải nhất định là đi ta bà bằng xác thân, hay không có nhà ở cho xác thân – như sau này người ta đã dịch ra theo ngôn ngữ công truyền – mà chính là con người, trong đời sống nội tâm, đã tách ra khỏi thế gian này, y không có nơi chốn, không có chỗ ở nhất định trong cõi đời giả tạm này, nơi đây chốn nào cũng như chốn nấy. Y sẵn sàng đi chỗ này, chỗ kia, đi khắp mọi nơi khi Sư Phụ muốn y đến. Không chỗ nào có thể cầm giữ y lại, y không quyến luyến một nơi nào, vì y đã phá tan xiềng xích trói buộc y vào một chỗ đặc biệt. Vì vậy, y được gọi là « người đi ta bà, vô trú.» Lẽ cố nhiên tôi biết, cũng

như quý huynh biết; ngày nay người ta gán cho giai đoạn ấy một nghĩa eo hẹp theo công truyền, nhưng tôi quan niệm nó chính theo cái ý nghĩa bí truyền bên trong, theo ý nghĩa mà các Đấng cao cả đã đặt ra cho giai đoạn ấy. Than ôi! Chúng ta biết rằng đã có biết bao nhiêu sự thay đổi từ xưa đến nay; điều xưa kia là một trong những sự thật của đời sống, thì ngày nay đã trở thành một vấn đề danh từ và hình dáng bên ngoài. Nhưng tôi muốn cho quý huynh biết 4 giai đoạn của con đường đạo, như đã được mô tả trong Ấn Độ Giáo vì mọi người tưởng lầm chính đức Phật đã tiết lộ những giai đoạn ấy trong khi Ngài chỉ mô tả lại đường đạo cổ kính, gay go mà mỗi vị đã được điếm đạo của Hội Quần Tiên duy nhất đã trải qua, đang trải qua, và sẽ trải qua trong tương lai.

Chúng ta hãy khởi đầu bằng thực tế. Tôi đã nói con người nhập lưu hoàn toàn cách biệt với thế gian. Người không còn lo nghĩ đến đời nữa, trừ phi là để giúp đời, trừ phi là để thi hành nơi đó những mệnh lệnh của Sư Phụ người. Đó là đặc điểm của sự đại điếm đạo đầu tiên của con người, đã được tái sinh một lần nữa, lần thứ hai. Trong đa số những trường hợp, sự phục sinh này được ban cho con người ở ngoài xác thân, nhưng trong một trạng thái hoàn toàn thức tỉnh, nghĩa là người ta thường được điếm đạo trong khi ở trong thể vía, với lương tri sáng suốt, lúc đó xác thân ở trong trạng thái xuất thần mê man. Tỉnh thoảng,

một người đệ tử được điếm đạo, khi thức tỉnh, y không được phép biết sự đó trong ít lâu. Nhưng trong hai trường hợp này, cái gì đã thấu hoạch được thì không thể mất đi; con người không thể trở lại cái trạng thái xưa kia của y. Đứa trẻ sơ sinh có thể trong một thời gian không biết được hoàn cảnh mới mẻ của mình, nơi đó nó sống, nhưng nó không thể nào chui vào trong bụng mẹ như trước được nữa; nó không thể trở về vị trí cũ của nó, khi nó chưa sinh ra đời. Cũng thế, người được điếm đạo đã trải qua một sự phục sinh, không thể nào trở lại trạng thái cũ của mình, khi y chưa được phục sinh, và y không thể dự phần vào trong đời sống ở thế gian này, giống như những ai chưa được phục sinh vậy. Y không thể chần chừ trên đường tiến hóa, y có thể tiến chậm chạp, y có thể dùng nhiều thời giờ hơn thường lệ, để cởi bỏ những xiềng xích còn trói buộc y; nhưng y không thể nào trở thành một người chưa được điếm đạo; cái chìa khóa không thể thoát khỏi tay y nữa. Y đã nhập lưu, y thoát khỏi thế gian, y phải tiến lên, dù có chậm chạp đến đâu, dù y có phải dành cho việc này biết bao nhiêu là kiếp sống.

Người ta đã hỏi, giữa trình độ này và sự giải thoát cuối cùng, sự hoạch đắc được quả vị Chơn Tiên «Jivanmukti,»¹² phải cần bao nhiêu kiếp

¹² *Quả vị Chơn Tiên, Chơn Sư.*

sống. Tôi nhớ có nghe ông Swami T. Subba Row nói chuyện tại đây với một vài người bạn về nguồn dư luận thông thường cho rằng vị thí sinh đệ tử phải tu luyện trong bảy kiếp mới được giải thoát, làm một vị Chơn Tiên. Ngài nói lên một câu rất đúng và rất có ý nghĩa như sau đây: «Có thể phải cần đến bảy kiếp cũng như bảy chục kiếp, cũng như có thể chỉ cần đến bảy ngày hay bảy giờ thôi». Như thế có nghĩa là đời sống của linh hồn không thể đánh giá bằng năm tháng ở cõi hồng trần. Sự thành công là tùy theo khí lực, sức lực và ý chí của linh hồn ấy. Một người có thể phụng phí thời giờ hay dùng nó một cách hết sức hữu ích, và những sự tiến bộ mà y có thể thực hiện được sẽ tùy theo sự kiện nói trên đây. Nhưng trong giai đoạn này, nó bắt đầu từ lúc được điểm đạo lần thứ nhất và chấm dứt vào lúc được điểm đạo lần thứ hai, có ba việc khác nhau mà con người phải hoàn toàn cởi bỏ trước khi có thể vượt qua ngưỡng cửa thứ nhì. Việc đầu tiên là ảo tưởng về bản ngã. Cái bản ngã này phải được diệt trừ, không phải chỉ chế ngự nó, làm giảm bớt nó đi hay kềm hãm nó là đủ. Phải diệt nó, phải vĩnh viễn trừ nó. Ảo tưởng về bản ngã cá nhân riêng biệt phải mất đi. Người đệ tử phải nhìn nhận y chỉ là một với những người khác, vì Chơn Linh của vạn vật vẫn duy nhất. Y phải nhận định tất cả những gì bao quanh y, con người, thú vật, thảo mộc, những hình thức

khoáng chất và tinh chất của đời sống cũng chỉ là một mà thôi. Y phải thoát ly cái ảo tưởng về bản ngã. Quý huynh thấy sự phát triển kiến thức có thể giúp đỡ mình biết bao nhiêu ở điểm này; việc nhận biết được Chơn Linh có thể giúp ta biết bao nhiêu trong việc dứt bỏ những sai lầm; nhận thức được sự chân giúp ta biết bao nhiêu vào sự loại trừ sự giả; theo cách đó, ảo tưởng về bản ngã có thể diệt trừ hoàn toàn. Tại sao? Vì mắt con người đã mở rộng, tâm mắt của y đã vượt khỏi vòng ảo tưởng. Như thế, y đạt được sự tự do và thoát khỏi những xiềng xích mà người ta gọi là «ảo tưởng về bản ngã.»

Kế đó, người đệ tử phải trừ tuyệt tính hoài nghi hay mơ hồ. Đó là trở ngại thứ hai, nó ngăn cản không cho y tiến xa hơn nữa. Y phải vượt qua sự trở ngại này bằng cách đã được định rõ tức là hoạch đắc sự hiểu biết. Những sự vật ở cõi vô hình đối với y, không còn là những vấn đề lý thuyết nữa; những chân lý cao siêu của tôn giáo, đối với y, không phải chỉ là những tư tưởng triết lý mà thôi. Y phải công nhận những điều đó như là những sự thật. Y không cần phải tự hỏi: «tại sao?» hay «bằng cách nào?» bất cứ về điều gì. Có những chân lý căn bản về đời sống mà y không thể nghi ngờ gì được nữa. Trước khi tiến lên một bước nữa, y phải có lòng tin tưởng gần như tuyệt đối về vấn đề đại chân lý luân hồi, không một chút hoài nghi. Cái chân lý tối đại về nhân quả đã

được hoàn toàn chứng minh đối với y; y phải có một lòng tin chắc chắn mà không có gì lay chuyển nổi về một chân lý trọng đại khác nữa, đó là sự hiện hữu của những bậc Siêu Nhân, những vị Jivanmuktas, các Ngài là những Chơn Sư của nhân loại. Về những điểm đó, sự hiểu biết của y không còn là những lý thuyết suông, mà phải là những hiểu biết thật sự, thực tế, để không có một chút hoài nghi nào có thể làm mờ trí của y; trường hợp duy nhất để có lòng tin này, ấy là trường hợp nơi đó sự hiểu biết được thay thế cho lý thuyết, và tiếp xúc hoàn toàn với thực tại từ nay khiến cho ta không còn nổi thất vọng sinh ra vì những ảo tưởng của cõi đời vật chất.

Xiềng xích cuối cùng mà ta phải chặt đứt hoàn toàn trong giai đoạn này là tính dị đoan. Quý huynh hãy nhận định rõ điều này muốn nói gì để hiểu rõ tại sao đức Shri Shankarâchârya và đức Phật đã dùng những danh từ như nhau để chỉ định giai đoạn đó trong đời sống của người đệ tử. Mê tín, dị đoan, theo ý nghĩa chuyên môn của danh từ, nghĩa là tin vào những lễ nghi bề ngoài của những giáo phái, để được giúp đỡ tinh thần. Nói về tính chất bề ngoài của những lễ nghi này, con người nhận thức được, qua sắc tướng, chân lý chứa đựng bên trong, và nếu chân lý thật có ở nơi đó, thì giá trị của hình thức bề ngoài sẽ tùy theo sự thích nghi nhiều hay ít đối với thế giới vô minh và ảo tưởng này. Con người đã

vượt qua những hình thức bề ngoài công truyền và những lễ nghi, nhưng quý huynh đã quen thuộc với quan niệm ấy trong đời sống hàng ngày rồi. Người Sannyasi¹³ được coi là đã vượt khỏi những lễ nghi, người ta không đòi hỏi nơi tu sĩ các việc đó nữa. Tại sao vậy? Vị tu sĩ được coi như là đã đạt được chân lý, không cần đến những lễ bái ấy nữa, nó chỉ là những nấc thang mà con người phải trèo lên, và chỉ cần thiết ở những giai đoạn đầu; quý huynh chớ quên điều này, đó là một vấn đề tiến hóa. Nếu quý huynh muốn đi lên nóc nhà, quý huynh phải trèo lên cái thang và điên cuồng thay là kẻ nào nói: «Tôi không muốn trèo thang» trừ phi y có một quyền lực và một sự hiểu biết những định luật của thiên nhiên, khiến y có thể thay đổi tính phân cực của xác thân y, và lên cao bằng cách gọi là thuật khinh thân (lévitation) – bằng cách dùng ý chí – thay vì dùng phương pháp tương đối chậm chạp, nghĩa là bước lên từng nấc thang một. Đối với một người như thế thì cái thang thật vô ích, vì y có thể lên tới nóc nhà nhờ sức ý chí mà không cần sử dụng phương pháp chậm chạp phải dùng cái thang. Như vậy, không có ý nghĩa là cái thang vô ích; nghĩa là những người khác cũng có thể đi lên nóc nhà mà không cần dùng thang. Ngày

¹³ Người tu khổ hạnh, không còn ham những thú vui hồng trần nữa.

nay, người ta thấy có nhiều người chính tự bản thân họ không đủ năng lực bay lên cao, mà họ lại từ chối không dùng thang nữa; họ quên rằng khi mà ý chí chưa được phát triển, thì những phương tiện thấp thôi là cần thiết, nếu người ta có chút ý muốn lên cao.

Điều đó khiến tôi muốn nói đôi lời về người Sannyasi chơn chánh. Cũng như ngày nay, năm ngàn năm về trước, tiếng này đã được sử dụng mà không có thực tế. Chính đã năm ngàn năm rồi, ở buổi đầu thời mạt pháp, chúng tôi thấy đức Krishna phân biệt người Sannyasi giả với người Sannyasi thật. Quý huynh nhớ rằng khi luận thuyết về vấn đề này, Ngài đã nói: «Kẻ nào hành động vì bốn phạm, không màng tưởng đến kết quả của những việc mình làm là một người Sannyasi hay người Yogi, chớ không phải những kẻ không có ngọn lửa thiêng và không làm gì cả. Kẻ không có ngọn lửa thiêng nghĩa là kẻ không đốt lửa hy sinh, kẻ không thi hành những lễ nghi cúng bái, vì người ta không đòi hỏi ở người Sannyasi những việc đó. Nhưng đức Krishna đã nói: «Kẻ nào chỉ làm cho người ta chú ý đến mình bằng cách không thi hành những lễ nghi cúng bái và không hoạt động trong thế giới loài người, thì kẻ đó chẳng phải là một người Sannyasi chơn chánh đâu». Và nếu điều này là thật đã năm ngàn năm rồi thì, ngày nay nó lại còn đúng hơn nữa.

Nếu điều này đã đúng khi đức Thượng Đế ¹⁴ giáng trần bên Ấn Độ, thì bây giờ nó còn đúng hơn nữa sau năm ngàn năm của thời đại mạt pháp. Nếu chúng ta nhìn một cách tổng quát cả thế giới phương đông, nếu chúng ta chiêm nghiệm chính xứ Ấn Độ với vô số những người Sannyasi của xứ đó, thì ta thấy những người chỉ là Sannyasi do bộ áo của họ mặc, chớ chẳng phải do cách họ sống; những người chỉ là Sannyasi bởi hình thức bề ngoài, chớ không phải do những hy sinh nội tâm. Và nếu chúng ta từ già Ấn Độ để đi đến Tích Lan, Miến Điện, Trung Hoa hay Nhật Bản, chúng ta cũng thấy ở đây những vị tu sĩ theo Phật Giáo, họ chỉ là tu sĩ do bộ áo màu vàng của họ, chớ không phải do một đời sống thanh cao, do hình thức bên ngoài chớ chẳng phải do chân lý bên trong. Nếu có thật tôn giáo nơi đây dễ thực hành hơn mọi xứ khác; nếu có thật tập tục cổ truyền của Ấn Độ khiến cho đất Ấn linh thiêng và khiến bầu không khí của nó có vẻ tinh thần hơn ở xứ khác; nếu có thật đất Ấn có những địa phương đã được thánh hóa do những người đã sống nơi đó đến nỗi đối với thế nhân tầm thường, chỉ việc đặt chân đến những địa phương ấy, cũng đủ làm cho cái trí yên tịnh và làm thức tỉnh những ước vọng của linh hồn; nếu có thật vì những điều này mà xứ Ấn Độ trở nên thiêng

¹⁴ *Avatar.*

liêng và được mến yêu đời đời, thì than ôi ! những con dân của nó ngày nay không còn xứng đáng với nó, đã sa ngã đủ mọi cách. Nếu chúng ta lấy mắt mà dò xét toàn cõi hồng trần, chúng ta thấy không một nơi nào đời sống tinh thần được thực hành một cách toàn diện; không một quốc gia nào đặt đời sống tinh thần lên hàng đầu. Kẻ nào biết con người có thể làm được điều này, mà lại làm khác hơn; kẻ nào biết việc phải như thế này, mà thấy nó lại thành như thế kia; kẻ nào đã thấy rõ chân lý, mà than ôi, nay chỉ gặp nơi đây sự dối trá dưới vẻ bề ngoài của chân lý, thì kẻ ấy cảm thấy cõi lòng tan nát. Tuy nhiên, dù sao cũng không có một vị đệ tử nào cõi lòng phải tan nát, bởi vì các Chơn Sư luôn luôn còn sống và đệ tử các Ngài vẫn đi chu du khắp thiên hạ để thuyết đạo; nhưng ngày nay tư cách của họ không lộ ra bằng vẻ bề ngoài do bộ áo của họ mặc, nhưng bởi đời sống nội tâm, bởi kiến thức, bởi tính tinh khiết và lòng sùng đạo; mấy đức tính này vẫn luôn luôn mở những cửa điếm đạo.

Điểm Đạo lần thứ nhì.

Bây giờ chúng ta đi đến giai đoạn thứ nhì mà đức Shankarâchârya gọi là giai đoạn của người «Koutichaka» nghĩa là người dựng một túp lều; những người Phật tử gọi giai đoạn này là giai đoạn của người «Sakridâgâmin» Tư Đà Hàm, tức là của người được phục sinh một lần

nữa. Ở giai đoạn này, người ta không còn phải phá tan những xiềng xích chỉ định, nhưng phải hoạch đắc một vài năng khiếu. Đó là lúc cần đến những năng khiếu thần thông. Sau khi điếm đạo lần thứ nhì, những năng khiếu này phải được khai triển, vì người đệ tử đã đi đến giai đoạn có những bốn phận rất rộng lớn đang chờ đợi người, không phải chỉ ở trong đời sống hồng trần của nhân loại, mà còn ở những cảnh giới khác ngoài cõi hồng trần. Người phải có thể nói được, không những chỉ bằng miệng mà thôi, mà còn bằng cách giao thông trực tiếp từ cái trí này đến cái trí khác,¹⁵ làm như vậy một cách tinh táo và có ý thức. Ngài mai tôi sẽ cố gắng giảng giải những bốn phận khác nhau của người đệ tử, những bốn phận này ảnh hưởng đến cõi hồng trần, và nếu được làm đầy đủ một cách hoàn toàn – đó không phải là trường hợp ngày nay – nó sẽ thay đổi rất nhiều cho đến cả khuynh hướng của đời sống vật chất của con người. Nhưng người đệ tử muốn làm tròn phần nhiệm vụ ấy của mình, để có thể tự chuẩn bị làm những bốn phận cao cả hơn; khi tất cả những nguồn kiến thức được mở ra cho người và khi tạo hóa đã vén lên tất cả những tấm màn khá dày mịn che án mắt người, thì người đệ tử khi tiến đến gần giai đoạn này, phải phát triển những năng khiếu tiềm tàng của mình và pho

¹⁵ *Thần giao cách cảm.*

bày dần dần tất cả những khả năng chưa hoạt động nơi mình. Chính trong giai đoạn này, ngọn lửa tiềm tàng phải được khơi động, nếu từ đó đến nay chưa làm việc này;¹⁶ chính trong giai đoạn này, phải khơi cho luồng hỏa hâu Kundalini tác động trong xác thân và trong thể vía của con người đã được thêm sức. Quý huynh đã đọc được trong một vài cuốn sách, như trong cuốn «Ananda Lahiri» của Shri Shankarâchârya, những đoạn nói về cách khơi ngọn lửa sống này và dẫn nó từ luân xa này sang luân xa khác. Khi được khơi động, ngọn lửa này cho con người cái quyền lực tự ý rời bỏ xác thân bất cứ lúc nào, vì khi ngọn lửa đi dần dần từ luân xa này đến luân xa khác, nó làm cho thể vía tách ra khỏi xác thân và hoạt động tự do. Kể từ đó, con người vẫn luôn luôn thức tỉnh, có thể rời bỏ xác thân để đi vào thế giới vô hình, hoạt động ở đó một cách hoàn toàn tỉnh táo và khi trở về nhớ lại tất cả những việc đã làm, không hề có ở trong thể trí một sự lãng quên nào ngăn cách trạng thái này với trạng thái khác. Chính trong giai đoạn thứ nhì, tất cả những quyền năng này đều được phát triển và tiến hóa, khi chúng chưa được hoàn toàn hoạt động; khi chúng chưa trọn vẹn dưới mệnh lệnh của người đệ tử; khi những hàng rào ngăn cách

¹⁶ Có người mở luồng hỏa hâu trước khi được điểm đạo lần thứ nhất.

cảnh giới hữu hình với cảnh giới vô hình chưa được phá vỡ, thì người đệ tử không thể tiến xa hơn nữa. Khi những hàng rào ấy rơi xuống do sự phát triển của quan năng và những quyền lực ẩn tàng nơi con người, do sự hoạch đắc những phép thần thông, người đệ tử thấy mình sẵn sàng bước một bước lớn thứ ba trên con đường tiến hóa và đi vào một giai đoạn sinh hoạt mới mẻ và cao cả hơn. Quý huynh sẽ hiểu một cách dễ dàng tất cả sự tai hại mà những người chuẩn bị không đúng phép tự đem lại cho mình, khi họ thử tiến đến giai đoạn này theo cách của họ tạo ra trước ngày giờ mà sự tiến hóa tự nhiên đem họ đến đó, trước khi họ được phát triển về phương diện tinh thần. Trong nhiều cuốn sách đã được in ra, nhất là những cuốn «Tantrika» có chứa đựng những đại cương nói về những phép thần thông, làm say mê những người ước vọng có quyền năng. Họ không cần xem xét coi những khả năng đạo đức và trí thức của họ có đủ sức giúp cho họ điều khiển một cách đúng đắn những quyền lực ấy không. Trong nhiều kinh sách «Tantras» có những chân lý ẩn tàng, để sẵn cho những ai có thể đạt được; nhưng những lời chỉ dẫn mơ hồ, vì khiếm khuyết, nên thường gây lầm lạc cho những người không thông hiểu sự thật và không có thầy để giảng cho họ hiểu những lời ngụ ý nói bóng dáng và những câu nói không cạn lời. Thế nên một vài người vì vô minh, đã đem thực hành

những bài học khuyết điểm này, với mục đích mở mang mau lẹ những phép thần thông, trước khi sự phát triển về đạo đức và trí thức giúp họ phát triển quyền năng một cách an toàn – những người này quả có đạt được kết quả, nhưng những kết quả này thường làm hại chớ không làm lợi cho họ. Thường khi họ tự làm hại sức khỏe, bị mất trí, và tự làm hỏng những năng khiếu trí thức, khi họ rón hái những trái của cây trường sanh trước khi chúng nó chín mùi, khi họ thử đi vào chỗ thiêng liêng nhất của linh điện với những bàn tay như nhóp và ngũ quan không tinh khiết. Trong đền thờ này, bầu không khí tinh khiết đến nỗi không có gì ô trược mà tồn tại được; những làn rung động ở đó mãnh liệt đến nỗi chúng làm tan vỡ tất cả những gì khác âm giai, xé tan từng mảnh tất cả những gì như bọt, không có bản chất thích nghi với sự hoạt động đáng kinh sợ của chúng.

Điểm Đạo lần thứ ba.

Nhưng khi dưới sự hướng dẫn của Chơn Sư vì chỉ nên làm việc này trong điều kiện duy nhất đó thôi, người đệ tử đã hoàn toàn trải qua giai đoạn này, thì người được đại điểm đạo lần thứ ba và trở thành một vị «Hamsa»¹⁷ theo đức Shri Shankarâchârya, hay là trở thành một vị

¹⁷ *Hamsa có nghĩa là con hạc (cygne).*

Anagamin, A Na Hàm theo kinh sách nhà Phật, một người không còn bị bắt buộc phải đầu thai nữa, nếu người không tự ý muốn đầu thai. Giai đoạn này, như đã được đức Shri Shankarâchârya chỉ định đó là giai đoạn mà con người tiến đến quan niệm hợp nhất, phải biết y chỉ là một với Đấng tối cao. Danh từ này được ban cho y vì sự phát triển trạng thái tâm thức của y đã nâng y lên cao đến cảnh giới của vũ trụ nơi đó sự hợp nhất này trở thành sự thật đã thấu hoạch được, và y đã có kinh nghiệm: «Tôi là Ngài.» Sau khi luyện đến mức cao tột những khiêu linh năng cùng sự liên quan của chúng đối với giác quan hồng trần của y, không những y có thể đi vào những cảnh giới nơi đó người ta thấy được cái quan niệm duy nhất, mà y còn có thể mang trí nhớ của quan niệm ấy trở về trạng thái thức tỉnh hàng ngày, và in nó vào khối óc hồng trần của y. Như vậy, có cần phải nói với quý huynh rằng, người đệ tử phải dứt bỏ cái mảnh cuối cùng của dục vọng hồng trần, nếu y còn giữ những dấu vết của nó khi đã đi đến trình độ này chăng? Ở giai đoạn này, y phá vỡ xiềng xích cuối cùng mà người ta gọi là «kamarâga», dục vọng nhuộm chút ít màu hồng trần, vì khi người ta nhận định được bản thể duy nhất của vũ trụ, thì tất cả những gì bề ngoài có vẻ chia rẽ, đều vĩnh viễn mất hết quyền lực làm cho ta bị lung lạc. Vậy người đệ tử đã vượt lên cao hơn những giới hạn của sự chia rẽ

và chế ngự được không những các điều mà thế gian này người ta gọi là những dục vọng hồng trần, mà còn chế ngự được cả những dục vọng thanh khiết nhất, tinh thần nhất, có liên quan đến bản ngã cá nhân. Chính những dục vọng tinh thần cũng rời bỏ đệ tử khi y đi tới mức cao siêu như thế; không thể tự tách khỏi các kẻ khác, dù chỉ trong tư tưởng, như vậy, y không sao có được những ham muốn tinh thần cho chính mình, như một cá nhân riêng biệt; nhưng y chỉ ham muốn cho mình với tư cách là một phần tử trong toàn bộ của đại thể. Điều mà y hoạch đắc được là hoạch đắc cho tất cả, điều mà y thu được là thu cho tất cả. Y ở trong một cảnh giới của vũ trụ tự nơi đó thần lực ban rải xuống cõi hồng trần, và những gì mà y thu được, y truyền, y tuôn nó ra cho tất cả, y chia sẻ nó với tất cả. Do đó thế gian trở nên tốt đẹp hơn mỗi khi một người tiến đến mức cao siêu ấy. Tất cả những gì mà y hoạch đắc được là hoạch đắc cho nhân loại, và tất cả những gì đến vừa tầm tay của y thì chỉ qua bàn tay đó để ban rải xuống thế giới loài người mà thôi. Người đệ tử hợp nhất với Thượng Đế và do đó, hợp nhất với mỗi sự biểu lộ của Ngài. Y hoàn toàn nhận định được điều này trong tâm thức của y chớ không phải chỉ do những hy vọng và ước vọng mà thôi. Người ta dùng một danh từ lạ lùng để chỉ định điều ràng buộc thứ hai mà y phải phá vỡ trong giai đoạn này, người ta dùng

danh từ Pâli «patigha» mà chúng ta bắt buộc phải dịch là «thù ghét,» tuy ở trường hợp này, danh từ đó thật phi lý. Thật ra, người ta muốn nói, đã tự hợp nhất với tất cả, người đệ tử không còn phân biệt những giống dân, những dòng họ, những sự vật khác nhau ở cõi trần này. Từ nay, y không còn cảm thấy tình yêu thương hay lòng thù ghét này sinh ra bởi những sự khác biệt bên ngoài, vì người ấy thuộc một giống dân khác, hoặc do sự phân biệt những người và vật xung quanh mình. Quý huynh còn nhớ từ ngữ lạ lùng của đức Krishna khi Ngài nói về bậc hiền triết; bậc hiền triết này không phân biệt chút nào giữa một người Bà La Môn sáng suốt và một con chó. Người đã đạt được quan niệm của sự duy nhất, và trông thấy Thượng Đế ở khắp mọi vật, để tôi dùng một từ ngữ khác, người trông thấy đức Krishna ở khắp mọi nơi, và vẻ bề ngoài mà Ngài khoác lên không có nghĩa lý gì đối với con mắt tinh khiết của người. Người tuyệt nhiên không còn điều mà chúng ta bắt buộc phải gọi là «lòng thù ghét» hay sự «ghê tởm». Không có cái gì làm người ghê tởm, không có cái gì làm người lùi bước lại, dội ngược lại. Người chỉ còn cảm thấy lòng bác ái và tình thương đối với mọi vật và mọi người. Có thể nói người làm sáng chói xung quanh mình một bầu không khí đầy sự thương yêu. Tất cả những ai đến với người, tất cả những ai lại gần người đều cảm thấy ảnh hưởng của

lòng từ bi thiêng liêng nơi người. Vì thế nên thuở những người Bà La Môn còn thật sự là những gì đúng với danh từ của họ, thì người ta nói rằng người Bà La Môn là «bạn của mọi vật và mọi sinh vật.» Tấm lòng của họ hợp nhất với Thượng Đế và khá rộng rãi để chứa đựng tất cả những gì mà Thượng Đế đã tạo tác ra.

Điểm Đạo lần thứ tư.

Sau khi đã vĩnh viễn cởi bỏ ảo tưởng của sự chia rẽ, người đệ tử đi vào giai đoạn cuối cùng mà Shri Shankarâchârya gọi là «Paramahansa» và danh từ Phật học là «Arhat» (La-Hán). Về điều này, hiện nay, chúng ta lại nhận thấy một lần nữa sự làm giảm giá trị những danh từ thiêng liêng, khi danh từ chỉ định địa vị cao cả này được đem dùng một cách bừa bãi và câu thả; người ta thường dùng nó vì xã giao tầm thường để chỉ một vẻ bề ngoài, chớ không phải để chỉ một thật sự linh động bên trong. Ý nghĩa thật sự của danh từ này là con người đã trải qua lần đại điểm đạo thứ tư và đang vượt qua giai đoạn trước giai đoạn thành đạo tức là giai đoạn «Jivanmukti»; người có thể hoàn toàn thức tỉnh mà lên cao đến cảnh giới «turiya» (bồ đề),¹⁸ và sống ở đấy. Người

¹⁸ *Turiya : Trạng thái siêu việt : Trạng thái tinh thần cao đôi chiếu với cõi bồ đề. Nên coi cuốn Yoga nhập môn (Introduction au Yoga) trang 2. (Lời Dịch Giả).*

không cần phải rời bỏ xác thịt để cảm thấy chơn phước, để hoàn toàn thức tỉnh tại cảnh giới đó. Trạng thái tâm thức của người đệ tử tăng trưởng đến nỗi bao trùm luôn cảnh giới đó, mà vẫn hoạt động trong khối óc hồng trần. Đó là một trong những đặc điểm khi lên tới mức này. Tâm thức không một chút nào cần phải rời bỏ khối óc hồng trần để tác động tại cảnh giới cao cả này; tâm thức của người đệ tử tăng trưởng đến nỗi bao trùm cả cảnh giới ấy, và trong khi người nói, người hành động ở thế gian tất cả kiến thức rộng lớn này nằm dưới mắt người và người tự tiện thí nghiệm. Trong giai đoạn này, người tự giải thoát khỏi 5 «chướng ngại» cuối cùng để trở thành người «Jivanmukta.»¹⁹

1) Chướng ngại thứ nhất gọi là «ruparâga» tức là ý muốn có một đời sống sắc tướng, vì không một ý muốn nào về một đời sống như thể sinh ra trong lòng người.

2) Kế đó là dứt bỏ «aruparâga», ý muốn có một đời sống vô sắc tướng, không một dục vọng nào thuộc loại đó còn lung lạc được người.

3) Rồi người tự giải thoát khỏi «mana» và chúng ta lại bắt buộc phải dùng một lần nữa một tiếng quá thô sơ để diễn tả bản chất thật sự và tế

¹⁹ Chơn Sự hoàn toàn giải thoát.

nhị của chướng ngại này, tức là lòng kiêu hãnh; không một lúc nào người nghĩ đến sự cao cả của mục đích mà người đã đạt được, vì đối với người, không có chỗ nào cao mà cũng không có chỗ nào thấp, không có những núi non hùng vĩ mà cũng không có những thung lũng bé nhỏ, hẹp hòi. Tất cả đối với người chỉ là một.

4) Kế tiếp, người dứt bỏ chướng ngại thứ tư gọi là uddhachcha «còn có thể bị một việc làm cho chên lòng». Dù sự gì xảy ra, người vẫn vững vàng, không hề lay chuyển. Những tình cầu có thể đụng nhau, người vẫn điềm nhiên như không. Không còn có một việc gì xảy ra ở cõi đời hữu hình này lại có thể phá rối sự trầm lặng cao cả của người đã lên đến mức quan niệm được cái Đại Hồn của vũ trụ. Dù một thảm họa xảy ra cũng không sao, chỉ riêng cái hình hài bị tan vỡ. Dù thế giới bị sụp đổ cũng không sao, đó chỉ là cách biểu lộ sự thay đổi. Người sống trong cái gì cố kính, vững bền, bất tử, trường cửu; không một điều gì có thể làm rối loạn sự bình tĩnh của người, không có gì có thể làm mất đi cảm giác hoàn toàn an tịnh của người. Thực hiện được điều này, thì người thoát khỏi sự trở ngại cuối cùng là:

5) Avidya, vô minh hay sự sinh ra ảo vọng, đám mây mỏng mảnh cuối cùng nó che kiến thức hoàn toàn và tự do triệt để. Người không còn

phải tái sinh nữa, không một sự ép buộc nào có thể đem người trở lại địa cầu này, nhưng người có thể tự ý đi đâu thai. Kiến thức của người bao gồm tất cả những gì chứa trong dãy hành tinh của chúng ta. Người học được tất cả những gì mà sự biểu lộ này có thể dạy người, không một bài học nào mà người chưa thuộc, không một bí mật nào ẩn tàng, không còn một xó, một góc nào mà mắt người chưa dò xét, không có một cơ hội nào mà người không có khả năng nắm lấy. Sau giai đoạn này, tất cả những bài học đã thuộc rồi, tất cả những quyền năng đều được hoạch đắc hoàn toàn, người trở nên toàn tri toàn năng trong tất cả dãy hành tinh này. Người đã hoàn tất sự tiến hóa của nhân loại; người đã vượt qua mức cuối cùng mà nhân loại sẽ bước qua khi hết đại kiếp, khi nhiệm vụ của vũ trụ này kết liễu. Đối với người, không còn cái gì bị che khuất, hay ở riêng trong người, vì trạng thái lương tri của người đã nở ra để bao hàm tất cả sự vật. Khi nào người muốn, người có thể vào cõi niết bàn, nơi đó có sự duy nhất, có lương tri vũ trụ, và sự sống tràn đầy ngự trị. Người đã đạt được mục đích của nhân loại; cái cửa cuối cùng ở ngay trước mặt người và mở rộng cả hai cánh khi nghe thấy tiếng chân người bước đến.

✚ Điểm Đạo lần thứ năm.

Vượt qua cửa này, người thành ra vị Jivanmukta, theo từ ngữ của người Ấn Độ, vị Chơn Tiên «Aseka,» hay Vị không còn học hỏi gì nữa, như danh từ Phật Giáo chỉ định. Mọi việc đều thông hiểu, và hoàn tất. Trước mặt Ngài có những con đường khác nhau được mở rộng; Ngài có thể lựa chọn dễ dàng con đường nào Ngài muốn theo. Ngoài giới hạn của dãy hành tinh này, ngoài giới hạn của vũ trụ chúng ta, tại những miền mà chúng ta không sao hiểu được. Nhưng có một con đường – khó khăn, nặng nhọc nhất, tuy rằng đó là con đường mau lẹ nhất – mà người ta gọi là con đường hy sinh cao cả. Nếu Ngài chọn con đường này, sau khi xem xét kỹ càng thế giới loài người, vị Jivanmukta không rời xa nó; Ngài tuyên bố Ngài muốn ở đó, chịu đầu thai hết kiếp này sang kiếp khác để dạy dỗ và giúp đỡ nhân loại. Một lần nữa, Shri Shankarâchârya nói đến các Vị ở lại và làm việc cho đến khi nào nhiệm vụ hoàn thành. Nhiệm vụ riêng của các Ngài đã xong rồi, nhưng các Ngài tự hợp nhất với nhân loại, và khi sự tiến hóa của nhân loại này chưa chấm dứt, thì các Ngài sẽ không bao giờ rời bỏ hàng ngũ của những người đang chiến đấu. Các Ngài đã được tự do giải thoát, nhưng các Ngài tự ý ở trong vòng nô lệ. Các Ngài đã được giải thoát, nhưng sự giải thoát này chỉ hoàn toàn khi những kẻ khác cũng được

giải thoát như các Ngài. Đó là những Chơn Sư từ ai sống gần nhân loại, để loài người khỏi phải ở vào địa vị một trẻ mồ côi không cha, để những người đệ tử khỏi phải uổng công tìm kiếm Sư Phụ dạy dỗ mình. Đó là những vị Đại Sư mà chúng ta biết ơn một cách sâu xa, vì các Ngài còn ở trên trái đất này vừa sống ở cõi cao siêu, trong một trạng thái lương thức của niết bàn, để có thể giữ gìn sự liên lạc giữa những cảnh giới cao siêu và những con người chưa được tự do; những con người mà xác thân là một nhà tù nơi đó đời sống chưa được giải thoát. Tất cả những vị đã đạt được mức cao cả đó đều là những Đấng vinh quang, đều thiêng liêng, nhưng người ta có thể nói mà không sợ phạm tội vô lễ rằng: Đó là những Vị mà nhân loại triu mến, và quyến luyến nhất, bởi lòng biết ơn nồng nhiệt, vì sự hy sinh đã thực hiện; chính các Ngài có thể lìa bỏ chúng ta, có thể để chúng ta côi cút, nhưng các Ngài đã không muốn lánh xa chúng ta và sẵn sàng đảm nhiệm vai Tỳ Phụ (Cha Lành) cho nhân loại. Đó là những vị Đại Sư, chúng ta cúi đầu dưới chân các Ngài; đó là những Đại Sư Phụ nâng đỡ hội Thông Thiên Học. Các Ngài đã sai người sứ giả, bà H.P.Blavatsky để mang lại cho thế giới một giáo lý đã gần hoàn toàn bị lãng quên, để chỉ lại cho đời thấy con đường đạo nhỏ hẹp và cổ kính mà ngày nay có một vài người theo đuổi, mà quý huynh có thể in dấu chân lên đấy.

IV

**SỰ TIẾN BỘ VỊ LAI CỦA
NHÂN LOẠI****Những phương pháp của khoa học vị lai.
Sự phát triển vị lai của con người.**

Thưa quý huynh,

Nhiệm vụ của chúng ta sáng nay không dễ dàng chút nào. Cho đến bây giờ tôi đã mô tả cùng quý huynh sự tiến hóa của con người; và tôi đã giảng với quý huynh bằng cách nào, một người, đã quả quyết tự ấn định mục đích này, có thể lên cao từng bước một từ đời sống thế tục đến đời sống của người đệ tử, bằng cách nào y có thể vượt qua sự tiến hóa của nhân loại, y có thể hoàn tất trong một thời gian ngắn ngủi công việc mà giống dân sẽ hoàn tất trong vô số thế kỷ. Nhưng sáng nay, nhiệm vụ của tôi lại khác. Tôi sẽ rón tả với quý huynh triều lưu tiến hóa này qua mọi thời đại. Tôi sẽ rón trình bày với quý huynh, lẽ cố nhiên là một cách rất tổng quát, những giai đoạn lớn sự tiến hóa của nhân loại được coi như một đại thể. Điều này sẽ cho chúng ta một khái niệm đại cương về sự tiến hóa, không những của dĩ vãng do nơi đó chúng ta đã khởi hành, để tiến tới trình độ hiện tại của chúng ta, mà còn của cả

tương lai dành cho giống nòi của chúng ta nữa. Tôi sẽ nói với quý huynh về sự tiến hóa của các quốc gia; chúng ta sẽ xem xét về sự phát triển của nhân loại. Khi thử cất cánh bay bổng như thế hình như tôi mời quý huynh cùng lên với tôi trên con tuấn mã của đức Vishnou, con mãnh điệu Sarouda và nhanh nhẹn vượt qua cái bầu không khí của vô số thời đại, ghé mắt vào cái bản đồ toàn cảnh đang diễn ra dưới mắt chúng ta. Lẽ dĩ nhiên quý huynh và tôi sẽ bị hụt hơi sau một cuộc du hành như thế. Có thể nói điều này đối với tôi dễ dàng hơn đối với quý huynh, vì những tư tưởng này rất quen thuộc với tôi, vì tôi có nhiều dịp trầm ngâm chúng nó, còn như đối với đa số quý huynh, vấn đề có vẻ lạ lùng, và quan niệm Thông Thiên Học về sự tiến hóa vạn kỷ sẽ hình như hơi mới mẻ trong những chi tiết của nó. Tôi cần phải lướt qua nhanh chóng, từng điểm này sang điểm khác mà không giải thích, vì thế, tôi sẽ đưa quý huynh vượt qua nhanh lẹ nhiều sự khó khăn, đó là do chúng ta muốn đi nhanh, chớ chẳng phải vì quý huynh đã hiểu biết rõ ràng đại thể rồi. Nhưng tôi xin nói, tôi có thể lầm lộn một vài chi tiết, tôi có thể sai lầm trong một phần phụ thuộc của cảnh trí rộng lớn này, nhưng sự mô tả đại cương thì đúng, sự mô tả này không phải của tôi, nó có một nguồn gốc khác, và tuy sự yếu đuối của kẻ thuyết trình có thể là nguyên do của những sai lầm về chi tiết, nhưng sự đúng đắn căn

bản của sự phác họa này có tính cách đáng cho ta tin cậy.

Con người dưới mắt các Đấng cao cả tức là các Giáo Chủ đầu tiên của loài người, các Vị đầu tiên cai trị họ, và các Vị lãnh đạo đầu tiên của họ, thì không phải là con người mà chúng ta thấy ngày nay, vì y chưa đạt đến mức dành cho y mà một ngày kia y sẽ phải đi đến. Như thế không phải là tôi muốn nói, về đại cương, sự tiến bộ của y không đáng khen. Vị trí mà y đã đạt được trong sự tiến hóa, vị trí đầy những sự khó khăn, sự hoài nghi và những sự đau khổ, theo đại cương, thì đã khá làm cho ta hài lòng, khi ta nhìn nó từ một điểm cao nhất và nếu người ta kể đến thời gian ngắn nhất đã qua đi (thời gian rất ngắn theo những sự đo lường ở cõi thiêng liêng, nhưng nó có vẻ thật lâu dài nếu người ta tính theo những năm tháng ở hồng trần). Chắc chắn con người như giờ đây không giống chút nào với lý tưởng của các vị đã định cho y nhập thế để chu du, các vị đã đưa y vào đường tiến hóa. Y đã chấm dứt sự đi sâu xuống vật chất và đã qua khỏi điểm thấp nhất của cuộc hành trình. Y còn phải leo lên những đỉnh núi cao chót vót trên đó nhân loại toàn thiện và vinh quang sẽ khác xa nhân loại bây giờ, trên đó, nhân loại sẽ giống như thiên ý đã định.

Xin quý huynh hãy nhớ cho vũ trụ gồm bảy cảnh giới rất lớn riêng biệt, do tư tưởng của

Thượng Đế mà sinh ra, chúng được thành lập từ trong ra ngoài hay từ trên xuống dưới, theo từ ngữ nào mà quý huynh ưa thích – một vũ trụ oai hùng chia làm 7 cảnh giới hay 7 miền. Vật chất của mỗi cảnh giới đều khác biệt nhau, tuy rằng tất cả những vật chất ấy đều do một chất tinh hoa duy nhất mà ra: paramâtma, nguồn cội của vạn vật. Khi tư tưởng thiêng liêng này thành hình do ý chí của Thượng Đế, trong vũ trụ hữu hình, và dần dần theo sự kết tạo của mỗi cảnh giới, thì cảnh giới này khác với cảnh giới nọ bởi trọng lượng của vật chất cấu thành, tùy theo sinh lực đầu tiên bị che khuất bởi nhiều hay ít lớp vỏ – như vậy, muốn phác họa một bản đồ đại cương, quý huynh có thể coi cái đại vũ trụ này cùng với Thượng Đế đã tạo ra nó, như một thái dương hệ hùng vĩ trong đó mặt trời thay mặt đức Thượng Đế, và mỗi khối cầu trong những khối cầu đồng một trung tâm điểm kế tiếp là một cảnh giới trong vũ trụ. Những khối cầu ở phía trong là những cảnh giới mà vật chất tế nhị nhất và sinh lực ít bị che lấp nhất, trái lại những khối cầu ở phía ngoài là những cảnh giới mà vật chất thô sơ nhất và sinh lực như bị tê liệt vì bởi tỷ trọng của vật chất bao phủ nó.

Kế tiếp, quý huynh hãy nhớ mỗi cảnh giới ấy có những dân cư riêng biệt, và triều lưu tiến hóa là một sự lan tỏa từ trung tâm ra mí vành tròn, rồi lại từ mí vành tròn trở về trung tâm. Khi khí

hư vô của thái cực tuôn ra và khi vật chất tự biểu lộ thì vật chất này càng ngày càng dày đặc và có một thời kỳ nó tiến đến mức dày đặc tối đa, còn tinh thần ở mức thấp nhất. Lúc đó, hình hài cứng rắn hơn bao giờ hết, và đời sống ở vào thời kỳ bị bao phủ nhất. Kế tiếp, khi khí hư vô của thái cực tự rút lui, khi sự hoạt động sáng tạo của nó trở lại về phía trung tâm, thì vật chất trở nên càng ngày càng tế nhị, đời sống càng ngày càng bớt bị bao phủ cho đến khi khí hư vô của thái cực đã rút lấy ở nơi vũ trụ hữu hình này tất cả những kinh nghiệm thâm được tại những thế giới khác nhau. Nhân loại là mục tiêu và kết quả của sự tiến hóa này, sẽ trở thành thiêng liêng và sẵn sàng tiến đến những giai đoạn còn cao hơn nữa. Nếu chúng ta theo đường cong lớn đi từ trung tâm cho đến mí tròn, chúng ta nhận thấy khi dân cư đi qua một nơi có vật chất dày đặc nhất thì đường cong này có khuynh hướng làm cho chúng trở thành những cá nhân biệt lập. Như vậy, nếu ta quay mặt nhìn về phía sau ta thấy những dân cư của những cảnh giới khác nhau, chúng ta thấy phần tử mà người ta gọi là tính chất mang những hình hài càng ngày càng rõ rệt. Nó tiến hóa theo con đường đi xuống, như vậy nó càng ngày càng riêng biệt, và hình hài nó càng ngày càng dày đặc. Đó là một sự đi sâu vào vật chất; còn sự tiến hóa hiện thời của nhân loại đang đi trở lên, nên sự tiến hóa ấy làm cho nhân loại

hợp nhất và cung cấp cho nhân loại những hình hài tế nhị hơn, vì sự đi trở lên về phía đời sống không bị che lấp.

Như thế quý huynh có thể tự hình dung một hình ảnh đại cương của toàn thể vũ trụ và quý huynh có thể nhận thấy ở những cảnh giới không dày đặc như cảnh hồng trần, chúng ta không những chỉ có nhân loại đi lên, đang tiến hóa, mà còn có phần tử tính chất đi trở xuống, đang tiến sâu vào vật chất. Điểm chuyển hướng là ở tại loài kim thạch, đó là thời kỳ dày đặc nhất. Trong sự tiến hóa đi lên, loài kim thạch và loài thảo mộc chiếm cảnh giới hồng trần và không tiến tới một trạng thái lương tri cao cả; theo cơ tiến hóa thì loài thú vật tiến lên một mức, con thú sẽ được sống trong cảnh trung giới cũng như ở cảnh hồng trần, còn con người trong sự tiến hóa này phải làm chủ năm cảnh giới trong bảy cảnh của vũ trụ. Ý phải hành động và điều khiển cõi hồng trần, cõi trung giới và cõi thượng giới, nó là cõi «svarga» của người Ấn Độ hay cảnh «devakhan» (thiên đàng) của người Thông Thiên Học. Chúng tôi có thể dùng một danh từ khác nó diễn tả đúng nhất cái trạng thái lương thức ấy, đó là danh từ «soushoupti» một trạng thái hiện nay tại cõi trần chỉ có những ai tiến hóa một cách đặc biệt mới biết được mà thôi. Lần lần theo đà tiến hóa thì đa số nhân loại sẽ kinh nghiệm được trạng thái này. Ở trên cao nữa là cảnh giới thứ tư hay cảnh giới

«turiya», cảnh bồ đề, và cao hơn nữa là cảnh giới niết bàn hay «turya tita.» Như thế chúng ta có năm cảnh giới riêng biệt của vũ trụ mà nhân loại phải cư ngụ trong triều lưu tiến hóa này – cảnh hồng trần, cảnh trung giới, cảnh thượng giới, cảnh bồ đề và niết bàn. Đó là những giai đoạn phát triển trạng thái của lương thức mà con người phải trải qua, nếu y muốn hoàn tất cuộc lữ hành đã vạch sẵn cho y. Mỗi cá nhân có thể vượt những cấp bậc này một cách nhanh chóng hơn bằng phép tu Đô Ga, nhưng đa số nhân loại chỉ hoàn thành sự tiến hóa này qua nhiều thế kỷ. Trước khi đại kiếp kết liễu, đa số nhân loại, chớ không phải tất cả nhân loại, đã làm chủ được tất cả những cảnh giới phát triển của trạng thái của lương thức và sẽ hoàn toàn hoạt động ở cả 5 cảnh giới; như thế con người tự tạo cho mình những vận cụ trong đó trạng thái lương thức của y có thể hoạt động ở mỗi cảnh giới. Nếu chúng ta lấy con người hiện thời làm thí dụ, chúng ta biết rằng y có nơi bản thân khả năng phát triển đời sống gồm năm trạng thái ấy, phát triển năm thể, năm vận cụ, chúng sẽ ở những cảnh giới khác nhau và chúng sẽ làm cho y trở thành vị chúa tể và chủ nhân của vũ trụ hữu hình này, đó là mục tiêu mà y phải đi đến.

Ở trên cao và còn xa hơn nữa, còn có hai cảnh giới mà đa số nhân loại sẽ không sao tiến đến trong triều lưu tiến hóa này – hai cảnh giới

mang những danh từ không sao khêu gợi được một ý kiến rõ rệt nào trong trí óc chúng ta vì những cảnh giới ấy quá cao, vượt mức những quan niệm cao siêu nhất của chúng ta. Những cảnh giới ấy, thoạt đầu là cảnh đại niết bàn, rồi cao hơn nữa là cảnh tối đại niết bàn. Những trạng thái ấy là gì? Chúng ta dù có tưởng tượng đến cũng không sao hiểu nổi.

Đó là bảy giai đoạn của vũ trụ. Đa số nhân loại phải chiếm hữu và cư ngụ tại năm cảnh trong bảy cảnh giới đó, và một vài con cháu của nhân loại sẽ tiến đến cả hai cảnh giới cuối cùng cao siêu hơn nữa, nhưng đối với đa số loài người, sự tiến hóa được hạn định ở vũ trụ có năm cảnh giới thôi.

Điều đó có thể cho quý huynh một ý kiến – tôi không có thời giờ nói dài về vấn đề trong bài thuyết trình này – về những con số năm và con số bảy trong vũ trụ. Đã có nhiều sự tranh luận về đề tài này, nhất là giữa một vài người Thông Thiên Học và các huynh đệ Bà La Môn của chúng ta. Những vị Bà La Môn đòi hỏi sự sắp loại theo số năm, còn những người Thông Thiên Học nhấn mạnh về sự sắp thứ loại theo số bảy. Sự thật là cách xếp thứ loại tổng cộng thì theo số bảy, như quý huynh nhận thấy khi đọc những thánh kinh «Upanishad» thường có lời nói bóng gió về ngọn lửa bảy thể tự phân chia. Những sự tiến hóa hiện thời chỉ là một bản thể có năm lớp do năm chất

prana (sinh khí) tượng trưng rất quen thuộc với chúng ta trong kinh sách Ấn Độ. Tôi chỉ nói sơ qua về điều này, vì những cuộc thảo luận như vậy sẽ không còn, nếu mọi người thông cảm với nhau hơn. Nếu họ đi đến trung tâm của sự vật chớ đừng bàn cãi về những vẻ bề ngoài, thì họ sẽ tìm thấy một nơi để liên kết. Như tôi đã nói với quý huynh, tôi không có thời giờ ngừng lại ở vấn đề này, nhưng đó là cái chìa khóa mở sự bí ẩn về con số năm và con số bảy. Thường thường nhân loại phát triển năm thể ứng đối với sự tiến hóa năm mặt, còn những ai là tinh hoa của nhân loại sẽ đạt đến hai giai đoạn khác cao xa hơn nữa.

Khi học về sự tiến hóa của nhân loại, chúng ta thấy giống dân chánh thứ nhất và thứ nhì có hình hài và bản chất thấp thỏi hay là thú tính, tiến hóa. Nghĩa là những giống dân ấy đã phát triển xác thân, cái phách (linga sharira), cái vía hay bản chất dục vọng mà các bạn thấy ở thú vật cũng như ở con người. Khi đi đến giống dân chánh thứ ba, chúng ta nhận thấy giống dân ấy được giúp đỡ một cách đặc biệt, lúc nó đến quãng giữa của sự tiến hóa của nó. Như thế không có nghĩa là nhân loại sẽ không phát triển theo dòng những thế kỷ nếu không có sự giúp đỡ ấy, nhưng có nghĩa là do sự giúp đỡ ấy mà mức tiến của nhân loại đã được thúc đẩy rất nhiều và sự tiến hóa đã được thực hiện nhanh chóng nhiều hơn là nếu không có sự giúp đỡ ấy. Những

vị Đại Thiên Tôn gọi là «Koumâras»²⁰ cao cả, những Vị mà người ta gọi là các đấng Manasapoutras,²¹ dòng dõi của tư tưởng,²² tinh hoa của một triều lưu tiến hóa đã qua, đã đến giúp đỡ cho nhân loại trưởng thành và khi ban phát ra một tia sáng của chính bản thể của các Ngài, các Ngài đã thúc đẩy nhân loại như đã nói trên; do đó manas, linh hồn cá nhân, đã phát sinh nơi con người.

Kết quả đầu tiên của sự giúp đỡ đặc biệt ấy, như tôi vừa nói, khiến cho sự tiến hóa của nhân loại được nhanh chóng hơn lên gấp bội. Chính ở lúc đó cái thể được chỉ định bằng danh từ «kârana sharira» hay thượng trí (corps causal) được thành hình. Đó là thể của manas (của linh hồn cá nhân) nó tồn tại suốt đời sống của Chơn Nhơn truyền kiếp.²³ Nó tồn tại từ kiếp này sang kiếp khác, mang đến mỗi kiếp sống kết quả của kiếp vừa qua. Vì thế, người ta mới gọi nó là

²⁰ Bốn vị cao cả nhất của Quần Tiên Hội (hệ thống huyền bí) giúp nhân loại tiến hóa.

²¹ Con của Đại Hôn vũ trụ.

²² *Les Fils de la Pensée – Muốn hiểu rõ điều này phải học hỏi sự sanh hóa nhân loại – Xin đọc quyển « La généologie de l'homme » của bà Annie Besant.*

²³ *Ego réincarnateur chính là linh hồn của con người, vĩnh viễn trường tồn.*

«corps causal» nghĩa là cái thể chứa đựng những nguyên nhân (causes) phát sinh những hậu quả ở những cảnh giới thấp của đời sống hồng trần.

Bắt đầu từ lúc này, con đường phát triển của con người như sau: thượng trí (corps causal) đã được tạo thành là một thể, một vận cụ trong đó tất cả mọi sự có thể để dành và chất chứa; nó là một cái bình chứa, một cái kho đựng những kinh nghiệm đã thực hiện được. Khi đầu thai xuống trần, như tôi đã giảng với quý huynh ở phần trước, con người ném xuống cõi trần một cái bóng của chính mình và dùng đời sống hồng trần để thu thập kinh nghiệm, bằng cách gạt hái ở thế gian vài sự việc, vài kiến thức, nói tóm lại, tất cả những gì mà ta thường gọi là kinh nghiệm của đời sống. Khi y bước qua ngưỡng cửa tử, con người phải thông hiểu kinh nghiệm đã thu nhận được, và y sống ngoài xác thân một cuộc đời vô hình đối với thế gian này, y sống trên những cõi trung giới và thượng giới, ngoài cõi hồng trần. Nơi đó y phát sinh một vài hậu quả và nghiền ngẫm kinh nghiệm đã thu hoạch được ở cõi trần, thấm nhuần và đồng hóa nó với chính bản chất y. Mỗi kiếp sống cho y một vài kết quả, y chiếm hữu lấy chúng và biến chúng thành những năng khiếu, những quyền lực. Thí dụ nếu một người trong đời sống hồng trần đã dùng nhiều nghị lực để suy nghĩ, nếu y đã cố gắng để hiểu biết, để thu thập kiến thức, để phát triển cái trí, thì trong

thời gian ở giữa lúc chết và lúc tái sinh, y sẽ biến đổi những sự cố gắng ấy thành những năng khiếu trí thức mà y sẽ mang theo khi trở lại đầu thai ở hồng trần. Cũng theo cách ấy, những ước vọng cao thượng của y, những hy vọng và ý muốn tinh thần của y sẽ được hợp nhất với tính chất của bản thể y, trong khoảng thời gian từ lúc y chết cho đến lúc tái sinh. Khi y trở lại cõi trần, y sẽ đầu thai vào một nơi có tính cách giúp cho y tiến tới một cách dễ dàng, và y sẽ mang theo mình những năng khiếu tinh thần mà y đã phát triển, y có thể sử dụng để thúc đẩy xa hơn nữa sự phát triển của y trong kiếp sống mới này tại thế gian.

Quý huynh nhìn thấy, những giai đoạn tiến hóa nối tiếp nhau một cách đều đặn, hoàn toàn như thế nào, trong thể thượng trí nó tồn tại từ kiếp này sang kiếp khác. Thể *kârana sharira* (corps causal) ném cái bóng của chính mình xuống những cảnh thấp và gạt hái kinh nghiệm nơi đó; kế tiếp y thu cái bóng ấy về cùng với kinh nghiệm của y, y để cái bóng đó một thời gian nơi thượng giới (thiên đàng) để nghiền ngẫm sự kinh nghiệm, và biến đổi kinh nghiệm thành năng khiếu, quyền lực, khả năng, rồi y thu hút trọn vẹn cái bóng đó vào nơi y, như vào một thể dùng để chứa đựng trạng thái của lương thức. Rồi sự sống nay đã được phát triển hơn lại ném cái bóng của mình xuống những cảnh giới

thấp để biểu lộ những quyền lực đã hoạch định được theo cách đó. Như thế, sự tiến hóa tiếp diễn từ kiếp này sang kiếp khác, một cách đều đặn và liên tiếp, và thể kâra¹na sharira (thượng trí) là bình chứa tất cả những kinh nghiệm hoạch định; thể đó chính là con người trường tồn thu hút mọi kinh nghiệm.

Khi quý huynh đã nhận thức được điều này, quý huynh sẽ hiểu việc mà người ta gọi là «cuộc hành hương của linh hồn.» Cứ mỗi kiếp sống mới, con người trở thành cao cả hơn do cái trí, do những năng khiếu đạo đức, và do những khả năng tinh thần của y. Đó là chương trình tiến hóa. Chương trình này đã được thực hiện một cách không được hoàn toàn, và đó là nguyên do sự dài đằng đẵng của cuộc hành hương. Chương trình được thực hiện với những khúc quanh co lộn rông lộn rần, với những sự đi lạc ra ngoài, những sự đào tẩu trên những đường xuyên ngang, thay vì thẳng tiến phía trước. Đó tại sao cuộc hành trình của nhân loại lại dài như thế, tại sao muốn hoàn thành sự tiến hóa lại cần đến hàng triệu ức thế kỷ. Tuy nhiên, sự tiến hóa này sẽ được hoàn tất, vì đó là thiên ý đối với con người, và thiên ý không sao có thể thất bại, mặc dầu sự hoàn tất có thể chậm trễ đến đâu.

Sự tiến hóa cứ tiếp diễn trong những giống dân phụ thứ năm, thứ sáu và thứ bảy của giống dân chánh thứ ba và đã tiến đến giống thứ tư,

nền văn minh cường thịnh của châu «Atlantide» được phát triển đến mức chót, đến tuyệt đỉnh của nó vào thời kỳ của giống dân phụ cao cả mà chính khoa học tây phương đã nói một vài lời với quý huynh, giống dân «Toltèques.» Đó là một nền văn minh kỳ diệu do những kết quả đạt được, nhưng nó đã trưởng thành giữa những khó khăn lớn lao. Trên đường vòng cung đi lên, con người hãy còn ở mức rất thấp và bị chìm đắm sâu vào vật chất. Những năng khiếu tinh thần của y rất giống điều mà bây giờ chúng ta gọi là những năng khiếu thần thông, và cần phải che phủ chúng trong một thời gian, để cho những năng khiếu trí thức có thể tiến hóa và để cho sự tiến hóa cao cả của nhân loại có thể thực hiện được trong tương lai. Vì thế nên đại luật của vũ trụ, mà không có sức nào ngăn cản nổi, thúc đẩy giống dân vào một nền văn minh vĩ đại, nhưng rất vật chất. Những năng khiếu thần thông này lại mau biến đi một phần nào, do sự hành động hữu ý của những giai cấp lãnh đạo của đế quốc «Toltèque» ở châu «Atlantide.» Một cách cố ý để thực hiện dễ dàng những dự định ích kỷ của họ, những giai cấp ấy cố gắng làm giảm bớt những năng khiếu thần thông và ngăn cản chúng phát triển ở những giai cấp thấp kém trong dân gian, những giai cấp thấp kém về phương diện tiến hóa, và do đó thấp kém trong nấc thang xã hội. Để biến đổi họ thành những dụng cụ thích hợp

nhất để phục vụ cho những ý định riêng tư của mình, những giai cấp quý phái dùng những phép thần thông quảng đại của mình để cố tâm bóp nghẹt những năng khiếu thần thông của những giai cấp dưới. Trong những trường hợp đó, sự phát triển các năng khiếu ấy bị con người làm ngưng lại nhiều hơn là việc của đại luật vũ trụ mong muốn, và điều đó khiến tôi chỉ cho quý huynh thấy một chuyện rồi quý huynh tự suy gẫm. Đó là, không một người nào có thể đi ngược lại triều lưu vĩ đại của định luật vũ trụ, không một người nào có thể ngăn cản đà tiến hóa dững mãi của cơ trời, nhưng con người, tuy nhiên, được tự do cộng tác với thiên cơ hay ngăn cản nó. Y được tự do làm những điều thiện cũng như điều ác; nhận biết được sự khôn ngoan và vẻ vĩ đại của công nghiệp, y có thể hợp tác vào đó do bốn phận và qui phục thiên ý; nhưng y cũng có thể chiếm lấy một vài sức mạnh của thiên nhiên để làm lợi riêng cho mình, và dùng nó để làm thỏa mãn sự ích kỷ cá nhân và ảo mộng của mình, thay vì giúp đỡ sự thực hiện thiên ý. Khi một người dùng sức mạnh vĩ đại của vũ trụ với một mục đích ích kỷ, y tự tạo cho mình một nghiệp quả cá nhân xấu xa, tuy rằng đại cương của nghiệp quả của giống dân không bị thay đổi. Như vậy, một người có thể làm hại tương lai của mình mà vẫn ở trong triều lưu của định luật vũ trụ. Y có thể sửa soạn cho mình chịu những sự

đau khổ trong vòng tròn hẹp hòi của sự phát triển cá nhân riêng biệt của y, nếu y sử dụng một cách ích kỷ định luật vũ trụ, thì y cũng sẽ gặt hái những kết quả ích kỷ. Theo cách đó, dưới sự ngự trị của định luật vĩ đại và duy nhất, y tự sửa soạn cho mình lãnh những nghiệp quả cá nhân sung sướng hay đau khổ. Điều mà tôi nói với quý huynh đây, tôi xin quý huynh hãy chú ý đến nó một cách nghiêm trọng nhất, vì nó có thể giúp quý huynh giải quyết một vài vấn đề mà con người thường tự đặt ra để hỏi mình; điều này sẽ làm cho quý huynh hiểu bằng cách nào luật nhân quả có thể là một định luật thiêng liêng thúc đẩy con người tiến tới, giống như một định mệnh đã ấn định cho y, trong khi y biết rằng ý chí của mình tương đối được tự do; điều này sẽ giảng cho quý huynh biết bằng cách nào con người có thể lựa chọn con đường mình đi, nhưng không thoát khỏi sự thúc đẩy vĩ đại ấy.

Như tôi đã nói, trong nền văn minh quá khứ đó, con người đã dùng định luật vĩ đại của vũ trụ để thỏa mãn những tham vọng ích kỷ của mình, và kết quả là châu «Atlantide» bị phá hủy, nền văn minh này hoàn toàn tiêu diệt, trừ một vài mảnh còn sót lại rải rác khắp hoàn cầu, và nhất là ở Nam Mỹ, trong nền văn minh của xứ Pérou, nơi đó một vài dấu vết của sự huy hoàng đã bị xóa mờ nay lại tìm thấy. Những mảnh còn sót lại ấy đẹp đẽ đến nỗi tuy chúng đã bị trụy lạc mà

khi người Y Pha Nho phương tây chiếm cứ xứ Pérou, họ đã ngạc nhiên về hạnh phúc ngự trị trên xứ sở, về sự dịu dàng, tính dễ thương và sự tinh khiết của những cá nhân, về sự khôn ngoan của chính phủ và về sự thịnh vượng của toàn quốc. Nền văn minh mà người Y Pha Nho bóp chết, và những đạo binh xâm chiếm của họ giày xéo dưới chân, chỉ là ánh sáng cuối cùng và chập chờn của nền văn minh mà tôi đã đề cập, nền văn minh vĩ đại như thế, khi đến mức cao tột của nó, rồi nó bị sụp đổ tan tành và bị thiên tai quét sạch; sau đó, những dòng nước của đại tây dương đang cuồn cuộn chảy qua nơi mà trước đây có những dãy đất phì nhiêu.

Lướt nhanh qua vấn đề này, chúng ta đi đến sự tiến hóa của chính giống dân của chúng ta, giống thứ năm. Muốn theo đúng sự tiến hóa còn lại này, quý huynh phải nhớ đức Thượng Đế của thái dương hệ chúng ta tự biểu lộ dưới ba trạng thái khác nhau. Quý huynh biết trong các tôn giáo lớn, ba ngôi là sự biểu lộ của Thượng Đế hữu hình, và quý huynh cũng biết rằng, hay ít nhất, những người ưa suy nghĩ và triết lý nhất trong quý huynh đều biết ba ngôi chỉ là biểu lộ ba mặt của Đấng duy nhất, ba khía cạnh của đời sống duy nhất vô hình, mà chúng ta chỉ có thể biết được khi nó hiện ra trong vũ trụ. Quý huynh cũng biết trong ba ngôi của Thượng Đế, người ta trông thấy ba trạng thái: Uy Quyền, Minh Triết

và Bác Ái. Tất cả các hoạt động của nhân loại đều mang dấu vết của ba ngôi của Thượng Đế; tất cả các hoạt động của nhân loại có thể xếp vào một trong ba trạng thái của Ngài, những hoạt động này mang vẻ của uy quyền, của minh triết hay của bác ái do đó tất cả những giống dân được xếp loại cũng như tất cả các ngành hoạt động của các quốc gia và của các cá nhân. Tôi chọn sự xếp loại này, vì khi nói về một vấn đề phức tạp như vậy, hình như nó cho ta một trò chơi gồm có những hộp nhỏ trong đó chúng ta có thể để dành những phần khác nhau của đề tài buổi diễn thuyết, để quý huynh có thể thông thả nghĩ đến và xem xét. Quý huynh chớ quên rằng tuy ba ngôi, nhưng mà chỉ là một. Ba ngôi hỗn hợp lẫn nhau và sự phân chia này chỉ liên quan đến vẻ hữu hình chớ không liên quan đến bản chất. Nhưng vì chúng ta sống trong thế giới hữu hình và sự phân biệt cũng hướng về phương diện hữu hình, nên chúng ta có thể dùng sự phân biệt đó, nó sẽ không làm cho chúng ta sai lầm, nếu chúng ta nhận định được sự duy nhất căn bản, nguồn cội của mọi sự.

Trạng thái Bác Ái.- Thí dụ nếu chúng ta xem xét cách xếp loại này dưới ba khía cạnh của nó, và nếu chúng ta còn phân chia nó ra hơn nữa, chúng ta sẽ xếp trong loại bác ái tất cả những hoạt động của thể trí liên quan một phía về tôn

giáo, một phía về lòng thương nhân loại, hai danh từ này được hiểu theo nghĩa rộng nhất của nó; tôn giáo có nghĩa là bốn phận đối với những vị bề trên của ta và tình thương nhân loại có nghĩa là bốn phận đối với những người xung quanh ta và với những người thấp hơn ta. Như vậy, trong khía cạnh của bác ái, chúng ta hiểu tất cả những sự hoạt động của loài người được diễn tả bằng một sự tôn kính đối với các vị tiền bối trên con đường tiến hóa, và bởi sự giúp đỡ, sự hỗ trợ những ai ngang vai chúng ta hay thấp kém hơn chúng ta, sự hỗ trợ này còn thêm một cảm tình thương xót. Nếu chúng ta phân biệt các Vị thiêng liêng với con người, thì tôn giáo có liên quan đến những bốn phận trực tiếp với các Đấng thiêng liêng – và trong chốc lát quý huynh sẽ rõ như thế nghĩa là gì – còn lòng thương nhân loại liên quan đến những bốn phận trực tiếp đối với con người, trước nhất ở cõi hồng trần, đối với những người mà chúng ta trông thấy xung quanh ta.

Trạng thái Minh Triết.- Dưới danh từ minh triết, chúng ta gồm tất cả những hoạt động của cái trí con người, của thượng trí cũng như của hạ trí, phân loại theo khoa học, triết lý và nghệ thuật. Chúng ta có ba phạm vi hoạt động rộng rãi của thể trí, thuộc về khía cạnh minh triết của Thượng Đế, không phải chính sự thông hiểu là

minh triết, chính là nhờ một sự luyện kim tinh thần, mà minh triết được tiến hóa, vì kiến thức được biến đổi một cách tinh thần thì trở thành minh triết. Vậy chúng ta hiểu mọi hoạt động của kiến thức dưới danh từ chung là minh triết.

Trạng thái Uy Quyền.- Kế tiếp, chúng ta sắp đặt trong các loại của quyền lực tất cả những hoạt động của nhân loại liên quan đến sự cai trị loài người, đến sự thi hành những nhiệm vụ hành chính và hành pháp, đến hiến pháp của các quốc gia, đến sự thành lập những thị xã, nói tóm lại, đến tất cả những gì cần đến sự dùng uy quyền. Cũng trong loại đó gồm những năng khiếu sáng tạo mà con người sẵn có, vì bẩm sinh là dòng dõi thiêng liêng, những năng khiếu sáng tạo này rất được ít người hiểu đến, và sử dụng một cách có ý thức, chúng là những nguyên nhân mạnh mẽ của sự tiến hóa của nhân loại và là một sức mạnh lớn lao thúc đẩy con người tiến lên. Tất cả những hoạt động của các Chơn Sư thiêng liêng, trong dĩ vãng cũng như hiện tại, đều hướng về việc cung cấp cho những trường hoạt động rộng lớn ấy một nền văn hóa sáng suốt tốt đẹp cho nhân loại để con người có thể cày sâu những trường hoạt động ấy, do đó mà tiến hóa. Tất cả những cố gắng của các Ngài có mục đích là giúp cho những hoạt động ấy có một phương hướng chơn chánh, dù đó là những hoạt động

của lòng bác ái, của đức minh triết hay của uy quyền, để thúc đẩy chúng trên đường trực tiếp của sự tiến hóa toàn thể nhân loại. Vì lẽ đó mà tất cả những tôn giáo lớn được thành lập, mà những bộ luật luân lý cao thượng được tuyên dạy; đó là nguyên nhân của bao nhiêu sự thúc đẩy đã cho con người một sự trình bày mới mẻ và hoàn toàn về tất cả những chân lý cổ kính dưới danh từ Minh Triết Thiên Liêng, danh từ này ngày nay rất quen thuộc đối với quý huynh dưới hình thức Hy Lạp của nó gọi là Thông Thiên Học. Đó chỉ là chân lý cổ kính được trình bày lại một cách mới mẻ, một sự cố gắng mới của những vị Chơn Sư để hướng dẫn những hoạt động của đời sống nhân loại.

Hiện nay điều ấy cần thiết hơn bao giờ hết, nếu quý huynh nhìn vào toàn thể thế giới, quý huynh sẽ thấy trong mọi ngành hoạt động của nhân loại, con người như đã tiến đến giới hạn của năng lực. Y đã chiếm được cảnh giới hồng trần, y đã làm chủ được nó, đến nỗi khía cạnh vật chất thu hút quá nhiều sự chú ý và những sự săn sóc của y, trong khi những sự thật của những cảnh giới cao siêu bị che khuất, nên mắt y không thấy. Nếu chúng ta xem xét những hoạt động của đời, chúng ta thấy tôn giáo một mặt bị chủ nghĩa duy vật công kích, còn mặt khác thì bị sự mê tín dị đoan làm cho suy vi; như vậy nhân loại đưa vào tôn giáo hai lưỡi gươm, đe dọa sự sống còn

của nó, là tính hoài nghi không tin chi hết và sự mê tín dị đoan, tin tưởng một cách sai lầm. Cả hai đều gây tai hại cho sự tiến hóa của nhân loại trong phạm vi hoạt động đặc biệt này. Nếu rời khỏi tôn giáo, chúng ta quay về phía tình thương nhân loại của xã hội hiện kim, chúng ta thấy một sự nghèo khổ quá lớn lao và sâu xa làm cho con người phải chiến đấu với nó. Ở nơi nào mà văn minh hiện đại thành công nhiều nhất, thì quý huynh sẽ gặp một sự tích trữ lớn lao nhất những nỗi đau khổ và một sự nghèo nàn ghê gớm nhất, nó có thể đe dọa đời sống con người. Khi quý huynh nghiên cứu những nỗi đau khổ này, không những quý huynh nhận thấy mọi tình thương nhân loại đều bất lực trước chúng, chúng còn phát sinh ra sự oán hận, thù ghét giữa những giai cấp khác nhau, chúng phát sinh ra những mối hăm dọa làm cách mạng và vô chính phủ. Nên văn minh vì thế bị đe dọa ngay ở căn bản, và loài người không còn biết chống giữ cách nào với sự nguy hiểm, vì họ đã mất quan niệm về tình bác ái rồi.

Nếu từ tình bác ái, quý huynh đi sang minh triết, quý huynh sẽ thấy trường hoạt động rộng rãi của nó ở đâu cũng thấy đầy đầy những nỗi khó khăn. Khoa học hình như đã xài đến khô cạn những tài nguyên vật chất của nó. Những khí cụ khoa học đã tế nhị, tinh vi một cách kỳ diệu, đến

nổi ở phương diện này dường như không còn có thể thực hiện một sự tiến bộ nào nữa; những cái cân của khoa học đã cân đúng một cách đáng khen đến nỗi chúng có thể cân một phần tử hết sức nhỏ của một hạt, tuy vậy, khoa học đã tuyên bố có những chất không sao cân được, dù đối với những cái cân tinh vi nhất. Với những phương pháp hiện tại, khoa học gần như hết tài nguyên và nó tự cảm thấy – mặc dầu nó không muốn – nó cũng bị những mãnh lực tinh vi và huyền diệu hơn những mãnh lực mà nó đã quen nhìn nhận đang chi phối nó. Nếu chúng ta nhìn vào phòng thí nghiệm của một nhà hóa học, hay vào phòng làm việc của một nhà khoa học thì thấy hình như họ bị phủ vây bởi những mãnh lực mà họ không thể điều khiển được bằng cách cân hay đo lường. Những mãnh lực này làm họ bối rối vì chúng nó quả có thật, cùng trong một lúc, chúng nó chống đối với những phương pháp khoa học của họ với tất cả những gì mà họ tưởng đã biết được về thiên nhiên. Trong phạm vi triết học, quý huynh thấy có sự chống chọi giữa thuyết duy vật, và thuyết lý tưởng. Thuyết duy vật còn khuyết điểm, điều này đã được chứng minh, nó chưa có thể đứng vững trên một nền tảng nhất định để không ai chỉ trích được. Trong phạm vi nghệ thuật, quý huynh cũng chỉ thấy sự bất lực và sự khó khăn; nghệ thuật không còn tạo tác được cái gì cao cả và tân kỳ, mà chỉ bắt chước người

xưa một cách vụng về, vì bất lực và khô khan, cho nên nó đã mất động lực sáng tạo.

Bây giờ chúng ta hãy xem sự hoạt động dưới trạng thái uy quyền tức là trạng thái thứ ba trong những trạng thái cao cả mà tôi đã dẫn giải cho quý huynh. Trong thế giới hiện hữu, chúng ta thấy gì? Hết quốc gia này lại đến quốc gia khác phải dùng đến mưu mô, đến cùng tột, họ đã mất những vị vua thiêng liêng thuở xưa, các Ngài có thể cai trị họ và đưa họ đến sự thịnh vượng và hạnh phúc. Họ tìm cách đền bù sự mất những vị vua thiêng liêng ấy bằng cách tự cho mình một ông vua có nhiều đầu, mà người ta gọi là dân chúng; thay vì nền quân chủ thiêng liêng của những vị được điểm đạo cao, họ đưa ra chánh thể tự trị và những phương pháp dân chủ – Họ làm như chỉ cần lấy sự vô minh, đem nhân với một con số khá to để có được một kết quả là sự thông thái vậy. Còn về những năng khiếu sáng tác, người ta không còn nhớ đến chúng nữa, con người đã quên mất phần gia tài thiêng liêng của mình đến nỗi ai còn nói về điều đó thì sẽ trở thành lỗ bịch.

Tất cả những sự thể này chúng tỏ cái gì? Sự thể này chúng tỏ với ta rằng toàn thể nhân loại sẽ lại tiến lên một bước mới nữa. Nó chứng tỏ chúng ta đã đi tới một trong những giai đoạn chuyển tiếp, giao thời, nơi đó những cách thức phát triển và nảy nở cũ, đã cổ kính, phải nhường

chỗ cho những cách thức mới. Giữa sự bối rối và xáo trộn, giữa nguy ngập và phân vân, những mầm mống của sự tiến bộ sắp đến, đang trưởng thành trong lòng nhân loại; nó sẽ trả lại cho ba loại hoạt động vừa nói trên cái thế lực cũ của chúng, thế lực này được tăng thêm bởi một sự phát triển mới mẻ và tính cách rõ rệt của chúng thuở xưa. Thật vậy, sự tiến hóa không đi lui, nhưng nó hồi sinh những sự tiến bộ đã qua và những phương pháp cũ, bằng cách tiến theo một đường khu ốc đi lên, trên mỗi vòng của đường xoáy này người ta lại tìm thấy, dưới một hình thức cao hơn, cái gì tốt đẹp nhất ở vòng trước. Ngày nay nhân loại tiến hóa trên đường khu ốc đó, để có thể thực hiện được, với những quyền lực mới mẻ và những năng khiếu rộng rãi hơn, cái gì mà dĩ vãng đã phô bày cho chúng ta thấy dưới những hình thức khác nhau.

Chúng ta hãy xét về tình yêu thương. Khi nhân loại tiến thêm một bước mới nữa – chúng ta thấy nơi này, nơi kia những dấu hiệu báo trước rằng nhân loại đang tự chuẩn bị để bước tới; bởi vì nhân loại đã hoàn thành cái xác thân mình, cho nên mục đích của những sự cố gắng của loài người sẽ hoàn tất thể thứ nhì, đó là thể vía. Nó sẽ giúp ý thức tỉnh và hoạt động tự do ở cõi trung giới. Hàng ngàn năm nữa, nhân loại sẽ phát triển thể thứ nhì ấy và đa số loài người có thể dùng nó để làm việc ở cõi trung giới, một cách thông thả

và dễ dàng như con người đang hoạt động ngày nay ở cõi hồng trần bằng cách dùng xác thân mình làm vận cụ vậy. Vì tất cả nhân loại không bình đẳng, như người khờ dại hiện kim thường tin. Thế nên không phải toàn thể nhân loại mà đa số nhân loại sẽ thực hiện được sự tiến bộ đó trong khi tiến hóa. Họ sẽ phát triển thể vía của mình và sẽ sử dụng nó hoàn toàn; như vậy sự tiến hoá của loài người không bao giờ ngừng.

Tiến bước ấy sinh ra sự thay đổi nào? Về tôn giáo với nhân trường được mở rộng, nhân loại sẽ nhìn thấy cảnh giới mà người ta gọi là cõi trung giới, nơi đó nhiều Đấng cao cả sẽ tự biểu lộ bằng cách hiện hình, với mục đích giúp đỡ và dạy bảo nhân loại. Con người sẽ học cách nhìn xem và nhận biết những Đấng cao cả ấy mà tất cả những tôn giáo lớn đã tuyên bố là có thật. Con người sẽ biết được các Ngài cũng như hiện nay cũng có thể biết hay tưởng là biết được những xác thân xung quanh y. Y sẽ biết được những nhân vật của cảnh giới đó mà hiện nay cũng có thể trông thấy được. Như thế đa số loài người sẽ chia với những ai đã tốt bụng tiến hóa trong thời hiện đại của chúng ta, sự hiểu biết trực tiếp hiện nay rất hiếm hoi, sự tin vững chắc từ nguồn cội, và sự hiểu biết, tin vững chắc này khiến cho con người không còn hoài nghi nữa. Trong trạng thái lương thức thường ngày của mình, con người biết được những cảnh giới vô hình ấy cùng những dân cư

của nó – họ vây quanh ta tứ phía – y không thể nghi ngờ về những điều đó cũng như chính quý huynh không thể nghi ngờ đời sống của cha mẹ và con cái quý huynh (Tôi không thảo luận về vấn đề thuộc về ảo tưởng và thật sự theo phương diện triết lý. Tôi chỉ nói đến thế giới hữu hình và tôi dùng danh từ với nghĩa thường mà ta gán cho chúng trong khi chúng ta giao tiếp với nhau). Khi bước đó đã thực hiện được rồi, thì tánh cách của tôn giáo sẽ hoàn toàn thay đổi, những chân lý hiện nay được các nhà tiên tri có thần nhãn thông hiểu và công bố sẽ được tất cả mọi người biết đến, họ có thể kinh nghiệm nó mỗi ngày. Điều này sẽ làm cho sự hoài nghi không có nữa, cũng như hiện nay người ta không sao hoài nghi được một phần lớn những bằng cứ của khoa học. Sự mê tín dị đoan cũng bị diệt trừ như sự hoài nghi. Nhờ sự vô minh của con người, nên sự mê tín mới sống trong bóng tối, phát triển và thịnh vượng được, và trở thành một hiểm họa cho các dân tộc, vì có một số người còn giữ truyền thuyết của sự hiểu biết mà không hiểu biết thật sự, nên đã sử dụng truyền thuyết này để nô lệ hóa đồng bào. Vì vô minh, những đồng bào này khiếp sợ sự hiểu biết giả mạo kia cúi đầu trước những kẻ mạo nhận là có những chìa khóa của sự hiểu biết, tuy rằng những chìa khóa đó đã bị sét ăn và không thể quay vặn được trong những ống khóa nữa. Chúng ta sẽ thấy, như hiện nay chúng ta

đang thấy, sự mê tín dị đoan sẽ không làm sao còn được nữa, khi mắt con người được mở ra. Quý huynh không biết những tai hại của sự mê tín dị đoan gây ra bên kia cửa tử. Quý huynh không tưởng tượng nổi những đau đớn khổ sở và những kinh nghiệm mà rất nhiều linh hồn phải chịu khi họ lìa bỏ xác thân để bước sang một thế giới xa lạ đối với họ; ở đấy họ thấy không biết bao nhiêu hình nộm tượng tượng dọa nạt họ, chính sự hiểu biết giả mạo hướng dẫn sự mê tín dị đoan mới tạo ra chúng nó. Nhất là trường hợp phương tây nơi đó người ta đã nói đến địa ngục đời đời và nói rằng sau khi chết, không có sự mở mang mà cũng không có sự tiến bộ, họ cho rằng kẻ có tội bị quăng vào một hồ lửa đỏ, y phải ở đó trong vô số thế kỷ của thời gian vô tận, không hy vọng được cứu rỗi hay giải thoát. Quý huynh không thể tưởng tượng được những hậu quả mà những tín ngưỡng đó đã tạo ra cho những linh hồn bước qua cửa tử để đi sang thế giới bên kia. Những linh hồn đáng thương ấy tưởng rằng những chuyện đó có thật, họ có thể là nạn nhân của những mối lo khủng khiếp do những vị lãnh đạo dốt nát của họ đã mô tả và tuyên bố. Những ai giúp đỡ họ bên kia cửa tử phải khó nhọc lắm mới có thể làm cho họ yên lòng dần dần không còn sợ hãi nữa và làm cho họ hiểu ở đâu cũng có định luật, và trong những quyền lực chỉ huy vũ trụ, không hề có sự sâu độc và tàn ác. Như tôi

vừa nói với quý huynh, sự hoài nghi và sự mê tín sẽ không thể còn nữa; chúng ta sẽ gặp những nỗi khó khăn khác, những vấn đề tối trọng nhưng hai kẻ thù sinh đôi của con người, sự hoài nghi và sự mê tín, sẽ bị diệt trừ, chúng không sao có thể tái sinh được nữa, khi ngày đó sẽ đến với nhân loại.

Còn về tình bác ái, tình thương nhân loại cũng sẽ rất tiến tới, vì ở cảnh giới này, người ta có thể hành động một cách tốt đẹp hơn nhiều để làm lợi ích cho nhân loại hơn là cõi hồng trần. Những hoạt động ở cõi trần thì rất âm ỹ, nhưng có kết quả tương đối ít. Quý huynh trông thấy một người chạy từ chỗ này đến chỗ kia, ban ra những bộ luật, làm việc này hay việc nọ trong chính giới cũng như trong xã hội, quý huynh tưởng sự nghiệp của y sẽ lớn lao lắm và sẽ có những kết quả kỳ diệu. Nhưng những kết quả đó nhỏ nhen và rất thấp thỏi khi người ta đem so sánh chúng với cái đại triều ảnh hưởng của công nghiệp vô hình thực hiện trong sự bình tĩnh và yên lặng, không cần nói một lời, không phải một sự cố gắng nào của xác thân, công nghiệp thực hiện bằng cái trí, trong phẩm chất tế nhị nó ảnh hưởng đến tư tưởng hơn là đến xác thân con người, ảnh hưởng đến cái trí của y hơn là đến những lớp vỏ bề ngoài. Khi nhân loại tiến lên đến cảnh giới cao siêu đó, ảnh hưởng này sẽ được lan rộng ra nhiều hơn bây giờ và người ta sẽ bài trừ

sự nghèo nàn, tội ác và những nỗi đau khổ bằng cách ảnh hưởng đến cái trí của dân chúng, người ta tinh luyện và thêm sức cho họ để đem họ ra khỏi những cảnh ngộ mà họ đang chìm đắm trong đó. Tất cả quý huynh đều nhận thấy khi phát sinh ra một tư tưởng ô trược, thù hận, tức giận hay thấp hèn, mỗi người trong chúng ta ném tư tưởng ấy ra ngoài thế gian, dưới hình thức của một sức mạnh linh động, một sinh vật lưu động nó cảm nhiệm xã hội và nhập vô trí những kẻ yếu đuối nhất, nhạy cảm nhất, kém tiến hóa nhất. Như thế, chúng ta thấy những tư tưởng của những người đáng kính gieo rắc những mầm mống của tội ác ở giữa những đám đông, và tội lỗi cùng những sự hành động của những đám đông này sẽ thuộc về quả báo của những ai đã sinh ra những tư tưởng ác ấy. Chân lý này không được truyền rộng ra như đáng lẽ nó phải được tuyên truyền. Người ta không tin chắc ở nó như đáng lẽ người ta phải tin. Mỗi người khi có một cảm tình thù hận, liền ném vào cõi trung giới một sức mạnh phá hoại, và khi nó gặp một người yếu đuối mang một nghiệp quả xấu, bị những hoàn cảnh bất lợi bao vây, bị những sự kích thích chi phối mà y không thể làm chủ được, bị những dục vọng ngự trị cái trí của y, thì những tư tưởng xấu kia nhập vô trí y; tất cả những tư tưởng kinh khủng ấy phát sinh bởi những người có một địa vị đáng kính trong xã hội. Nếu người

yếu đuối vừa nói trên bị một sự bất công kích thích, bị một sự sỉ nhục nào làm cho y điên cuồng lên, y sẽ bị thúc đẩy mà phải phạm vào tội giết người. Tuy rằng chính cánh tay bằng xương bằng thịt của y cầm con dao, người ta có thể theo dõi trách nhiệm của vết dao đâm thì biết chắc chắn nguyên nhân của sự giết người là do những tư tưởng của nhiều kẻ có ý muốn trả thù với một bản chất sát nhân xúi giục, mặc dầu họ không khoác vẻ bề ngoài của kẻ sát nhân. Quý huynh sẽ không thể nào trừ tuyệt được tội ác trong những lớp cận bã của xã hội, nếu quý huynh chưa tinh luyện được những tư tưởng của những giai cấp thượng lưu, của những người học thức, của những người có thể hiểu bản chất sự vật. Khi nào tất cả điều này được mọi người thấu rõ, khi nào cảnh trung giới được mở rộng ra trước mắt nhân loại, thì chúng ta sẽ có trong tay một sức mạnh mới mẻ để giúp và nâng đỡ nhân loại. Thật vậy, con người sẽ không còn nghi ngờ sức mạnh của tư tưởng. Y sẽ nhận định được trách nhiệm của mình khi phát sinh ra những tư tưởng, và sẽ ban rải ra ngoài những ảnh hưởng bác ái và nâng đỡ, thay vì những ảnh hưởng xấu xa thấp hèn mà ngày nay y thường cho ra. Y cũng sẽ nhận thấy y có thể giúp đỡ một cách trực tiếp như hiện nay chúng ta được giúp đỡ, từ nơi mấy cảnh cao của cõi thượng giới, vì điều mà những nhà khoa học phát minh ra thường đến với họ từ cái cảnh giới

cao siêu ấy, do một ảnh hưởng trực tiếp tới cái trí của họ. Khi một nhà khoa học bắt đầu thực hiện cách nhận xét mới mẻ, khi một người như ông Crookes khám phá ra được căn nguyên của nguyên tử²⁴ – (một trong những lý thuyết đại cương tốt đẹp nhất của khoa học kim thời) – quý huynh tưởng rằng bắt đầu đi từ dưới thấp mà ông có thể lên cao đến sự hiểu biết ấy sao? Tôi xin thanh minh rằng những ý kiến như thế là do từ trên cao đi xuống, chớ không phải từ dưới thấp đi lên. Theo cách từ trên đi xuống đó, những vị Chơn Sư ảnh hưởng đến cái trí của những người có một vài khả năng có thể dùng được, và như thế từ cảnh giới của tư tưởng, đi xuyên qua cảnh trung giới, nơi đây tư tưởng là những sinh vật sống và động tác. Thỉnh thoảng các Ngài ảnh hưởng đến một vài người để thúc đẩy sự tiến hóa của thế gian và làm dễ dàng sự phát triển của nhân loại. Nếu ngày nay điều này ít xảy ra, lý do là; vì phương diện đạo đức của con người chưa được phát triển, thì con người chẳng nên biết quá rõ ràng về những sức mạnh vô hình ẩn kín sau bức màn che đậy chúng, y sẽ lạm dụng chúng thay vì sử dụng chúng đúng phép, y sẽ dùng chúng một cách bất lương để thỏa mãn những dục vọng ích kỷ của mình, thay vì dùng chúng để giúp đỡ và thêm sức mạnh cho

²⁴ *La Genèse des atomes.*

đồng loại. Đó là nguyên nhân tại sao sự hiểu biết không được ban rải ra một cách rộng rãi hơn, đó là lý do tại sao khoa học không được giúp đỡ nhiều hơn nữa. Như lời của một trong các Đấng cao cả đã nói: «Trước nhất, khoa học phải phụng sự nhân loại thì mới xứng đáng được giúp đỡ một cách rộng rãi của các Đấng chí tôn cai quản tất cả những Vị phò trợ và tất cả những Vị cứu thế.»

Về mặt khác nữa, người ta sẽ tiến tới rất nhiều ở thời đại mà chúng ta đang nói đến.

Giáo Dục.- Về giáo dục, tôi thí dụ khi tiếp xúc với các trẻ em, với những em nhỏ, quý huynh ít khi chú ý đến những khả năng cao cả mà ta có thể khám phá ra nơi các em, nếu mấy vị thầy của các em khá hiểu biết để nuôi dưỡng những bản chất tốt đẹp ấy và làm dập tắt những xu hướng xấu đi. Quý huynh biết rằng xung quanh xác thân của mỗi người có một vòng hào quang mà con mắt quen luyện tập nhận thấy được – thí dụ như mắt của một nhà Đô Ghi – hào quang này khiến ta có thể nhận xét được trạng thái phát triển của cái trí, bản chất của tính nết và cho ta biết một cách rõ ràng về trình độ tiến hóa của linh hồn ở trong xác thân ấy và về những nét đặc biệt và những thuộc tính của linh hồn. Mỗi người trong quý huynh đều mang theo xung quanh mình tờ tường trình đó về địa vị riêng biệt của mình,

bằng chứng rất rõ ràng của trình độ mà mình chiếm được trên nấc thang tiến hóa. Xung quanh mỗi người trong quý huynh có một châu vi đặc biệt nó chỉ rõ bản chất của tư tưởng và của tính nết quý huynh, rất dễ khám phá ra đối với con mắt đã được luyện tập – chẳng khác gì con mắt hồng trần nhìn thấy những nét mặt, – và nó cho ta biết rất nhiều về tính nết con người.

Khi một em nhỏ ra đời, lúc đầu của thời kỳ em lớn lên thì hào quang của em có đặc điểm sau: Nó chứa những kết quả của các nghiệp quả của em trong dĩ vãng, nhưng phần lớn có những xu hướng về trí não và về tính nết của em trong hào quang đó chỉ đang trong trạng thái mầm mống chớ không ở trạng thái đã chín mùi. Nếu quý huynh xem xét hào quang của một em nhỏ, quý huynh sẽ thấy nó tương đối trong trắng, những màu sắc của nó sáng sủa và trong suốt chớ không phải dày đặc, dơ như bùn ở người nam hay người nữ đã trưởng thành, và trong hào quang này, có những xu hướng tiềm tàng có thể phát triển được. Có những xu hướng tốt và có những xu hướng xấu. Những nét đặc biệt này con mắt đã tinh luyện nhận ra ngay, người ta có thể phát triển những xu hướng tốt và bóp nghẹt những xu hướng xấu bằng cách đặt em nhỏ dưới những ảnh hưởng tốt. Nếu quý huynh muốn hạt giống sẽ cho mình một cây non, lành mạnh và sống lâu thì quý huynh phải để hạt giống đó vào

một miếng đất tốt, tưới nước cho nó và coi chừng mặt trời chiếu vào nó chan hòa. Hạt giống chứa tất cả những gì thiết yếu trong cây nhưng cây này chưa được hoàn toàn phát triển và tùy theo bản chất của miếng đất gieo hạt, tùy theo sự săn sóc của quý huynh, tùy theo ngọn gió mát sẽ mọc trổn cây và mặt trời sẽ sưởi ấm cây, cây sẽ nảy nở hoàn toàn, nhiều hay ít, cây có thể lớn lên và trở thành rất đẹp, hay có thể cằn cỗi và không lớn lên được nữa. Trong phạm vi rộng rãi, đứa bé cũng vậy. Một em nhỏ ra đời; thí dụ em có mang theo mình mầm mống của sự giận dữ, mầm mống của một bản chất hung bạo và si tình. Nếu chúng ta, những người xung quanh em đều khôn ngoan và hiểu biết, thì họ sẽ biết cách đối đãi với em ra sao. Không bao giờ người ta được để cho em nghe thấy một lời giận dữ, không bao giờ để em chứng kiến một hành động si tình. Tất cả những ai ở xung quanh em đều phải dịu dàng, mến yêu và tự chủ, không bao giờ được truyền mầm mống mà em đã có sẵn, sức kích thích sự giận dữ của người lớn, sức này sẽ có hiệu quả thúc đẩy sự giận dữ phát triển nơi đứa nhỏ, khiến tính này tăng thêm mức độ và trở thành chín mùi. Quý huynh phải xem chừng đứa trẻ phải ở trong vòng của những ảnh hưởng có tính cách kích thích những điều tốt đẹp, cao thượng và trong trắng. Nếu quý huynh làm điều này cho mỗi em nhỏ, thì nhân loại sẽ tiến với một tốc độ nhanh như chạy

thay vì hiện giờ nhân loại đang đi như một kẻ què chân khập khiễng. Sự vô minh làm mờ tối cái trí con người và họ không còn biết cách nào nuôi dạy trẻ nhỏ ra sao nữa. Chung quanh chúng ta chỉ có những thất bại, và những sự thất bại này sẽ biến mất khi con người hiểu biết rộng rãi hơn, và y sẽ được dạy bảo một cách sáng suốt chớ không mù quáng như bây giờ, khi y được dạy dỗ căn cứ vào sự hiểu biết chớ không phải vào sự vô minh. Sự cần thiết của một nền giáo dục chọn chánh này giải nghĩa tại sao xưa kia mỗi em nhỏ đều được gọi đến một vị Thầy. Tục lệ cổ kính này có mục đích để cái trí đã phát triển đầy đủ ảnh hưởng đến cái trí của con nít và để được sự giúp đỡ của một Chơn Sư có những kiến thức sâu xa vượt khỏi những kiến thức của người thường. Vị Thầy bao giờ cũng là một người thông hiểu, là một người sáng suốt, có thần nhãn, thấy rõ, và trẻ em được trao đến tay Ngài và nhờ nền giáo dục được ban phát như thế, những bản năng xấu xa được diệt bỏ, và những bản năng tốt được phát triển. Khi những vị Thầy chọn chánh đã mất đi, thì nhân loại đã mất sự lợi ích lớn lao ấy, nhưng điều lợi ích này sẽ tìm lại được khi sự hiểu biết được ban ra rộng rãi hơn trong dân chúng và khi giai đoạn cao hơn trong sự phát triển của con người sẽ làm cách giáo dục cao thượng ấy có thể thực hiện được.

Y Học.- Trong mọi giai đoạn của sự hiểu biết, những phương pháp sẽ được thay đổi. Người y sĩ sẽ không còn bị bắt buộc chẩn bệnh do những dấu hiệu bên ngoài, ông căn cứ sự chẩn bệnh vào sự nhìn thấy trực tiếp chớ không phải vào sự suy luận nữa. Để ấn định một cách chẩn bệnh, người ta bắt đầu sử dụng cái mà người ta gọi là những năng khiếu thần thông hay thần nhãn. Thay vì bị sự dày đặc của xác thân ngăn cản, thầy thuốc sẽ nhờ đến người có thần nhãn nhìn xuyên qua vật chất hồng trần và có thể chính mình thấy rõ ràng chứng bệnh, y thấy được cơ quan đau yếu, trong những bộ phận của thân thể con người. Do có thần nhãn ấy, người y sĩ biết những điều mà ông ta cần biết khiến ông có thể hành động chắc chắn hoàn toàn và coi chừng được hậu quả sinh ra do những món thuốc đã cho uống. Quý huynh hãy tưởng tượng y khoa sẽ trở thành như thế nào, nếu tất cả những vị y sĩ đều có năng khiếu thần nhãn ấy, nếu năng khiếu này trở nên thông thường thay vì là một sự đặc hữu của một vài người, để khiến cho những người thầy thuốc có thể ấn định sự chẩn bệnh một cách vững chắc và có thể coi chừng những hậu quả của cách chữa bệnh với tính cách rõ ràng mà chỉ riêng thị giác mới cho được mà thôi.

Hóa Học.- Đối với khoa hóa học cũng vậy, những kết quả mà nhà hóa học sẽ thu thập được sẽ vượt xa những kết quả hiện tại biết bao nếu mắt ông được mở ra, hay hơn nữa, nếu ông có thể theo dõi tất cả những giai đoạn phối hợp của các nguyên tố, nếu ông có thể cấu thành những hợp chất với lòng tin chắc chắn vì mắt đã trông thấy thay vì làm việc đó do sự ngẫu nhiên, và phải đợi kết quả của một sự thí nghiệm trước khi biết được chắc chắn kết quả xảy ra. Người ta sẽ tránh được biết bao nhiêu tai nạn. Sự hiểu biết đó sẽ thúc đẩy những sự tiến bộ của khoa học biết bao.

Tâm Lý Học. – Trong phạm vi của khoa tâm lý học cũng thế; khi con người giao cảm với nhau bằng tư tưởng, thay vì dùng những phương pháp chậm chạp của khoa học vật chất, thì tư tưởng sẽ bay nhanh chóng biết bao từ khối óc này sang khối óc khác, truyền thông những ý nghĩ mà không cần đến những phương pháp thô sơ thường sử dụng ngày nay. Quý huynh sẽ nhận định ngay được ý nghĩa của sự đó như thế nào, đối với nhân loại, bằng cách tự đặt mình vào quan điểm của cảnh giới hồng trần. Tôi muốn nói rằng lúc đó ý nghĩa chia rẽ chỉ còn là một sự thể của dĩ vãng, rằng non núi cũng như đại dương sẽ không còn có thể chia rẽ được hai người, hai bằng hữu, hai người quyến thuộc nữa. Tôi muốn

nói khi con người đã chiếm được cảnh giới ấy của thiên nhiên, thì họ sẽ có thể giao cảm với nhau, từ cái trí này sang cái trí khác, dù họ đang du lịch ở nơi nào, dù họ cư ngụ ở xứ nào, vì đối với cái trí, những biên giới của thời gian và không gian không còn nữa, như chúng vẫn tồn tại ở cõi hồng trần. Khi con người làm cho cái vía được tinh vi, y sẽ xuất vía được, y sẽ đến với người thân yêu, những nỗi đau khổ về sự vắng mặt sẽ mất đi. Như thế sự chết sẽ mất cái quyền lực chia rẽ. Quý huynh hãy xem xét đời người hiện nay, quý huynh thấy tử biệt và sanh ly là hai mối đau đớn lớn lao đang đè nặng nhân loại. Cả hai sẽ mất áp lực chánh của chúng khi con người tiến bộ được một bước lớn như thế, cả hai sẽ mất quyền lực chia rẽ khi con người tiến đến trình độ cao vút đó. Điều mà ngày nay chỉ có những người đệ tử được hưởng, thì sẽ được họ chia sẻ với đa số, và đời sống vật chất của con người sẽ thành tốt đẹp hơn, khi ảnh hưởng trên đây thường làm bối rối cuộc đời, sẽ biến mất.

Triết Học.— Đối với triết học cũng thế, nhờ sự hiểu biết thâm sâu hơn về những khả năng của vật chất và những sự thật của đời sống.

Sử Học.— Đối với sử học cũng thế, khi tất cả những tài liệu của nó được lấy ở những văn khố của chất tiên thiên khí (akasha), khi môn sử học không còn viết với mục đích làm thỏa mãn

những dự vọng của một đảng phái chính trị, hay để bênh vực một vài lý thuyết về sự tiến hoá của nhân loại, hay vài giả thuyết do trí tưởng tượng của các nhà thông thái sinh ra. Tất cả lịch sử đều được ghi chép trong chất tiên thiên khí (akasha); đó là những văn khố không bao giờ hư hoại và không sao bị tiêu diệt được. Không một hành động nào của nhân loại trong dĩ vãng mà lại không được ghi chép ở đây, không một sự việc gì của lịch sử loài người mà không được thu vào đây, đối với người có thể nhìn thấy. Rồi sẽ đến lúc tất cả lịch sử sẽ lấy ở đó ra thay vì được viết theo phương pháp đây vô minh được sử dụng hiện giờ, khi nào con người muốn biết về dĩ vãng, y chỉ nhìn vào những văn khố không thể hủy hoại ấy và sẽ dùng chúng để tự phát triển, bằng cách sử dụng kinh nghiệm của dĩ vãng, để giúp sự phát triển của nhân loại được nhanh chóng hơn.

Mỹ Thuật.— Còn nghệ thuật sẽ tiến như thế nào, khi những quyền lực tân kỳ đó ở trong tay con người, có lẽ chỉ những ai ngày nay đang hưởng nghệ thuật đến mức nào, mới có thể tưởng tượng điều đó được. Những hình dáng tân kỳ, đẹp hơn mọi danh từ, sẽ được sử dụng; màu sắc rực rỡ hơn, không thể tưởng tượng sẽ được dùng đến, những màu không có ở cõi trần và sẽ nảy sinh trong chất tế nhị nhất ở cõi trung giới,

những màu sắc không ai có thể tả được, vì tả bằng lời nói thì không sao làm cho ta hiểu được bản chất của một màu lạ lùng như thế. Tất cả điều này sẽ ở trong phạm vi của nghệ thuật, cũng như tất cả những khả năng kỳ diệu của những giác quan tế nhị hơn.

Thế Lực và Uy Quyền.— Vậy thế lực và uy quyền sẽ ra sao? Nên quân chủ thiêng liêng²⁵ sẽ trở lại xuất hiện trên trái đất. Con người sẽ được xếp hạng trong xã hội tùy theo trình độ tiến hóa của mình đã đạt, chẳng phải tùy theo những ý muốn nông cuồng của sự ngẫu nhiên như ta thường thấy ngày nay. Tất cả mọi người có thể biết được trình độ tiến hóa của chính mình và của người khác, vì hào quang của mỗi người sẽ được chỉ rõ để ai cũng có thể trông thấy những khả năng về trí thức và đạo đức của y, do đó, địa vị mà y xứng đáng có trong xã hội loài người, chúng ta sẽ thấy những thanh niên tập luyện làm công việc mà họ có năng khiếu, những thiên bẩm của họ khiến họ có thể hoàn tất một cách tốt đẹp. Sự bất mãn ngự trị ngày nay sẽ mất đi vì nó có nguồn gốc:

a) Ở trong sự thất vọng vì muốn làm những nghề nghiệp thích hợp mà lại bị ngăn cản.

²⁵ Tức là những Vị vua đã được điểm đạo.

b) Ở trong ý tưởng phải chịu một sự bất công, nó hiện rõ trong trí của con người, khi họ tin chắc rằng họ có những năng khiếu mà lại không có được dịp nào làm cho những năng khiếu ấy nổi bật lên; họ có những khả năng mà họ không thể phô bày ra được. Nếu họ khôn ngoan thì họ sẽ biết đó là kết quả của nghiệp báo của họ.

Chúng ta chỉ nói đến số đông chớ không nói đến những nhân vật thông minh hơn. Đối với những số đông này, sẽ không còn sự bất mãn nữa, khi mỗi người có được một địa vị mà những năng khiếu hiển nhiên của y cho phép y chiếm, chúng ta sẽ có một xã hội được tổ chức một cách tốt đẹp. Cùng lúc đó chúng ta sẽ biết cách đối đãi với những người thấp kém trong nhân loại ra sao. Chúng ta sẽ không trừng phạt những kẻ tội lỗi, chúng ta sẽ sửa chữa tính tình họ; chúng ta không xử tử mà dạy dỗ họ. Chúng ta có thể phân biệt được nhược điểm cần phải nâng đỡ và ta sẽ thấy sự minh triết nó sửa chữa thay thế cho sự tức giận nó trừng phạt. Không những người ta cải thiện xã hội bằng cách sửa chính bản tính của con người, mà vẻ bề ngoài của xã hội cũng được thay đổi, và toàn thể loài vật sẽ phục tùng quyền năng cải tạo của loài người. Con người sẽ không còn là một bạo chúa, một kẻ áp bức như bây giờ, nhưng sẽ là người nâng đỡ, người giáo hóa và dạy bảo súc vật thấp kém. Y sẽ là người che chở

và giáo dục cho con vật, chính sứ mạng y là phải thế, chớ không phải là kẻ đao phủ áp bức loài vật như người ta quá thường thấy ngày nay. Tôi không cần phải nói thêm, mọi sự tàn ác sẽ dần dần biến mất; máu của loài vật sẽ không còn chảy loang trên mặt đất nữa, cũng như bây giờ nó đang thấm sâu vào lòng đất; giống vật sẽ không còn chạy trốn loài người vì sợ hãi, kinh khủng nữa, vì biết rằng đó là một người bạn chớ không phải là kẻ thù; lúc đó chúng ta sẽ tiến đến một thời đại hoàng kim mới mẻ, khi ấy tất cả những sinh vật đều thương yêu nhau chớ không oán thù nhau.

Lương Thức trên cõi Thượng Giới.²⁶ – Những điều tôi vừa nói với quý huynh giống như một truyện thần tiên, tuy nhiên, đó chỉ là giai đoạn gần nhất sắp tới của sự phát triển của con người, đó chỉ là kết quả sự làm chủ cõi trung giới, cảnh giới ở ngay trên cảnh hồng trần. Sự thế sẽ như thế nào khi con người lên cao hơn nữa và sẽ mở rộng lương thức trên cảnh thượng giới hay cảnh của cái trí. Tôi chỉ có thể lấy một hay hai thí dụ để cho quý huynh có thể tưởng tượng về sự phát triển hoàn toàn của lương thức ở thời đại quá xa xôi ấy. Thí dụ như có một diễn giả với

²⁶ Sự phân chia : Lương thức trên cõi thượng giới, bồ đề, niết bàn vốn của dịch giả và luôn những giai đoạn trước.

những thính giả. Chúng ta sẽ thấy bao nhiêu sự khác biệt giữa tài hùng biện với hiệu quả của tài đó đối với công chúng. Thay vì nghe những tiếng, những âm thanh được phát ra vào tai, âm thanh chỉ truyền được một phần nhỏ của tư tưởng, đã không hoàn toàn mà còn sai nghĩa, thính giả sẽ thấy được tư tưởng trong thực trạng của nó. Tư tưởng này sẽ xẹt ra dưới mắt họ, sẽ khoác một màu tươi chói, có một âm điệu huy hoàng và một hình thức tuyệt diệu, giống như người ta nói với họ bằng âm nhạc vậy. Người ta sẽ nói với họ bằng một thứ ngôn ngữ được diễn hình bằng những màu sắc và hình thức, đến mức làm cho một căn phòng đầy âm thanh, màu sắc tuyệt hảo. Quả thật đó sẽ là tài hùng biện của tương lai, khi con người làm chủ được cảnh giới cao cả, trạng thái của lương tri và của đời sống. Quý huynh tưởng rằng tôi chiêm bao hay sao. Tôi xin nói rằng hiện nay đã có những người đi đến cái cảnh giới đó của lương tri, họ đã biết nó, cảm thấy hiệu quả của nó; những người này đã vượt qua những tấm màn che lấp mắt của đa số nhân loại, mà nhân loại bị ngăn cản không cho hiểu biết những khả năng cao cả của đời sống. Một người đứng trên đỉnh một tháp cao, có thể nhìn ngắm phong cảnh tứ phía và nhận được những âm thanh, màu sắc, hình dáng khắp nơi của phong cảnh, nếu y đi xuống thang lầu của cái tháp, thì y chỉ còn thấy một phần phong cảnh

được đóng khung trong cái cửa sổ mà thôi. Đời sống của con người trên cảnh thượng giới cũng giống thế. Sự hiểu biết từ tứ phía đến với y tràn trề, không phải do sự trung gian của những giác quan mà chúng ta biết, nhưng nhờ một giác quan duy nhất, nó ứng đối với tất cả những làn rung động của ngoại cảnh. Và khi con người trở xuống những thế thấp, thì sự thế này có một hiệu quả giống hệt như khi y đi xuống thang lầu; y chỉ còn có thể nhận thấy được những gì mà mắt, tai, mũi nhận biết – những sự vật chỉ hiện ra trong cửa sổ bé nhỏ thôi – cho phép y hiểu biết được ngoại cảnh, vì các giác quan chỉ là những cửa sổ, và chúng ta bị giam hãm đằng sau những bức tường của xác thân. Chúng ta chỉ còn có cách là vượt lên khỏi cái xác thân này thì mới có thể nhận thấy cảnh giới bao bọc xung quanh ta, trong tất cả sự huy hoàng, vẻ đẹp của nó và với tất cả những sự kỳ diệu.

Lúc đó, mãnh lực của đời sống sẽ được tăng lên thập bội. Tất cả những biểu lộ cao cả của trí thức đều từ cảnh giới này mà ra và xuyên qua trung giới. Những ảnh hưởng có uy lực nhất thuộc về thể trí ngày nay dùng để giúp đỡ con người ở cõi hồng trần, đều ở từ những cảnh cao của thượng giới ban xuống do những người có thể hoạt động trên ấy. Những đệ tử của các Chơn Sư đều ở đó, hoàn toàn thức tỉnh, làm việc để giúp đỡ nhân loại, làm cho nhân loại thêm mạnh

mẽ, và tất cả những ai đã bước qua những cánh cửa lớn của sự điếm đạo mà hôm qua tôi đã nói với quý huynh, đều sống trong cảnh giới này và giúp đỡ con người. Người đệ tử có thể làm việc đó ở cõi hồng trần, nhưng y sẽ làm việc một cách hoàn hảo hơn khi y ở trên cảnh giới cao cả và có hiệu quả này. Nơi đây, y hoạt động nhiều nhất, hữu ích nhất. Và khi đa số nhân loại tiến tới cảnh giới này thì số người làm việc sẽ lớn, và sự liên hiệp của những người cứu giúp sẽ rộng rãi biết bao. Ngày nay, nơi đó chỉ có độ vài trăm người làm việc để giúp đỡ muôn triệu người khác trong nhân loại, công việc thì không được hoàn hảo, vì số người làm việc ít. Nhưng khi toàn thể nhân loại lên cao đến cảnh giới này, con người sẽ vượt qua những nấc dưới một cách nhanh chóng biết bao. Nhân loại sẽ phát triển một cách nhanh chóng đến đời này nay chúng ta không thể tưởng tượng được.

Lương Thức trên cõi Bồ Đề.- Con người sẽ lên cao hơn nữa, để đứng trên một cảnh giới khác; trên cảnh giới này, tất cả đều là sự đồng nhất, con người biết và cảm thấy mình chỉ là một đối với vạn vật hữu hình, đó là cảnh giới turiya, (bồ đề) con người sẽ chiếm hữu trước khi đại kiếp kết liễu. Cảnh giới này chỉ mở rộng ra cho người đệ tử trong giai đoạn cuối cùng của sự phát triển của y, như tôi đã tả hôm qua. Giống

dân chánh thứ bảy sẽ trèo lên những đỉnh cao ấy và sẽ ở trên đó. Khi nhân loại tiến đến sự phát triển ấy của trạng thái lương thức, thì không còn cái gì có thể chia rẽ loài người được nữa; mỗi người đều biết mình là một đối với những người khác, mình cảm thấy điều mà họ cảm thấy, mình nghĩ và biết cái điều mà họ nghĩ và biết; đó là trạng thái lương thức được mở rộng ra, cho đến khi gom vào đó cả ức triệu sinh linh. Lúc đó, tình huynh đệ đại đồng là một việc đã hoàn tất, vì ở nơi đó, người ta cảm thấy cái tinh hoa của sự vật, chớ không phải chỉ thấy cái vỏ bề ngoài của nó mà thôi, nơi đó, người ta thấy sự thật chớ không phải chỉ thấy sự biểu lộ hữu hình. Tất cả đều nhìn nhận Chơn Thần duy nhất sống ở mọi sinh linh, và đối với người hiểu biết thì không làm sao có sự thù hận được nữa.

Lương Thức trên cõi Niết Bàn.— Cao hơn nữa, còn có một nấc tiến hoá khác mà tôi không thể dùng danh từ nào để mô tả được, không một câu nào có thể cho ta một ý niệm, cái mức mà các vị Thánh Minh gọi là niết bàn, các Ngài đã hoài công kiếm cách giảng giải, vì ngôn ngữ loài người không thích hợp với việc ấy; tất cả những sự cố gắng của các Ngài làm, để chia sẻ sự hiểu biết của mình cho kẻ khác chỉ làm cho quan niệm bị hiểu sai lầm mà thôi. Đó là trạng thái của lương thức cao cả đến nỗi ta không thể hiểu

được; nó bao trùm trọn cả vũ trụ và do đó khiến cho loài người – họ chỉ có một sự hiểu biết hữu hạn – có cảm tưởng niết bàn là tịch diệt. Nhưng tôi xin nói với quý huynh, đời sống ở niết bàn, là đời sống của các Tiên Thánh, là một trạng thái lương thức mà bên cạnh đó, trạng thái lương thức của chúng ta giống như trạng thái của hòn đá, vì bị những hạn định ràng buộc, vì bị vô minh làm cho chúng ta tối tăm, do những phương pháp vụng về của nó; ở đây có một đời sống vượt khỏi tất cả những giấc mơ của chúng ta về cuộc đời, một sự hoạt động cao hơn tất cả những gì mà chúng ta có thể tưởng tượng, một đời sống duy nhất, tuy vậy nó ban rải ra bằng nhiều hoạt động cụ thể; một đời sống nơi đó đức Thượng Đế là ánh sáng hiện hữu ban rải những tia sáng xuyên qua tất cả những cảnh giới của vũ trụ. Trình độ ấy cũng là mục đích mà con người phải tiến tới trong đại kiếp này, và sẽ đi đến đó khi giống dân chánh thứ bảy hoàn thành xong sự tiến hóa của họ. Những tinh hoa nhân loại của chúng ta²⁷ hiện nay đã biết được mục đích đó; một ngày kia các vị ấy sẽ thấy hàng ức triệu sanh linh ở chung quanh mình cũng biết mục đích đó như mình vậy. Rồi đến đời sống của Thượng Đế trong những kỳ gian vô số kể và Ngài sẽ hoàn

²⁷ *Tinh hoa nhân loại hiện nay là những vị Tiên Thánh, những Chơn Sư đã được từ năm lần điểm đạo sắp lên.*

toàn phản chiếu vào những sanh linh trưởng thành theo gương Ngài, cho tới khi một vũ trụ mới nảy sinh, và khởi đầu hoạt động. Mỗi Vị trong những sanh linh ấy, đến lượt họ lại trở thành một vị Thượng Đế, lại xây dựng một vũ trụ mới, lại dạy dỗ nhân loại mới. Đó là tương lai đang chờ đợi chúng ta; đó là vinh dự huy hoàng sẽ được tỏ bày ra cho chúng ta biết vậy.

HẾT.

HỘI THÔNG THIÊN HỌC CÓ BA MỤC ĐÍCH

1. Tạo một tình Huynh Đệ đại đồng không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, nam nữ, giai cấp hay màu da.
2. Khuyến khích việc học hỏi và đối chiếu Tôn Giáo, Triết Lý và Khoa Học.
3. Nghiên cứu những Định Luật thiên nhiên chưa giải thích được và những quyền năng ẩn tàng trong con người.

Muốn gia nhập hội, bạn chỉ cần thừa nhận mục đích 1 và xin liên lạc với hội nơi quốc gia bạn cư ngụ; hay với một bạn hội viên nào bạn biết.

Muốn biết thêm chi tiết, xin viết thư cho vị tổng thư ký hội .

Bản dinh chính: Adyar, Chennai (Madras),
600 020 India

Hoa Kỳ: Theosophical Society in America

P.O. Box 270

Wheaton, IL 60189-0270

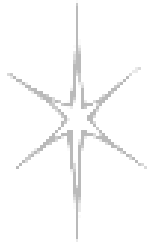
Canada: 2123 Jacques Hertel

Montréal, QC

H4L 1R4

Pháp Quốc: 4 Square Rapp

Paris VII è, France



NGUYỆN CẦU VẠN VẬT THÁI BÌNH
CHÚNG SANH AN LẠC